



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 64

Số: 3

(2658)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 15 - 1 - 2011

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN



TIẾNG NÓI NHÀ VĂN CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ XI

NHẬN THỨC VÀ KHÁT VỌNG ĐỔI ĐỜI

Nhà thơ HOÀNG MINH CHÂU⁽¹⁾

TRONG văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng lần này, có nhiều mục, nhiều điều quan trọng, nhưng có một điều mà tôi hết sức tâm đắc, đó là Trung ương nhắc đi nhắc lại yêu cầu với các cấp, với đảng viên "Dám nghĩ, dám làm" trong các lĩnh vực hoạt động. Tôi hiểu đó không phải vì lâu nay đã có sự lèn ép nào, cũng không là duy ý chí chủ quan, mà là đáp ứng cấp bách và cũng lâu dài, đúng nhu cầu của từng người dân trước sự đổi đời, mà trước hết là đổi mới tư duy, đúng như cái triết lý tự nhiên "Tôi tư duy nghĩa là tôi tồn tại"...

Đến với Cách mạng, Malakovski thú nhận mình "từ một trời thơ rơi xuống", có được "sáng mắt sáng lòng" như Aragông, hay cảm nhận thấy "mặt trời chân lý" ở Tố Hữu... đều là do nhận thức cá nhân có sự trùng phùng với Đảng, với nhân dân. Cái lý tưởng nhân ái cao thượng của chủ nghĩa Cộng sản, như ta đã thấy không chỉ những nhà văn-dòng sản biết. Victor Hugo, dòng dõi cung đình cũng là nhà văn của "Những người khốn khổ", LeoônTolstoy, vị bá tước mà lại hiểu cái giá của "Chiến tranh và hòa bình"... Rồi ở nước ta, ngay khi Đảng chưa ra đời, ông quan nhỏ Nguyễn Du đã nhìn thấu số phận con người trong xã hội tàn nhẫn bất công. Về sau đó, từ một sỹ phu Phan Bội Châu cho đến một giáo sư đồ Trần Văn Giàu, ai ở tầng lớp nào cũng có Nhận thức và Khát vọng đổi đời mà để lại tấm gương cho nhiều thế hệ, trong đó có thế hệ nhà văn, những người cầm bút.

Có một thời, cũng do bàn khoăn để nhận thức, cụ thể là về cách viết, đối tượng phục vụ, các nhà văn Việt Nam đã nhắc tới câu nói của Mikhail Solokhov: "Viết theo chỉ thị của trái tim...", do cần thận hơn, Mikhail Solokhov còn nói tiếp: "nhưng trái tim thuộc về Đảng". Giờ đây chẳng phải vì Cách mạng cộng sản ở nước Nga đã sang bước ngoặt, chính thức tiến Cách mạng ở nước ta cho phép tôi nghĩ cái về sau của nhà văn Nga vẫn là khiến cường. Thực ra, với nhà văn đã có một lý tưởng cao đẹp, có một đời từng trải và hiểu biết rộng thì dễ dàng có sự đồng thuận với Đảng trong nhiều vấn đề cơ bản. Lại có thể tự chủ đóng góp cho Đảng những hiểu biết của mình. Bởi lẽ Đảng đã trong tim mình, cho nên ta đã thấy có người không trong tổ chức Đảng, hoặc không có Đảng kể bên, vẫn tự nguyện vượt được gian nan và cống hiến...

Ngày nay khi ta đã nói về một bên kinh tế thị trường, ắt đã có những đảng viên biết cách làm việc khôn khéo hơn, như cách làm giàu chính đáng, biết được cả cách xử lý hiệu quả hơn mỗi khi gặp khó khăn... Với nhiệm vụ sáng tạo của nhà văn là biết đem tới bạn đọc và nhân dân cuộc đời muôn mặt, những điều mới mẻ, đa dạng hơn, những điều mà có khi tổ chức Đảng chưa hề đề cập tới, tự thân nhà văn đã ảnh hưởng, trần trở và nhiệt huyết buộc anh ta phải nói ra, cho nên mới có chuyện Maiakovski gọi "Cách mạng tháng Mười là cách mạng của tôi" vậy.

Tất nhiên nhận thức của nhà văn cũng cần được thời gian kiểm nghiệm, rồi yêu cầu sáng tạo cái mới,

tái tạo cái cũ giúp cho trình độ nhà văn xứng đáng gọi là tri thức. Đến đây xin có điều suy nghĩ: Cách mạng ở Liên Xô, ở Trung Quốc hay ở nước ta đã có thời chưa coi trọng vai trò tri thức, thậm chí có lúc, có nơi còn xếp Trí (tri thức) và Phú (những người biết làm giàu) vào cái khẩu hiệu tả khuynh. Ngày nay, nhất là sau Đổi mới, Đảng đã luôn nhắc nhở tới vai trò và có chính sách đối với tri thức. Tuy nhiên, những nhà văn chân chính thì lại luôn biết rằng: hiểu biết mấy vẫn chưa đủ, có khi có thời, có cả vấn đề còn khó đổi mới, hết như nhân vật Faust (trong tiểu thuyết cùng tên của W.Goeth), người được phong đủ chức danh cao quý rồi bỗng nhận ra "mình vẫn thông minh như cũ". Thế mới hay là cái nhận thức không những cần cho đời hôm nay khi trời yên biển lặng, mà cần cho cả mai sau, có nghĩa là sứ mệnh của Đảng cũng như của nhà văn là còn phải lâu dài...

Hưởng ứng Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI này, nhà văn Đảng viên hay ngoài Đảng, có thể còn người còn ý kiến khác biệt... nhưng chắc chắn trong số hơn 700 hội viên nhà văn vừa có mặt trong Đại hội toàn thể của Hội Nhà văn Việt Nam lần thứ VIII vừa qua, ai cũng đồng ý với nhận định là đất nước đang có những chuyển biến tích cực, đời sống của nhân dân và của riêng mình, phải nhận là có đổi đời... Đảng ta vĩ đại vinh quang là ở chỗ đó...■

1 - Nhà thơ 60 năm tuổi Đảng



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

DUYÊN PHẬN

Truyện ngắn của PHẠM THÁI QUỲNH

BẮC Bình Vương lên ngôi Hoàng đế, ban cho Công chúa Ngọc Hân ngôi Bắc cung Hoàng hậu. Ngọc Hân tạ ơn nhưng ánh mắt đượm buồn. Hoàng đế hiểu sự lòng Công chúa qua ánh mắt đó.

- Ta xưng Đế phong cho nàng ngôi Hậu mà nàng lại không vui. Đúng ra, ta phải trị tội. Nhưng ta không làm như vậy mà càng thương nàng hơn. Nếu là nàng, ta cũng tủi hổ. Nhìn thấy cơ nghiệp tổ tiên đồ mà không biết làm gì hơn là đành thúc thủ ngậm ngùi. Có điều, Hậu cũng phải biết tâm sự của ta. Ngày trước, ta vượt quyền vương huynh ra Bắc Hà phủ Lê cũng là chuyện chẳng đúng. Nhưng Thái hậu đã không nhớ ơn Tây Sơn mà còn khinh nhờn ta nên mới rước giặc Thanh vào nhằm diệt Trịnh hưng Lê. Thật là một tính toán ngu xuẩn. Dựa vào ngoại bang chấn hưng cơ nghiệp, loài tâm鬼 hủ hạ người ta làm được trò trống gì? Sức đã tàn mà vẫn mong có hào quang, làm gì có hào quang vậy

mượn? Đã vay ắt phải trả, vậy mà cứ nhắm mắt vay, Mầu nghi thiên hạ mà như thế ư? Ngày ta dẫn quân ra Bắc Hà, vương huynh ta đứng ngồi không yên nên tức tốc ra ngoài đó nhằm răn đe ta. Nay Thái hậu nhà Lê rước giặc sang, đặt ta vào thế rất khó xử. Muốn đuổi được giặc, ta phải chính danh mới thu phục được nhân tâm, tạo nên sức dời non lấp bể. Bởi vậy, ta đành phải xưng Đế nên đã đối lập với vua Thái Đức là anh ruột ta. Biết làm sao được, tình thế nước Nam như trứng để đầu độc, ngoài ta ra không ai cự được giặc Mãn.

Rưng rưng mắt lệ, Ngọc Hân đáp:

- Thưa Hoàng thượng, Người không trị tội mà còn cảm thương, thần thiếp xin đa tạ lượng bề. Dù không miễn tiếp, phận hèn cũng biết nỗi khổ của Người. Vận số đã dứt, nhà Lê tự hủy hoại cơ nghiệp mà đức Thái Tổ đã nhọc công gây dựng. Giặc lui, Người không xoá triều Lê thì nói thế nào với chúng dân về tội Chiêu

(Xem tiếp trang 20)

NGUYỄN DUY VÀ GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC MIHAI EMINNETSCU - RUMANI

NHÀ thơ Nguyễn Duy bắt đầu sự nghiệp thi ca khi còn là một chiến sĩ phục vụ trong Binh chủng Thông tin. Năm 1973, ông trở thành một hiện tượng văn học được dư luận đặc biệt chú ý với chùm thơ *Tre Việt Nam*, *Bầu trời vuông* và *Hai ấm ổ rơm* đoạt giải Nhất trong cuộc thi thơ của Tuần báo *Văn nghệ*.

Bắt đầu từ đó, thơ ông trở nên quen thuộc với nhiều thế hệ bạn đọc. Nhắc đến nhà thơ xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cũng như thời kỳ đổi mới, không thể không nhắc đến Nguyễn Duy. Ông viết nhiều, đi nhiều. Thơ ông không chỉ được đón nhận ở trong nước mà còn được giới thiệu, đón nhận ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Đầu năm 2011, một bất ngờ lớn đến với Nguyễn Duy. Ông nhận được giấy mời của Viện Hàn lâm Quốc tế Mihai Eminnetescu đến Rumania nhận giải thưởng Văn học. Mihai Eminnetescu là một nhà thơ lớn của dân tộc Rumania; Viện Hàn lâm Quốc tế mang tên ông là một tổ chức văn học có uy tín. Bởi vậy giải thưởng văn học hàng năm của tổ chức này dành cho các tác giả nước ngoài luôn luôn được các nhà văn và công chúng chờ đợi.

Do điều kiện công việc, Nguyễn Duy không đến được Rumania để nhận giải thưởng, và ngày 8 tháng 1 năm 2011

tại Trụ sở Hội Nhà văn Việt Nam, Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa Rumania tại Việt Nam Damir Olaru, được sự ủy thác của Viện Hàn lâm Quốc tế Mihai Eminnetescu đã trân trọng trao giải thưởng cho nhà thơ Nguyễn Duy với sự có mặt của nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam và các Ủy viên Ban Chấp hành cùng các cán bộ chủ chốt của Hội Nhà văn Việt Nam.

Phát biểu tại buổi lễ, ngài Đại sứ đánh giá cao tư tưởng và nghệ thuật thơ Nguyễn Duy, ông nói giải thưởng này đã làm cho hai dân tộc Việt Nam và Rumania, văn học Việt Nam và Rumania trở nên thân thiết và gần gũi.

Nhà thơ Nguyễn Duy, trong bài phát biểu ngắn của mình đã bày tỏ lòng cảm ơn, sự quan tâm cũng như sự đánh giá về thơ ông của Viện Hàn lâm Quốc tế Mihai Eminnetescu. Ông mong muốn những tác phẩm của nhiều nhà văn, nhà thơ Việt Nam khác sẽ được dịch và giới thiệu ở Rumania.

Giải thưởng gồm bằng chứng nhận và một biểu trưng pha lê in hình nhà thơ lớn của dân tộc Rumania: Mihai Eminnetescu.



Dumiru Olaru, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Rumania tại Việt Nam và nhà thơ Nguyễn Duy trong lễ trao Giải thưởng P.V

MỘT KẾT THÚC MỞ

(Tổng kết cuộc thi Truyện ngắn, Bút ký, Phóng sự)
HÀ NGUYỄN HUYẾN

NGÀY 7 tháng 1 năm 2011, tại Trung tâm Văn hoá Âu Cơ - Đường Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội - tiến hành cuộc Tổng kết và Trao giải thưởng cuộc thi Bút ký, Phóng sự, Truyện ngắn kéo dài từ tháng 3 - 2009 đến tháng 8 - 2010 do **Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Công đoàn ngành Giáo dục Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục (Nxb)** tổ chức. Đến dự buổi lễ có GS-TS Phạm Minh Hạc - nguyên Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Nhà thơ Hữu Thỉnh - Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Trung ương Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Tiến sỹ Nguyễn Vinh Hiền - Thứ trưởng Bộ GD&ĐT cùng đông đảo các tác giả và khách mời...

Không nhiều cuộc thi huy động được số tác giả và số lượng các tác phẩm tham dự nhiều như thế. Hơn hai nghìn tác phẩm thuộc đủ các thể loại (trong khuôn khổ cuộc thi) đã gửi về Ban tổ chức. Văn nghệ đã giới thiệu được những tác phẩm tốt. Không có giải nhất cho thể loại Truyện ngắn. Có giải nhất cho thể loại Bút ký đó là một thực tế, một "vấn đề" mà chúng ta nhìn lại trong cả hành trình không chỉ riêng cho cuộc thi.

Cuộc thi là sự góp mặt của các nhà văn, nhà báo, nhà giáo, cán bộ, công chức, học sinh, sinh viên những cây bút không chuyên từ mọi miền đất nước... Đôi khi các bài viết chỉ là "don gian ghi lại kỷ niệm" của mình trong cuộc đời đi học, dạy học... Song đã để lại xúc động sâu sắc trong lòng bạn đọc. Phải chăng, đó là một thực tế tươi rói, một mảng đời sống được tách ra trong một khoảnh khắc mà không một sự hư cấu, tưởng tượng nào có thể vượt qua.

Ban chung khảo đã chọn được những tác phẩm xứng đáng để trao giải thưởng. Theo thống kê số lượng Truyện ngắn tham dự cuộc thi nhiều hơn số lượng Bút ký - Phóng sự. Song, nói một cách công bằng Bút ký - Phóng sự thuyết phục người đọc hơn, hay hơn Truyện ngắn. Để lý giải vấn đề này phải chăng chính "người thật, việc thật" đã mang lại những cảm xúc tươi mới, neo giữ người đọc trên mỗi trang viết, để lại dấu ấn sâu đậm, là âm hưởng chủ đạo làm nên sự thành công của cuộc thi này.

Không nói đến giải thưởng cao thấp mặc dù đó là kết quả tất nhiên mà cuộc thi nào cũng cần phải có, bởi mỗi cuộc thi đều có một tiêu chí riêng, chúng ta vẫn khẳng định sự thành công về nghệ thuật trong các Bút ký - Phóng sự trong cuộc thi. Đó chính là là sự chân thật của đời sống, tình nhân văn thấm đẫm trên từng trang viết của mỗi tác giả. Tình thấy trở thành một đạo lý như truyền thống vốn có của dân tộc Việt Nam.

Đối với thể loại truyện ngắn trong phạm vi cuộc thi có thể nói không thuyết phục hơn Bút ký - Phóng sự. Chẳng biết có phải các tác giả quá nệ vào đề tài mà thiếu đi tính nghệ thuật trong thủ pháp sáng tác. Các truyện ngắn thiếu đi tính "chuyên nghiệp". Song không thể phủ định sự thành công trong một số truyện như: "Con mụ nhà quê, Mẹ con nhà chuột, Thấy trò...". Khép lại một cuộc thi nhưng rất nhiều vấn đề của giáo dục và đời sống đang đặt ra. Đó là kết quả và là sự thành công của cuộc thi!



THẤY, NGHĨ VÀ VIẾT

XIN ĐƯỢC GỬI ĐẾN TAY CÁC ĐẠI BIỂU

BỔNG LAI

ĐẢNG cộng sản Việt Nam với 5 năm một kỳ Đại hội có nhiệm vụ quan trọng là đề ra chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho chu kỳ tiếp theo của đất nước. Đại hội lần thứ 11 càng quan trọng vì nó tổng kết cả một giai đoạn 10 năm đầu của thế kỷ 21 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển cho 10 năm tiếp theo với mục tiêu kỳ vọng là: đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Xin được có đôi điều tâm huyết gửi đến các đại biểu Đại hội.

1. Đặt mục tiêu trở thành nước công nghiệp vào năm 2020 là một sự dũng cảm và quyết tâm rất cao, và chắc đã có sự quan trắc kỹ lưỡng các tiềm năng và nguồn lực đất nước. Tuy nhiên, chỉ trong vòng mười năm đã phải hứng hai cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1997 và 2007 - 2008), dù hội nhập chưa sâu nhưng chúng ta cũng đã bị thiệt hại không nhỏ, làm giảm đi nhịp độ phát triển tích cực ít nhất là 5 năm. Và Đổi Mới đã đi qua 1/4 thế kỷ rồi nhưng dường như vẫn chưa thể cất cánh, nhịp độ phát triển năm cao nhất (1996) cũng mới ở mức 9,2%. Hơn nữa trên thực tế, tuy đã đạt được nhiều thành tựu, trở thành nước có thu nhập trung bình thấp cho mỗi đầu người, nhưng nền kinh tế Việt Nam cho đến nay vẫn cơ bản là một kinh tế lấy công làm lãi, sản xuất ra những sản phẩm cấp thấp, chưa thấy đâu là mũi nhọn chứ nói chi đến hiện đại? Chỉ còn mười năm cho mục tiêu một "nước công nghiệp", nếu vẫn thấy có cơ hội thì rất cần những chủ trương, biện pháp rất táo, quyết liệt, khả thi.

2. Một hội nghị tổng kết công tác chống tham nhũng vừa diễn ra cuối năm rồi tại thủ đô. Trong báo cáo chính thức, ông Tổng Thanh tra Chính phủ đọc rằng đã kiềm chế được nạn tham nhũng, nhưng "kiềm", "gò" như thế nào để có thể đo đếm được mà mừng thì chưa thấy nêu. Trái lại, cũng trong cùng bản tin được đưa trên truyền hình, một vị có trách nhiệm khác lại khẳng định tham nhũng ngày càng phát triển tinh vi, và cuộc đấu tranh chống nó ngày càng quyết liệt. Nhớ lại giữa những năm 90 của thế kỷ vừa qua, tính từ "tham nhũng" còn chưa được biết đến trong các "tử điển" chính trị - xã hội ở Việt Nam (mà chỉ mới gọi là "hiện tượng tiêu cực") thì mới thấy tham nhũng đã vươn vói bạch tuộc lớn mạnh

đến chừng nào!

Có loại người là có tham nhũng, không một quốc gia nào trên thế giới này không từng bị tham nhũng gọi tên, chỉ khác nơi này là gió thoảng còn nơi kia thì bão giông, tùy thuộc ở sự nhận thức và biện pháp đối phó. Có hai loại tham nhũng - trong vô số chủng loại của nó - rất đáng chú ý ở ta hiện nay. Một đã được đặt tên, một còn đang dè dặt định danh. Cái trước là "tham nhũng vật", cái sau là "nhóm (tập đoàn) lợi ích".

Được liệt vào "tham nhũng vật" là các khoản thu không bằng chứng, không giấy tờ - tục danh là lót tay - của anh cảnh sát, anh thuế vụ, anh kiểm lâm, anh kiểm định, chị quản lý thị trường, ông trật tự phường... Gồm vào còn cả những khoản thu cho việc cung cấp giấy tờ, cung cấp thông tin, cung cấp dịch vụ của người có trách nhiệm, gọi là người có chức có quyền. Văn văn. Nhiều khi những khoản thu này không hề nhỏ. Nhưng nói chung là không lớn lắm nên được gọi là "tham nhũng vật" chăng? Điều nguy hiểm là cách gọi này cho thấy tính phổ biến của hiện tượng và sự cam chịu của người dân. Và nguy hiểm hơn là câu chuyện tham nhũng đã trở nên như một sinh hoạt của đời thường.

Biên niên sử chống tham nhũng không cho thấy sự tác yếu tác quái của các "nhóm (tập đoàn) lợi ích" tại các quốc gia có truyền thống cai trị bằng luật pháp. Dường như chỉ có một ngoại lệ là Italia, nơi mà mafia tìm được chỗ đứng (nghĩa đen lẫn nghĩa bóng) trong chính quyền. Nhưng hiện tượng này lại khá phổ biến ở nhiều quốc gia đang phát triển tại Phi Châu, Nam Mỹ, Tây Nam Á và cả Đông Nam Á nữa. Khi tư bản được tích tụ lớn dần trong tay một số người, khi quyền lực trở thành quyền tài phán trong tay một số người khác, người ta tìm đến nhau với tham vọng tiền bạc được che bọc, và các nhóm lợi ích hình thành. Nó khuynh đảo thị trường, thậm chí khuynh đảo cả nền kinh tế, chứ đừng nói thao túng các dự án này nọ.

Nước ta đã có chưa các nhóm lợi ích? Chắc chắn rằng đã có. Xin đứng hồ nghi điều này.

Một cơ chế nào để có thể thực sự giải quyết được nạn "tham tặc"? Bởi đó là một trong những lực cản lớn nhất để nước ta trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020.

PHẠM CÔNG TRÚ

Chơi xuânĐốt đuốc chơi xuân kéo nửa hoài
Nguyễn Trãi

Gió xuân chấp chới bay
Bầu xuân bằng bạc đục
Cỏ xuân miên man mọc
Chơi xuân he hé nhìn

Khoác ngang lưng thàng giềng
Dung dăng miến lễ hội
Mỗi năm có một lần
Xin gót xuân đừng vội

Mỉm cười xuân không nói
Chỉ gió xuân thì thảo:
"Chơi xuân mà thủng thảng
Chẳng sánh người xưa sao!".

PHẠM NGÀ

Kiếp hoa

Giã từ thân cảnh
Những bông hoa theo phận người lưu lạc
Cuộc hành trình hương thơm và màu sắc
Lặng lẽ buồng trời.

Như sử giả muốn đời
Biểu tượng của sự dịu dàng và cái đẹp
Ban phát tình yêu hạnh phúc
Những bông hoa không ngời thừ sang hèn
Không cách chia thù hận
Kiểu sa và thánh thiện
Đón chào cùng tiễn đưa.

Cánh hoa mong manh chìm lặn nắng mưa
Bao vắn vự thời khắc
Linh khí trời và đất
Dâng hiến kiệt cùng sắc hương
Ấm thấm thoát xác.

Nâng nhành hoa như nâng cả kiếp đời mệnh bạc
Chợt thấy những bông hoa kia
như đang già đi trên ngón tay mình.

QUANG HUY

Một lời ước hẹn

Em đi chậm chậm qua chiều mỏng
Tre lá bờ sông đã rụng nhiều
Gió về chạm khẽ bờ đề công
Bím tóc em gãy gió thổi xiêu.

Yên Thành đêm ấy mưa rơi thoảng
Sông Dinh niu mãi bước người xa
Hai ta đi giữa trời mây lạnh
Anh nắm bàn tay mất ười nhoa

Xóm ấy em về vườn khê động
Ngọn đèn leo lét mẹ chờ ta
Cái vị nếp rỗng sao nhớ lạ
Mùi cốm rang thơm ngày khắp nhà.

Mấy chục năm trời biệt ngộ quê
Trống trường xưa ấy vẫn lay về
Những trưa vắng vẻ hồn còn nhắc
Đình Bảo Lâm buồn dậy tiếng ve.

Nhà cửa ly tan người mỗi ngã
Mẹ không còn nữa để thương em
Cái đêm đưa mẹ ra đống ấy
Em khóc mùa xuân buốt gió thêm.

Quê em lùa biếc đọng xa mỗi
Có một dòng sông lệch cuối trời
Thương em mảnh khảnh hoàng hôn tím
Ao mông di về ười nặng vai.

Anh đã yêu em từ độ ấy
Giữa đêm vắng vặc ánh trăng soi
Một lời ước hẹn xin gìn giữ
Cho mãi nghìn sau cuối dốc đời.

NGUYỄN QUYẾT THẮNG

Chùa Trấn Quốc

Lao xao bồ đề gọi gió
Bốn bề cô tịch khói hương
Mở sớm lan cùng sóng vỗ
Chuông khuya man mác hoa vườn

Lặng lẽ tan hoà bóng nước
Thăm nghiêm toạ giữa Tây Hồ
Hoàng hôn nhuộm vàng Trấn Quốc
Màu thiền thoảng gợi ngân xưa...

TÔ NGỌC THẠCH

Xuân sang!

Chạp về rét cũng đành hanh
Gắm vào kí ức xa xanh cội nguồn
Hàng cây vợi lá bên cồn
Lau thưa ngơ ngác héo mòn ngày xa
Heo may rụng kín quê nhà
Liềng biêng lối nhỏ giao hoà nắng mưa
Phong phanh tấm áo gọi mùa
Láng chàng chân bước, tay vừa chạm tay
Chạp về nỗi nhớ ngầy say
Một thiên cổ tích ngợp đầy hồn thơ...
Thời gian có đặc trong mơ
Hàng mi vừa chớp bất ngờ xuân sang.

LÊ ĐÌNH CẢNH

Kính gửi**bà Phó Đoan**

Nhà tôi xây cạnh nhà bà
Mặt tiền nhôm kính đối giá gọi nhau
Kế vườn, áp mái từ lâu
Những mong gặp gỡ vài câu láng giềng...

Biết bà lép mảnh đời riêng
Vườn khuya sân thượng cây nghiêng bóng già
Goá xuân khân áo nồn nà
Tình xưa hai nỗi trắng tà ngậm sương!

Nghĩ đời xuống gối má thương
Trời đêm trở gió chiếu giường mỗi đau...
Vườn già mở lối canh trâu
Láng giềng chia sẻ vài câu láng giềng...



TRẦN ĐÌNH NHÂN

Tôi ơi

Tôi kỳ thác cuộc đời mơ vào đất
Đất trở bông hoa đại

Tôi kỳ thác cuộc đời mơ vào đám mây
Đám mây gieo sương muối trắng trời

Tôi kỳ thức cuộc đời mơ vào dòng sông
Dòng sông hoà cồn cát lạnh

Tôi kỳ thức cuộc đời mơ vào em
Em đi không ngoảnh lại

Nắng vàng se sắt sang đông
Tôi kỳ thác cuộc đời mơ vào câu thơ mỏng
Một con chim đông đánh
Sà bên cửa sổ gọi – tôi ơi!

TRẦN HỮU LỤC

Tết ở Houston

(Thương gửi Như Nguyễn)

Tết này con ăn Tết ở Houston(*)
Xa nhà đêm và ngày thao thiết
Nhờ nắng Sài Gòn, nhờ mai Huế
Dù giao thừa chẳng có không giờ.

Con không về để Mẹ mong chờ
Đau đầu Houston câu thơ Tết:
"Đóa sen hồng những ngày vắng Mẹ
Làm sao tâm tịnh trước chùa xưa?"

Dù đêm không giờ, con đợi chờ
Thiếu cả hương trầm, con vẫn ước:
Giá như... cánh hạc trên biển rộng
Con về mừng tuổi Mẹ ngàn năm!

Hoa trái đủ đầy sao thiếu xuân?
Lộng lẫy Houston mùa bằng giá
Bươn chải mấy năm rồi... lần nữa
Tết này xa Mẹ một biển Đông.

Chúc Tết nửa câu... con đau lòng
Biết làm sao được, Mẹ yêu dấu!
Tết ly hương cầu mong bến đậu
Chữ mừng tuổi Mẹ... giọng Huế thương.

(*) Thành phố thuộc tiểu bang Texas – Hoa Kỳ.

TRẦN NHẬT LAM

Pháo hoa

Ta tung vào trời đêm
Hoa
Và hoa

Đây những đóa đắm mồi hồi lẫn máu
Nở ảm no
Tươi thắm mỗi con người.

Đây những đóa vút cao
Mạnh
Như một chuyến mình lịch sử
Tích thắng ngày nắng lượng mây ngàn năm.

Đây những đóa rơi tận cùng ánh sáng
Đóa chum lại bàn tay
Đóa mở ra trí tuệ
Ta ngáy ngất ngược nhìn.

Đây những đóa dội tràn lửa đuốc
Cánh xoè nhanh
Xoa đi khoảng tối tăm, trơn trượt
Ta gắn ta vào hơi thở đất đai
Ta áp vào ngực ta những gì ta khát vọng.

Đây những đóa tìm trời mơ mộng
Đưa ta đến bên nhau
Đón từ môi nụ cười
Sôi vào mắt nhau mà yêu thương, sinh nở những mùa xuân.

NHÀ TRỢ THÚ 101

Truyện ngắn của HƯƠNG THỊ

C HUÔNG báo thức réo rất như cứu hỏa hai lần gã vẫn chưa chui nổi đầu ra khỏi chăn. Phải đến khi chuông hàng xóm côm rôm mắc bệnh táo bón kinh niên thường lấy đêm làm ngày tạm thời sao chép tranh nuôi giấc mơ họa sĩ vừa chớp mắt được ba mươi phút cái tiết sang đập cửa rầm rầm gã mới thức tỉnh. Chợt nhớ hôm nay chuyển nhà. Thò đầu ra cửa, thấy đã có kẻ tay đùm tay nắm ngoài trời mưa chờ gã mang đồ ra là vào thế chân. Đành phải rút điện thoại. Năm phút sau ông xe ba gác đã sòng sọc phi đến. Đổ đạc chả có gì nhiều nên cũng nhanh gọn. Ngồi nhờ mà ông ba gác cật cả hai chân ngồi yên một chỗ điều khiển xe thiện nghệ, không chèn lên bãi cứt chó nào. Gã vuốt mặt phồng vun vút vào làn mưa ken dày nước và ken dày người.

Nhà trọ mới xa nhưng khá khảm hơn rất nhiều xóm trọ sinh viên tồi tàn. Tầng một là nơi để xe, nấu nướng và sinh hoạt chung. Tầng hai là của nhà chủ. Một mình gã tung hoành tầng ba với một phòng mệnh mông, một nhà vệ sinh, một ban công rộng để giặt giũ phơi phóng. Chủ nhà không hạn chế nấu cơm, nhưng có dĩ sủng bất gã nấu cũng đừng hòng. Mười năm vật lộn ở thành phố này để mong có một chốn đi về tử tế của riêng mình, ước mơ vẫn hoàn toàn là xa vời và lơ lửng. Giờ tay lấm mẩn đêm, gã bật lên con số "101" rồi cười ha hả trước khi lại gieo mình vào giấc ngủ.

Tháng trước nàng của gã giục mua nhà. Gã suýt phi ra miêng lòng lợn nhai dở. Tưởng mình mắc lỗi gì, nàng nũng nịu:

- Sao, dài hả anh? Chắc sáng nay mẹ luộc quá lửa. Em vừa phải chần lại cho nóng đấy. Thế nên em mới bảo anh, có mua nhà thì mua gần gần chỗ bố mẹ bán hàng, sáng nào cũng có cháo, có lòng ăn thỏa thích.

Gã ậm ừ không nói gì. Thấy miêng lòng không những dai mà còn đắng nghét. Nàng vừa mới ra trường, hồ sơ xin việc nộp chưa nóng chỗ nàng đã tính việc cưới xin. Với nàng, cưới nghĩa là phải có một tổ ấm theo đúng nghĩa. Đương nhiên là nàng có quyền đòi hỏi thế. Vì bố mẹ nàng bán lòng lợn từ khi nàng chưa ra đời. Ở quê, bán thịt hoặc lòng lợn đồng nghĩa với giàu. Những ngày bé tí, khi cuộc bộ đi học rỗng rã qua căn nhà ba tầng của bố mẹ nàng ở ngoài cánh đồng, gã vẫn thường cón cào ứa nước bọt vì mùi lòng, dồi, gan, tiết luộc thơm lừng béo ngậy mỗi sáng, mùi thịt lợn rang mắm quận ruột vẫn vít vào tai tóc đầu óc mỗi trưa đói mềm ruột. Cũng có khi gã nhìn thấy nàng mũi dãi còn tèm lem, vác bát cơm rước ra cổng chơi với trẻ con hàng xóm. Nhiều khi ý định cướp bát cơm nổi lên, gã xấu hổ đến nỗi cúi gằm mặt. Ấy vậy mà chả hiểu trời xui đất buộc thế nào, bố mẹ gã đưa hành củ, hành hoa đến cho bố mẹ nàng làm hàng rồi thành thân quen. Bẵng đi vài năm, khi gã vừa tập tễnh bước chân vào làm báo sau nhiều năm bươn chải vừa học vừa làm đủ nghề để có cái bằng cử nhân, bố nàng hăm hở sang gửi gắm nhờ vả gã đưa con gái ra Hà Nội thi đại học thì gã giặt mình đánh thót. Con bé sài đẹn ngày nào lớn bổng như tiên sa. Tóc ép thẳng tung, mắt viền tí xanh đỏ, trông quê quê nhưng đáng yêu tẹt. Gã gật đầu tức thì. Khi em trượt đại học, chỉ đỗ trung cấp văn thư lưu trữ, gã kiên luôn đưa đón chăm nom. Thế mà thành yêu. Thuận lợi vô cùng. Nhà bán hàng thông gia với nhà lòng lợn. Chàng nhà báo kết duyên cùng cô văn thư. Đám cưới thì khỏi nói, nhà tự mổ thịt làm cỗ. Vấn đề là nhà. Kiếm đâu ra cái nhà? Vấn đề là ai cũng tưởng gã làm báo thì giàu lắm.

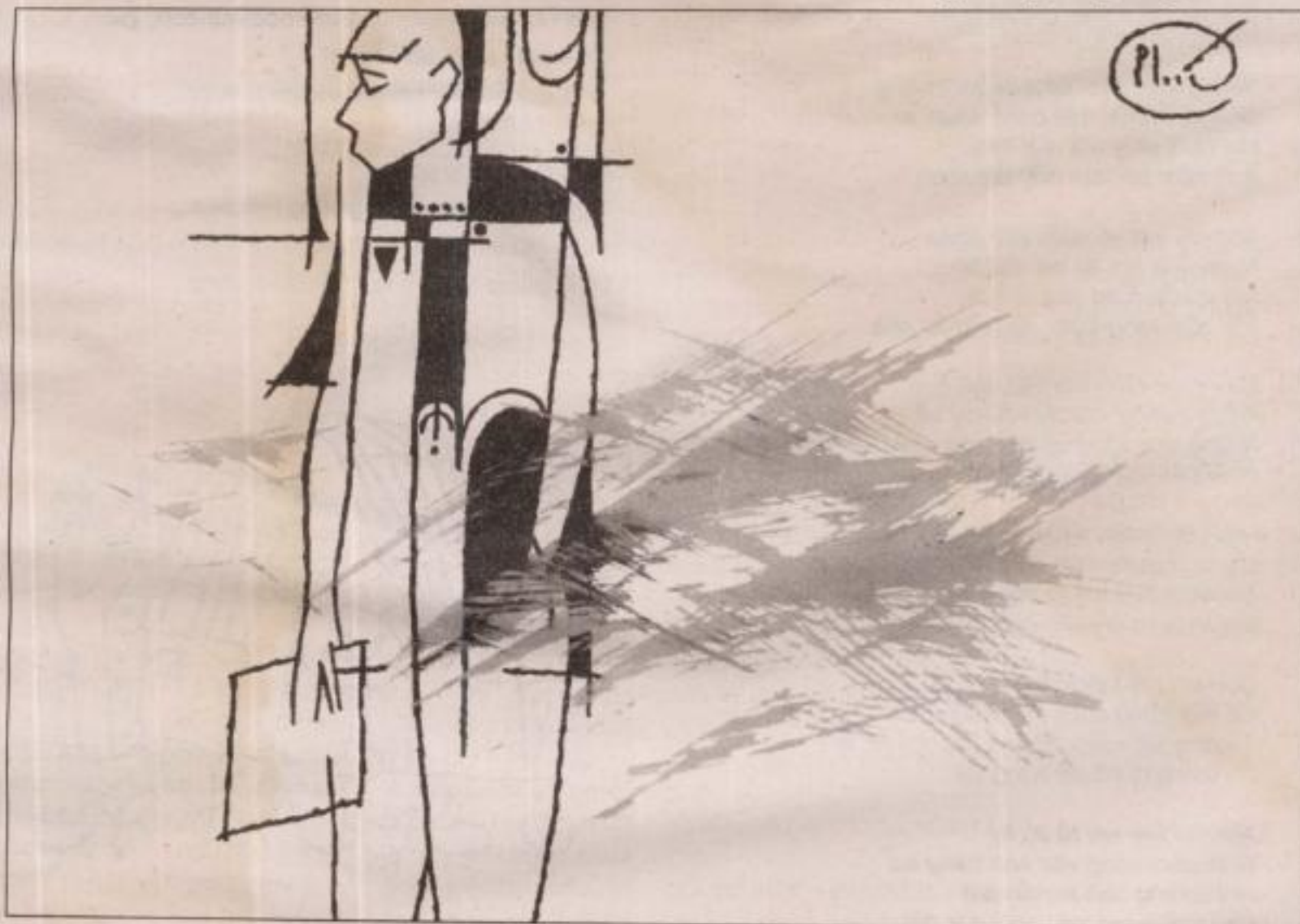
Điện thoại lại réo. Gã dụi mắt lườm nó. Nếu là nàng, chắc chắn gã sẽ chẳng ngại ngần gì mà thẳng tay tắt máy. Đàng này lại là mẹ trưởng ban. Giọng rít lên như rần huyết gió:

- Cậu lên cơ quan sửa bài ngay. Làm việc như thế này thì có ngày đi tù, đi tù đấy biết chưa?

Phi xuống tầng một, gã vấp ngay phải một anh quán áo chỉnh tề, tóc mượt, giấy đen bóng, chắc là con trai chủ nhà. Trời đã tối sẫm, chắc anh ấy vừa mới đi làm về. Con trai chủ nhà nở nụ cười nhã nhặn chào gã trước rồi nhẹ nhàng kéo cánh cửa sắt cho gã dắt xe ra. Ấy

này, gã vội vàng cúi đầu cảm ơn. Nhìn thấy tờ báo hôm trước còn giắt ở xe, gã đưa hai tay biểu anh chủ, coi như là quà ra mắt. Vẫn với cung cách lịch sự nhã nhặn, anh chủ cúi mình cảm ơn với một nụ cười. Người như anh chủ chắc gì thêm đọc báo gã. Bỗng dưng gã thấy xấu hổ. Y hệt như những lần gã mang báo về quê phân phát cho họ hàng. Cả xã chỉ có một điểm bưu điện, để mua được một tờ báo có khi người ta phải đi mười mấy cây số. Một tờ báo cũng đáng giá bằng mấy cân thóc. Nên chẳng dại gì mà vừa xa xôi vừa mất tiền. Phương tiện truyền thông duy nhất là chiếc tivi. Thêm chiếc loa công cộng chủ yếu phát huy tác dụng vào mỗi buổi chiều nhà nào mất bò, lạc bò thì lên đăng kí để kêu gọi lòng tương thân tương ái của người làng. Mỗi lần đến cơ quan lấy báo, gã không hề đọc lướt qua, dù là bài của chính mình. Bạn bè thời đại học gặp gã, nhiều đứa bỏ bã vỗ vai: "Mày vẫn làm ở tờ ấy à? Kiên trì nhỉ?" Gã ngậm tâm cười trừ. Gã không thể lên chức, gã cũng chẳng nổi tiếng đình đám như lũ bạn gã. Nhưng báo của gã bán chạy không kém gì những báo kia. Trí thức, người có học thì chỉ có cụm ở thành phố. Còn đọc giả của báo gã ở khắp mọi nơi. Nhất là những bà hàng xén, bán rau, bán hoa, hàng rong, thậm chí cả sinh viên, giới văn phòng rồi việc cũng tham gia bình luận sôi nổi. Cuộc tình nào cũng đắm nước mắt. Số phận nào cũng éo le như tiểu thuyết. Những phóng, kỳ sự giật gân li kì là do gã đảm nhiệm. Đi thì ít, bịa thì nhiều. Nói dối quen mồm, sau dần chả thấy ngại nữa. Nhưng đọc giả thích. Người làng gã cũng thích. Khoảng cách giữa hai lần về làng có khi cả tháng. Nhưng gặp gã ngang đường người ta vẫn lôi lại để nói, để khóc, để kể lể, chiêm nghiệm về một bài báo cách đó tận nửa năm. Lương tâm gã trĩu dậy. Xấu hổ. Rồi vẫn cứ phải lao theo. Ai cũng khen gã làm nhà báo đi nhiều hiểu rộng viết bài hay thế này thì tiền để đâu cho hết. Người ta còn chép chép miêng khen bố mẹ gã phúc đức, nuôi con ăn học thành tài giờ được hưởng thành quả. Nhiều bạn hàng của bố mẹ gã còn tỏ ra lo lắng, nếu gã mua nhà mua xe ở thành phố, đưa ông bà lên ở rồi thì lấy ai cung cấp hành vừa ngon vừa rẻ cho họ. Việc của họ là tung gã lên mây xanh, còn việc rơi xuống bằng hăng thế nào là của gã. Có lẽ, tit mất vì được người làng xúi bẩy, nên nàng hạ quyết tâm bắt gã phải nhà cửa đàng hoàng mới được rước nàng về dinh. Càng nghĩ gã càng đau đầu. May chưa đâm vào ai.

Nhà 101 chưa tắt đèn, nhưng đứng chờ được mở



Minh họa của NGUYỄN ĐĂNG PHÚ

Bóng xù xì và nhếch nhác, làm gã nghĩ ngay đến Chí Phèo. Chưa kịp bật cười thì tiếng harmonica réo rất vang lên. Thật đúng là hữu tình. Trăng mơn trớn và nhạc thánh thót khiến tâm hồn gã như được xoa dịu đôi chút. Cao hứng, gã ló đầu ra khỏi cửa sổ, qua chấn song thưa rồi lập tức thụt ngay vào. Anh chủ nhà cùng một cô hàng xóm đang riu rít tự tình. Anh chàng ngồi bên ban công nhà mình, lúc lắc cái đầu, phồng mồm thổi kèn. Cô gái bên kia cũng thò chân ra khỏi ban công, cũng lúc lắc hai bím tóc tết (một điều hiếm có của con gái thành phố bây giờ), thì thoảng lại đập đập hai tay vào nhau như khen trẻ nhỏ. Mỗi lần như thế, anh chủ nhà rụt đầu rụt cổ, ra chiều khoái chí lắm. Gã mỉm cười, nghĩ cảnh ông chủ vác trầu cau sang nói chuyện với bà hàng xóm sùng sinh quần chùng áo dài hỏi vợ cho con. Cả hai vừa gườm gườm lại vừa tươi cười, ngưỡng ngưỡng. Ôi, cười. Lại cười.

Gã về quê một mình, không chở theo nàng như mọi bận. Ngồi chưa ấm chỗ, hỏi chưa hết câu chuyện đã thấy mẹ gã hỏi giạt:

- Con mang về nhiều tiền không?

Gã lúng túng. Mẹ gã chưa bao giờ hỏi về tiền nong của gã, không biết là có chuyện gì. Gã gật đầu. Mẹ gã vui vẻ kéo tay gã như thuở lần đầu tiên đưa gã đi học. Hóa ra, làng đang quây quần góp làm đình. Mẹ gã bảo:

- Chả gì con cũng là nhà báo, oai không kém ai trong làng. Cho nó ra đáng tí con ạ.

Trước sự chứng kiến của bao nhiêu người làng, gã "công đức" một triệu. Mẹ gã canh chừng người ta ghi rõ tên tuổi, địa chỉ của gã rồi nâng niu tờ giấy biên nhận như vành khăn, tấm áo, lọ thuốc bổ sâm chỉ đáng giá mấy chục nghìn gã mua cho mà ngay cả cái vỏ hộp mẹ gã còn giữ mãi như báu vật. Để rồi giữa đám đông khi họ mạc giỗ chạp, bao giờ mẹ gã cũng khoe những thứ gã mua cho với gương mặt hí hửng. Gã cúi mặt thờ dài. Gã cứ nghĩ mẹ cũng như dân làng, ngờ mình giấu có phát tài đến nơi rồi. Càng nghĩ gã càng đêm chiêu, bát cơm nhắc lên đặt xuống mấy lần mà vẫn còn đầy có ngọn.

Mẹ gã xuất xoa:

- Mới ba mươi tuổi đầu mà như ông cụ. Trai ba mươi chả còn xoan nữa đâu con ạ. Thôi lấy vợ kéo cha già con cộc.

Cơ sự này thì biết ăn nói làm sao. Cũng muốn lấy vợ, cũng muốn sinh con, nhưng thời buổi này đâu phải trời sinh voi rồi lại sinh cỏ? Đắn đo mãi gã mới dám trình bày với cha mẹ việc gã suy tính từ lâu. Trái với dự tính, mẹ gã không phản ứng bất ngờ mà nhẹ nhàng chấm mắt:

- Mẹ nghĩ việc này từ lâu rồi. Có chết bố mẹ cũng chả bán nhà của gia sản tổ tiên. Một mẫu đất quê mình chả bằng một nhúm đất thành phố. Thôi thì mẹ cho con mượn cái sổ đỏ. Khi nào cần thì thế chấp vay vốn mà mua nhà. Lỡ lỡ đầu bố mẹ xin chịu hộ.

Gã giấu mặt sau bát cơm. Nghe nổi xột xa tràn lên cuống họng. Hóa ra, lớn đến ngần này, gã vẫn chưa đi xa khỏi vòng tay của mẹ được.

Nàng lại chu môi giục giã. Gã nghiêng rặng lăm lăm. Chết không đầu hàng, chết không đổ nợ lên đầu bố mẹ. Nhưng nàng thì xăng xái hăm hở như thể mua nhà chỉ là mua cân thịt lợn, là món đồ trang sức đã thích là phải có cho bằng được. Gã đành theo nàng đi xem những mới nhà cửa mà bạn bè nàng mách. Chỗ ba tỉ, gã bật tung ý định muốn vo cái căn nhà ấy lại bé bằng quả ổi để đút ngay vào túi áo và chạy biến đi. Ưng đến từng tế bào. Nhìn gương mặt đườn ra của gã, nàng ra chiều tinh ý, che ông che eo không hợp hướng, nhà thiếu sáng, sân hơi nhỏ, lại không có ga ra ô tô. Ôi trời, nàng thích gara ô tô để rồi chỉ trưng mấy chiếc chổi cùn và chiếc xe máy rách hay sao? Một căn nhà khác, không cần phát giá, gã đã kéo nàng đi ngay. Ít nhất nó phải bốn tỉ. Căn khác, cỡ sáu tỉ. Gã gần như phát điên. Tên bảnh trai dẫn mới cứ gí sát vành tai trong veo hồng hồng của nàng mà thì thào, đẩy ánh mắt, đẩy ý tứ về phía gã. Nàng cũng hết sức chịu đựng. Nàng day nghiêng gã:

- Muốn thế nào thì phải nói. Vác cái mặt đưa đám đi mua nhà. Nhà không phải là mớ rau. Cứ thái độ thế, có các thêm vài tỉ người ta cũng không thêm bán cho đâu.

- Có đúng là em muốn nghe những gì anh muốn nói?

- Anh nói gì mà lạ thế? Chả lẽ việc mua nhà chỉ là của riêng em?

- Đúng, nhà không phải là mớ rau, nhà là nhà. Nó là tiền tỉ.

- Anh nói lạ. Nhà chả tiền tỉ thì thì tiền trăm à? Cứ như người trên trời rơi xuống. Chỉ có quê mình mới có giá vài trăm nghìn một mét đất.



*Tự mình xông đất cho mình
Căn phòng vắng ngắt lặng thinh suốt mùa
Tự đốt pháo, tự giao thừa
Bắt tay chúc tết, như vừa thấy nhau.*

*Giật mình, hai mắt trũng sâu
Người trong gương ấy còn đau hơn mình...*

Mồng 3 tết Kỷ Tỵ

LÂM HUY NHUẬN

Lời bình VŨ BÌNH LỤC

TỰA đề bài thơ, tự nó đã nói lên một sự "trái khoáy", một sự bất bình thường trong cuộc sống đời thường. Và cũng tự nó đã là một duyên cớ tạo cảm xúc, tạo tứ thơ. Mà lại là một tứ thơ độc đáo khơi lên từ một hiện tượng không hề độc đáo, nhất là trong cuộc sống mà cái cá nhân cá thể đang ngày một béo dần lên, như một sự khẳng định đầy tính xã hội của con người hiện đại.

Bài thơ ngắn, thể sáu tám truyền thống. Ngắn thôi, nhưng là một sự ngắn cần thiết, khi là tứ thơ đã đầy, tình thơ đã đủ.

Tự mình xông đất cho mình

Căn phòng vắng ngắt lặng thinh suốt mùa.

Tết đến xuân về, thiên hạ náo nức đón xuân. Người xa quê thì chen vai thích cánh lên tầu lên xe, để mau chóng về quê sum họp với gia đình với bạn với bè, với làng xóm quê hương. Còn người không đi xa thì lo sắm sửa, dọn dẹp cửa nhà đón xuân... Thi nhân Lâm Huy Nhuận thì "Tự mình xông đất cho mình/ căn phòng vắng ngắt lặng thinh suốt mùa"... Nghĩa là xung quanh chẳng có lấy một người thân thích. Chỉ một mình thi nhân với "căn phòng vắng ngắt lặng thinh suốt mùa" đủ thấy một nỗi cô đơn trống trải, buồn bã vô cùng. Nhưng sao không phải là "lặng thinh bốn mùa", mà chỉ "lặng thinh suốt... mùa"? Hay căn phòng của thi nhân chỉ vắng ngắt lặng thinh có một mùa đông thôi? Và nếu như cũng chỉ chừng ấy thời gian sống trong lặng lẽ cô đơn,

- Vấn đề là ở chỗ...

Gã ngược lên nhìn nàng. Khó có thể gọi tên chính xác cảm giác của gã lúc ấy. Buồn: không, sùng sục: không, giận dữ: không, bất lực: không, đốn hèn: không. Nó là sự hỗn độn, đến độ bão hòa. Gã cũng không biết nên nghĩ gì về nàng lúc ấy. Không phải là đồng đánh, không phải là nông cạn, không phải là hơi hợt, cũng chẳng sốc nổi, cũng chẳng ngốc nghếch, càng không ảo tưởng. Mãi một lúc, gã mới thấy, tình cảnh của gã và nàng lúc này, cả hai đều rất tội nghiệp. Vì đều không biết mình đang đứng ở đâu, đang làm gì, không biết chính mình đang là ai nữa.

- Tất cả, anh chỉ có bốn trăm triệu thôi.

Không kịp nhìn gương mặt nàng, gã quay lưng bỏ đi. Hình như đằng sau, nàng còn lăm lăm nhắm rất khế: Bốn trăm triệu.

Lê ra, lúc ấy gã phải được một khoảng không gian thật yên lặng để mà ngồi bên ly cà phê, nghĩ gì thì nghĩ. Nhưng cuộc sống được như ta mong đợi thì đã là hoàn hảo. Mụ trưởng ban lại vóng cái giọng hồ cá:

- Đi công tác miền Trung với chị hai ngày nhé.

- Em đang ốm rồi.

- Chị bảo ô tô đến chỗ chú đi nhé. Lăn này nhất định chú phải đi. Chuyển này hay lắm kia ý.

Mụ phát tin hiệu hí hí đầy hứa hẹn. Nhưng với gã đó là hiểm họa. Gã nhất quyết chối từ. Mụ rít lên đầy bất lực:

- Ở đâu ra cái kiểu làm ăn vô tổ chức. Người ta muốn tốt mà mình thì cứ như đĩa phải vôi. Có lớn mà không có khôn. Rồi xem có khá lên được không.

Gã lăm lăm dặt xe vào nhà. Hai bố con chủ nhà đang giằng co nhau một tờ báo. Thấy gã, họ bất giác cùng buông tay. Ra tờ báo gã biểu họ. Trang báo 14 liệt xuống nền nhà. Cô đào nóng bỏng ưỡn mông khoe cặp nhũ hoa căng phồng như bong bóng đầy khiêu khích trong bộ bikini bé bằng nửa bàn tay. Hai gương mặt đàn ông sượng sùng quay vào nhau rồi quay vào tường như

Xông đất

cũng đã là một sự tra tấn thật khủng khiếp rồi còn gì! Huống hồ bây giờ là tết đến xuân về? Nên chỉ, đầu sao cũng phải "Tự đốt pháo, tự giao thừa / bắt tay chúc tết như vừa thấy nhau"...

Thật là một sự tưởng tượng bi hài, mà... thơ lắm! Có thể đốt pháo một mình, chào xuân cho bố tức, cho đỡ buồn, đồng thời xua đi những ám khí tù đọng trong nhà, nhưng người ta đã cấm pháo hàng chục năm rồi, ai cho đốt? Bắt tay bắt chân với bạn bè, hàng xóm ư? Không phải, bởi vì tất cả chỉ là "tự mình". Và lại, mới chỉ là thời khắc giao thừa, chả ai đại gì mà sang bắt tay cái ông hàng xóm, hay bà "hàng phố" cả! Thế nên, tất cả mọi sự chỉ là tưởng tượng, mới biết nỗi cô đơn đã đến cùng cực rồi!

Cảnh đón giao thừa vui tươi với pháo nổ rực rỡ, với mận mà tình cảm, hoá ra, chỉ là một giấc mộng. Một giấc mộng ngắn ngủi, rồi bỗng vỡ tan ra, thành muôn nỗi cô đơn:

Giật mình, hai mắt trũng sâu

Người trong gương ấy còn đau hơn mình...

Câu kết bài thơ thật hay! Giao thừa, có đấy mà thực ra chẳng có gì, đành ngắm chính mình trong gương lặng lẽ, bỗng giật mình thấy thần sắc đã thay đổi ngoài tưởng tượng, gầy hao quá đối, "hai mắt trũng sâu", mình đấy, mà như không phải là mình...

Người xưa nói: "Thơ có cùng mới hay". Nghĩa là thi nhân là cuộc đời cùng cực mới có thơ hay! Hoặc như thơ nói về sự cùng cực của cõi người thì mới hay! Tôi cho rằng, thi nhân ngày nay, như Lâm Huy Nhuận chẳng hạn, tất nhiên không thể đối khát về chuyện áo cơm, nhưng vẫn có thể "đối khát" về phương diện tinh cảm. Một nỗi đau nhân bản, xưa nay, vẫn là một giá trị thẩm mỹ, không thể phủ nhận!

Lâm Huy Nhuận đã có thơ hay từ những năm chống Mỹ cứu nước. Gần đây, thấy anh viết ít, nhưng tinh hơn và hình như hay hơn, ở những đề tài khác. Chả biết rồi thi sĩ này sẽ còn viết hay như thế nữa không, khi mà anh không còn phải xông đất một mình, khi cuộc sống đã sum suê, đủ đầy tất cả? ■

hai đứa trẻ con trốn lỏi. Gã thờ dài. Bạn bè gã đều bảo, bảo gã đáng đọc nhất chỉ có trang 14.

Nàng hẹn gã ở một địa chỉ nào đó lạ nhưng rất dễ tìm. Căn nhà cấp bốn, cũ kĩ bởi dàn hoa bìm bìm tím ngắt mọc trùm lên kín mái. Gã dụi mắt, nàng cũng dụi mắt. Nàng nhìn gã rất lâu rồi chậm rãi:

- Em đã kiểm tra kĩ rồi, sổ đỏ đầy đủ, đất lành, an toàn, chỉ phải cái hơi cũ nhưng giá cả phù hợp. Ba mươi tư mét mà chỉ có chín trăm triệu. Em đã vay bố mẹ đặt trước mười triệu rồi, anh xem kĩ, nếu không ưng thì để em bảo lại với người ta. Đi tìm nhà khổ thật, em đã nghĩ hay là cứ thuê nhà ở rồi tính sau, may là gặp được căn nhà này...

Gã không biết nói lời nào, lặng lẽ ôm nàng vào lòng. Lúc này, nàng mới òa khóc.

Không thấy gã nộp bài, mụ trưởng ban lại rít lên như rần huyết gió:

- Phóng viên kì cựu mà viết cái bài dễ hơn ăn kẹo cũng không xong. Bị nước đá trẻ con nó xông cho rỗng óc ra rồi à? Có muốn làm việc nữa hay là để đây tuyển mấy đứa trẻ về cho nó dễ làm ăn hả?

Nghe nói dạo này trưởng ban đang bị người tình mới lạnh nhạt, tâm tình thất thường. Gã là đàn ông còn may, nhiều phóng viên nữ bị "ghét cái mặt", bị giao đề tài tận vùng sâu vùng xa trong chiến dịch "hủy hoại nhan sắc đồng nghiệp nữ" mà cấm dám kêu ca.

- Thôi, không viết thì thôi, giận làm gì. Đi Sa Pa với chị nhé. Đi cho thay đổi không khí. Đi chị nói cho cái này hay lắm.

Gã đứng dậy, từ từ tiến ra cửa. Vẫn còn nghe giọng mụ trưởng ban rít khế nhưng rất đanh:

- Có quyết định chị lên phó tổng rồi, phải có người thay chị làm trưởng ban chứ...■

H.T

NHỮNG KỶ NIỆM KÍNH VẠN HOA

LÊ PHƯƠNG LIÊN

TÔI gặp Nguyễn Nhật Ánh lần đầu tiên năm 1982, tại Trại sáng tác ở thành phố biển Vũng Tàu. Lần thứ hai vào năm 1994, Nguyễn Nhật Ánh ra Hà Nội họp hội nghị những người viết văn trẻ. Anh Nguyễn Thăng Vu, Giám đốc NXB Kim Đồng lúc đó phân công tôi đi gặp Nguyễn Nhật Ánh và trao đổi với anh xem có thể viết một tập truyện dài kỳ cho NXB Kim Đồng không. Tư tưởng làm truyện dài kỳ bắt nguồn từ thắng lợi của bộ sách ngoại *Truyện tranh Đô rê mon* (Doraemon - Nhật Bản) và cả bộ sách ngoại *Truyện trinh thám TKKG* (Đức).

Nguyễn Nhật Ánh nói rằng anh muốn viết thứ 5 tập truyện sinh hoạt thiếu nhi theo kiểu truyện dài kỳ và anh nói là làm. Chẳng bao lâu sau, tôi nhận được bản thảo 5 tập đầu tiên của anh từ TP Hồ Chí Minh gửi ra Hà Nội. Bản thảo đánh máy rất sạch sẽ. Văn kể chuyện của anh giản dị trong sáng và vui nhộn, tình tiết hấp dẫn. Hiện thực truyện rất gần gũi với đời sống sinh hoạt ở nhà và ở trường của học sinh. Những nhân vật Tiểu Long, Nhỏ Hạnh, Quý Rôm... ngay lập tức đã khiến tôi yêu mến. Về chân thực và thiên tâm hiện ra từ những lời nói, cách nghĩ và cả những sai lầm ngớ ngẩn vụng về rất trẻ thơ của các nhân vật đó khiến tôi thấy đồng cảm ngay với tác giả. Tôi vốn là người viết cho thiếu nhi và đã từng là cô giáo thực dạy nên rất dễ cảm nhận ra chất "văn học thiếu nhi" của Nhật Ánh.

Suy nghĩ như vậy nên khi anh Vu giám đốc hỏi tôi về bản thảo, tôi trả lời: "Được, anh ạ."

Anh Vu đã đi đến một quyết định rất táo bạo, thực tế và hợp quy luật thị trường lúc đó: Tạm ứng cho Nguyễn Nhật Ánh 50 triệu đồng để anh yên tâm sáng tác *Kính vạn hoa*. Nhà xuất bản Kim Đồng đã tưởng tượng hơn và hiểu rằng đã chấm hết thời kỳ duy ý chí theo kiểu động viên: "viết đi, viết đi" để rồi khi tác giả viết xong bản thảo có sử dụng được hay không cũng nhiều lắm ở hồ, biên tập chẳng một lời hô hô gì cả.

Kính vạn hoa đã được bố trí xuất hiện với mẫu bìa mực tím học trò trong loạt *Tủ Sách Vàng* của Nhà xuất bản Kim Đồng cùng với mẫu bìa xanh lá non của *Để mèn phiếu lưu kỷ* (Tô Hoài); *Góc sân và khoảng*



Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh với độc giả

trời (Trần Đăng Khoa); *Đất rừng phương nam* (Đoàn Giỏi)... Mẫu bìa nâu lịch sử với *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (Nguyễn Huy Tưởng); *Sao Khuê lấp lánh* (Nguyễn Đức Hiền)... Việc ra sách thực hiện định kỳ, một tuần một tập có lên lịch thông báo trước cho khách hàng đăng ký mua và hào hứng chờ đợi (nếu thích!).

Việc bố trí này cũng gây ra tranh cãi trong ban biên tập, chẳng lẽ một tác phẩm mới tinh, sơ bản lại sánh vai với các tập sách kinh điển đã được thử thách với thời gian ư? Sách cũ thì có sẵn rồi, sách mới liệu viết có kịp không, hay là "nửa đường đứt gánh"?

Nhưng rồi có ý kiến nói lại: "Chẳng biết sách mới gánh sách cũ hay sách cũ gánh sách mới đây?"

Viết đến đây, tôi lại nghĩ đến anh Nguyễn Thăng Vu, người chèo lái con tàu NXB Kim Đồng ra biển lớn trong những tháng năm gian khổ nhất. Những ngày tháng ấy, anh là người thiết kế ra chương trình xuất bản của năm với những ý tưởng sáng tạo và rất quyết đoán. Với *Kính vạn hoa* của Nguyễn Nhật Ánh, anh dành sự ưu ái mà không phải là phiếu lưu liểu lĩnh. Phiếu lưu sao được trước đồng vốn ban đầu còn mong manh của NXB

Kim Đồng vừa mới thoát ra khỏi thời kỳ bao cấp? Có lẽ khát vọng làm một bộ sách văn học thiếu nhi Việt Nam, để nuôi dưỡng tâm hồn trẻ em Việt Nam bằng văn học của chính dân tộc mình đã khiến người đứng đầu NXB Kim Đồng lúc đó quyết định mạo hiểm đầu tư và tổ chức sản xuất kinh doanh "sách mới" từng ra thị trường. Khát vọng văn học thiếu nhi là khát vọng truyền thống của NXB Kim Đồng, là ngọn lửa mà các thế hệ cán bộ NXB Kim Đồng đã gìn giữ, lưu truyền để không bao giờ tắt.

Cuối cùng, hơn cả sự tưởng tượng của NXB Kim Đồng, *Kính vạn hoa* cùng *Tủ sách vàng* thắng lợi ròn rã trên thị trường từ cuối năm 1995, rồi 1996, 1997, 1998... Số lượng bán đầu của *Kính vạn hoa* từ 10.000 bản lên 15.000 rồi 20.000 bản, có lúc còn hơn nữa.

Lúc bắt đầu *Kính vạn hoa*, chưa ai dự đoán là sẽ dài bao nhiêu tập. Bộ sách đã vượt qua tập 10, tập 15, rồi tập 20... Ban đọc vẫn mong đợi và khao khát đọc; Nguyễn Nhật Ánh viết tiếp tập 21, rồi tập 22... NXB Kim Đồng mang hoa đến chúc mừng anh.

Năm 1997 tôi có dịp đến tận nhà anh ở đại lộ Trần Hưng Đạo. Ấn tượng đầu tiên với

tôi là nhà anh rất nhiều sách để tra cứu, đọc thêm... (Ấn tượng này về Hà Nội tôi đã kể cho anh Đình Hải để giải tỏa cho anh về "văn hóa tác giả"). Vào những năm ấy, Nguyễn Nhật Ánh là một trong những nhà văn tiên phong dùng computer để sáng tác, cẩn thận trong việc hoàn chỉnh bản thảo, sửa chữa kỹ càng, chêm chút đến tận bản can, chữ gáy sách, chữ bìa sách... Mỗi tập sách đều là những truyện sinh hoạt đời thường nhưng lại đưa người đọc vào những tình huống truyện khác nhau, trong khung cảnh ở đường phố, ở trường, ở nhà với tình tiết cung bậc khác nhau về tình bạn, tình anh em trong gia đình, tình cảnh của những em nhỏ thiếu thốn. Rồi những trò chơi, những chuyến thám hiểm nơi đồng quê thôn dã, núi rừng... Tôi hiểu rằng để viết *Kính vạn hoa*, Nguyễn Nhật Ánh không chỉ sống hai lần tuổi thơ mà anh còn phải lao động nghệ thuật nghiêm túc khi tìm hiểu kỹ càng về những chi tiết minh chứng chạm tới trong truyện, như nghề "đóng thể" (cascadeur), việc tìm phương hướng trong rừng, các phản ứng hóa học khi pha trộn các hóa chất...

Đã có những lúc tưởng chừng rằng tác giả đã cạn vốn viết, bộ sách sẽ đến lúc hết "lửa". Nhưng NXB Kim Đồng vẫn tổ chức những cuộc giao lưu quảng bá cho tác giả, tác phẩm ở cả hai miền Nam, Bắc. Gặp gỡ với những tình cảm ngày thơ của bạn đọc nhỏ tuổi, tác giả, biên tập, Nhà xuất bản lại thấy bùng lên niềm vui, thôi thúc tất cả tiếp tục một cuộc chạy đường dài chưa có điểm dừng.

Trong 6 năm (từ 1995 đến 2002), *Kính vạn hoa* đạt 45 tập vừa lúc Nhà xuất bản Kim Đồng kỷ niệm 45 năm.

Nguyễn Nhật Ánh đã đi đến một kỷ lục sáng tác truyện dài kỳ đầu tiên cho thiếu nhi ở Việt Nam. Đứng trên đỉnh cao đó anh đã không dừng lại. Anh tiếp tục với *Chuyện kể xứ Lang Biang*, rồi *Tôi là Bé tố*, *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, rồi liên tiếp các giải thưởng đến với anh, Giải thưởng Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh, Giải thưởng Sách Hay của Hội xuất bản, Tặng thưởng Hội Nhà văn, rồi Giải thưởng văn học Asean 2010.

Thế nhưng anh vẫn đau đầu với *Kính vạn hoa*? Các nhân vật *Kính vạn hoa* vẫn đang sống bên anh ư? Vẫn đang tiếp tục câu chuyện của mình ư? Và vẫn muốn hiện hình lên trang sách.

Có lẽ đây cũng là một điều đặc biệt, "vô tiền khoáng hậu" trong văn học thiếu nhi và cả trong văn học Việt Nam hiện đại. Một điều đặc biệt mà chính người viết bài này cũng chưa hiểu rõ. ■

Tháng 9 năm 2010

HOÀNG THANH HƯƠNG

la Pa mùa gió thổi

Trần nắng và gió
rắn rất thốc qua miệng cười của mì
lưng thon của chị
những thoăn thoắt chân trần triển sóng
âm ập hàng dài chệch rợp
lưng liêng mát và mát

Bọc tôi là xanh mơn rượi gần ruộng xa
mùa rợn rợn đàng bể
những mặt người tươi lại
bắt đầu cuộc hành trình
sau lũ.

la Pa
gieo vào tôi nỗi nhớ
trắng ngù trên tẩu chạ đêm pơ thì
người già kể khan
lúc bỗng như tiếng mùa sinh sôi
lúc trầm như dòng sông mùa cạn
tôi lạc vào hoang sơ chính chiến tình yêu
kiêu hùng say đắm

Tôi đem theo niềm vui bội thu về phố
mát bề thơ đầy nắng
cả dang lưng khom đầm mồ hôi
vết chai lòng tay anh...

la Pa
tôi mơ những giấc mơ trâu vàng bông lúa
những mùa sông xanh ngát đôi bờ
nhà sàn thơm hương cơm mới
ngân nga lời em ru

Người đi mùa gió thổi?
chưa xa đã nhớ
bàn chân chỉ muốn quay về.

Với những vùng đất tôi qua

Chư Mổ, la Kdăm, la Tul
những cái tên nghe chưa kịp nhớ
tôi về như mắc nợ
như có tình đan diu bấy lâu
những nhọc nhằn sau lũ hàn sâu
trên khuôn mặt hiền lành bao đời
gắn mình với đất
cha chống lại cột nhà mì rào lại ngô
em gieo lại mùa màng trên cánh đồng
phù sa

anh kể về ngày mai quê hương
cầu nối nhịp đôi bờ
người la Pa thương nhau
đi qua nhọc nhằn gian khó
bàn tay không cho đất nghỉ
bắt đầu từ tình yêu vùng đất
một thời trai trẻ hy sinh

la Mơn, Pờ Tò, Chư Răng
những cái tên đọc còn lấp vấp
tôi muốn về như người quê
cùng ăn khúc mĩ vui tro
cùng uống nước bầu trong vắt
cùng tắm ông Ba xanh mát
hết mình chân thật thương yêu

TRẦN ĐĂNG HUẤN Trưa ngã tư

Trưa ngã tư
Cây lim dim thò làn hơi gió
Người đi đâu chẳng ngủ trưa

Ngã tư lòng tôi mùa mưa
Hơi nước ran ran làn da mịn
Cây phi lao trăm tuổi
Mài ngòi thâm nâu
Tán nhà chọc trời
Thiếu nữ đợi ai
Chuông điện thoại đổ dài
Gọi tình yêu về ngã tư hội tụ
Để tình em đưa nôi
Ngã tư ngủ mơ màng

Đường trưa xe lao như say giấc
Tìm gỗ nhịp thoi miên
Nổi nhau qua cung Hoàng Đạo
Ngã rẽ tương lai
Trưa ảm, thật hiền

Có ai dừng lại với em
Nghe tiếng trưa nhẩn nhủ
Thương con phố như thương xóm nhỏ
Tôi rẽ ngã tư trưa...



Vọng cổ

Cầu hát vọng đêm xưa thanh vắng
Hạc sương trắng thốt vỡ lời
Đổ sấu cầu, nổi sấu không cháy cổ
Mắt không nhòa
Nhịp kiệu con đường Hạ
Ngựa còm trong nắng lóa
Dạ sao sang sông
Giò đồng, bến lạ
Nét môi cong, hơi thở nhẹ
Thả lời bay xanh muốt lục bình
Đỏ mắt vương tình châu thổ
Đỡ người lên cúi lạy bình minh
Đổ thanh sắc, nhịp tim làm nhịp phách
Nguyệt cầm buông chim vịt kêu chiều
Đốc ngược cốc nhạc lòng thơm thảo
Để mai này không khát thương yêu
Mùa gió chướng thắm vàng miền hoa
diên điển

Bầy chim lạc lượn vòng
Trời đất Mũi trong veo



Nhà văn Nguyễn Thi, bút danh khác là Nguyễn Ngọc Tấn (1928-1968) tên khai sinh Nguyễn Hoàng Ca. Sinh tại xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957). Trong kháng chiến chống Pháp ông tham gia quân đội làm công tác tuyên huấn, đội trưởng đội tác tại Cục Chính trị quân giải phóng miền Nam, thành viên sáng lập và tham gia phụ trách tạp chí Văn nghệ quân giải phóng. Và hy sinh trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân (1968).

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Hương đồng nội* (thơ, bút danh Nguyễn Ngọc Tấn, 1950); *Trắng sáng* (truyện ngắn, bút danh Nguyễn Ngọc Tấn, 1960); *Đôi bạn* (truyện ngắn, bút danh Nguyễn Ngọc Tấn, 1965); *Truyện và ký Nguyễn Thi* (1969); *Năm tháng chưa xa* (ghi chép, 1972); *Nguyễn Ngọc Tấn - Nguyễn Thi toàn tập* (4 quyển, 2700 trang, 1996) trong đó có tác phẩm: *Những sự tích đất thép*, *Ước mơ của đất*, *Cô gái đất dừa*, *Sen trong đồng*, *ở xã Trung Nghĩa...* và một số tác phẩm chưa hoàn thành, còn dở dang được rút từ di cảo.

Giải thưởng văn học: Giải thưởng Văn nghệ Cửu Long giang (Nam Bộ, 1949-1950) với tập thơ *Hương đồng nội*. Giải thưởng văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu năm 1965 với tập truyện ký *Người mẹ cầm súng*. Giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT đợt II năm 2000.



NGUYỄN THI NHÀ VĂN CẦM SÚNG

THANH GIANG

NHÀ văn Nguyễn Ngọc Tấn cao ráo trong bộ ba ba đen bạc phết rộng thùng thình. Hậu quả ngót năm tháng trường vượt Trường Sơn, vượt sốt rét, vượt ho xuất huyết gian nan! Khuôn mặt vuông nắn nắn, góc cạnh, tiếng cười thì tròn đầy, sâu lắng và ánh nhìn mở rộng đôi mắt nhân hậu trong sáng, nồng ấm, đầy sức truyền cảm.

Chúng tôi xuất phát từ trạm giao liên Nam - Tây Ninh, men theo biên giới xuôi xuống Long An. Đêm đầu tiên gặp đơn vị bộ đội đánh đồn, pháo Gò Dầu phản kích nổ vào đội hình "thứ phôi!". Giao liên dẫn chạy vượt làn pháo. Bỗng dưng Nguyễn Thi cao lớn, sải cặp giò dài nhanh nhẹn. Chợt thấy họa sĩ Thu vừa dứt sốt rét Trường Sơn ốm ròm, mang cái ba lô "xưởng họa" oằn lưng, còn vác thêm cuộn giấy vẽ ếch, anh chộp vác tiếp Thu.

Bấy giờ vào mùa khô; suốt đêm vượt "Đống chó ngáp" nổi tiếng bát ngát đến chó chạy le lưỡi ngáp dài! Chúng tôi cố lê đôi chân sưng vù trong dép râu trên gốc tràm cháy, gốc rạ đốt đỏ, bụi tro bốc mù mịt ngột thở! Một đừ vậy mà khi đến trạm, anh cặm cùi ghi chép. Ít khi anh ghi chép trước đối tượng khai thác, chỉ chăm chú lắng nghe; trò chuyện với ai, thường lấy tờ giấy che miệng. Phong thái cho liên tưởng thành ngữ: "Nói là gieo, nghe là gặt". Anh như một người thợ gặt cùn, quan sát tinh tế, so sánh hình tượng nghệ thuật công phu. Trạm giao liên nằm trong cụm tràm thưa ngoài đồng, nhìn vào vùng dân cư khu vườn bị bom đạn xé xác, anh ước hỏi chúng tôi: "Trông những ngọn tre ấy nó giống như cái gì?". Chúng tôi người đáp như cái phất trần, người nói giống như tàu dừa còn trơ cọng. Anh giải thích: "Tàu dừa trơ cọng thì đầu dễ hình dung như ngọn tre. Cái phất trần thì cán bộ chiến sĩ mình ít người trông thấy. Nên có thể so sánh: có những ngọn tre như cái đuôi con sóc; có ngọn thì giống như bộ xương cá". Anh ngụ ý tu nghiệp: "Quan sát, so sánh luôn là thói quen của người viết văn. Để viết sâu hơn cần phải nhận xét, đánh giá chi tiết thấu đáo". Bất cứ khung cảnh tiếp xúc nào, anh cũng liên hệ tu từ. Phương ngữ được anh phả hồn chữ vào và khéo dùng nên mọi miền đều thích. Phong cách trở thành thói quen "ghi trong đầu", khi anh ngồi lại ghi chép, phác thảo như tác phẩm.

Chúng tôi đến trạm giao liên, thuộc Kiến Tường nằm trơ vơ vài ngôi nhà lợp dựng nhỏ nhai giữa mênh mông đồng cỏ cùng lau lách. Giặc vừa mới tàn

qua đây. Bất ngờ tôi dầm phải đạp lòi của giặc gài lại. Ra đi bốn người. Một người bị thương nằm lại...

Đến Tỉnh đội Bến Tre gặp lại, chúng tôi ôm nhau mừng chảy nước mắt. Qua ác liệt sống chết, mới xa mà tưởng chừng lâu lắm! Để thử không khí chiến trường, trả cái giá thể đó. Nguyễn Thi kể đã dự Đại hội Chiến sĩ Thi đua Quân Khu 8 khai mạc ở huyện Ba Tri, được tiếp xúc Nguyễn Văn Tư - mệnh danh ông Tổ binh ông vô vô. Về mặt hân hoan, anh kể đã thuyết phục cậu trình sát Tỉnh đội mạo hiểm dẫn vượt rào ấp chiến lược An Đức vào tháp nhang viếng mộ nhà thơ lớn Nguyễn Đình Chiểu, cho thỏa lòng khi đã về đến Ba Tri.

Tìm hiểu về Bến Tre đồng khởi, Nguyễn Thi với tầm nhìn chiến lược, bám khai thác sâu khu trừ mắt Thành Thới đang bị dân phá banh. Một khu trừ mắt điển hình được Ngô Đình Diệm cùng cố vấn Mỹ trực tiếp cắt băng khánh thành. Đây là một trọng điểm - thí điểm; nơi tập trung mọi chính sách bình định tàn bạo của địch... Ý đồ tư tưởng nhà văn còn tầm xa hơn, anh khai thác Bến Tre đồng khởi toàn diện, tìm hiểu tận nơi... Anh tâm sự: Quý biết bao cảm xúc hiện thực. Nếu như mình không ngủ ở một cái ấp cheo leo bên bờ sông mà tàu giặc không lúc nào vắng bóng thì làm sao có xúc cảm để mà viết. Chỉ có cảm xúc chân thật mới viết nên những dòng chân thật làm rung động lòng người...

Thái nghiêm nghiêm ngẫm ý tưởng, tổng hợp chất liệu văn học từ hai vùng đất (Mỹ Tho, Bến Tre); với diễn biến hiện thực của hai khu trừ mắt (Long Trung, Thành Thới), nhân văn xây dựng một khu trừ mắt điển hình ở xã Trung Nghĩa điển hình. Tiểu thuyết dù mới ba chương chưa kịp đặt tên, song đã hé mở chủ đề tư tưởng cho chúng ta dự đoán: "Kết thúc tiểu thuyết sẽ là một cuộc đồng khởi long trời dậy đất" ở xã Trung Nghĩa; khái quát cho toàn miền Nam, kéo theo sự sụp đổ mưu đồ Bắc tiến của Mỹ - ngụy Sài Gòn; mở ra tiền đề cho cuộc chiến tranh nhân dân phát triển lên đỉnh cao, dẫn đến ngày toàn thắng! Sau khi gửi ra Hà Nội, ba chương tiểu thuyết được VNQĐ công bố mang tên: *Ở xã Trung Nghĩa*.

Sau những chuyến thâm nhập chiến trường, chúng tôi xếp lại bản thảo viết dở dang, tập trung viết truyện anh hùng toàn miền lần thứ nhất. Nguyễn Thi viết chuyện Nguyễn Thị Út: *Người mẹ cầm súng*. Võ Trần Nhã viết Nguyễn Minh Tủa: *Lá cờ Hè-rô*.

Thanh Giang viết Hồ Văn Bé: *Đánh trong lòng địch*. Lê Anh Xuân nhà thơ đồng hương Tân Thành Bình với anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Tư, viết truyện: *Giữ đất...*

Nguyễn Thi thành công truyện Anh hùng *Người mẹ cầm súng*, thể hiện tinh cách độc đáo người phụ nữ dân dã đầy khí phách: "Còn cái lai quần cũng đánh!". Khi tác phẩm công bố được khen, anh nói vui: "Minh biết người ta khen là khen chị Út Tịch chứ không phải khen gì mình. Nhưng trong hoàn cảnh thế này thì hãy bằng lòng như vậy đã. Còn tôi dự định mỗi tiêu đề là một chương tiểu thuyết cho sau này...". Đây cũng là một, trong nỗi khát vọng viết tiểu thuyết luôn bị dở dang! Tiếp theo, Đại hội Anh hùng lần thứ hai, anh viết về nữ anh hùng Nguyễn Thị Hạnh *Ước mơ của đất* mỗi phần một dở dang...

Cuộc sống và sáng tác của chúng tôi lúc nào cũng tất bật. Khao khát hoàn thành ý đồ những tiểu thuyết trong không khí chiến trường luôn kêu gọi và đảm đương vô vàn sự vụ chức trách cùng sinh hoạt thời chiến... Thế nên anh từng tâm sự một câu chua chát: "Tình hình này ngồi viết tiểu thuyết nó chương lắm!".

Nghị lực hàng tu dưỡng, Nguyễn Thi vượt lên bất hạnh, bất chấp hiểm nguy, lao xuống Củ Chi, trong bối cảnh chiến trường Củ Chi đang chốt sư đoàn 25 Mỹ "Tia chớp nhiệt đới" tàn phá bình địa, đất trắng! Trải bom đạn khốc liệt, anh trở về viết thôi đêm dưới ánh đèn tu mù thiên kỷ sự hùng hức sức sống: *Những sự tích ở đất thép*; thể hiện những dũng sĩ anh hùng Trần Thị Gừng, Phạm Văn Cội gan góc nổi tiếng.

Cuộc tập kích chiến lược vào Sài Gòn Xuân Mậu Thân - 1968, hầu hết anh em VNQGP chúng tôi chia nhau theo các đơn vị mũi nhọn tiến vào Sài Gòn... Tháng sau, chúng tôi nhận được tin dữ từ FK.2 điện báo: "Nguyễn Thi hy sinh trên đường Minh Phụng, ngày 9-5!". Cái bóng có bản thảo *Ước mơ của đất*, và tập vở học sinh bút tích cuối cùng của Nguyễn Thi, do Lê Phải gửi Lưu Quang Tuyên- Phó phòng Tuyên huấn mang về. VNQGP lúc này chỉ còn anh Trọng Oánh và tôi, tiếp nhận đi cảo đó. Tập bút tích cuối cùng ấy gửi lên cho thủ trưởng Cục xem, khi hỏi lại thì thất lạc, thật tiếc vô cùng!

Trong nỗi đau bàng hoàng, anh Oánh và tôi soạn trong hai thùng thiếc tư liệu của Nguyễn Thi, chọn hàng chục tập ghi chép chữ lí ri rùng tất cả các bản thảo tiểu thuyết, truyện anh hùng và nhiều bản thảo dở dang khác... đóng thành hai gói to, vác

nặng, đem lên gọi Cục chính trị, xin được chuyển ra VNQĐ theo hàng đặc biệt. (Đó là phần lớn nội dung cho nhà văn Ngô Thảo làm bộ Toàn tập Nguyễn Ngọc Tấn - Nguyễn Thi: 4 cuốn, 2.600 trang, Nxb Văn học ấn hành - 1996).

Nhà văn Nguyễn Thi sống chết cùng chiến trường Sài Gòn, anh đứng trên tuyến đầu cùng chiến sĩ.

Anh lưu lại trong lòng người hình ảnh một nhà văn cầm súng, một nhân cách cao đẹp tuyệt vời cùng những tác phẩm văn học đặc sắc... anh lưu lại tên đường Nguyễn Thi ở quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh; cùng hai cốt nằm lại thủy chung giữa lòng Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Ngọc Tấn - Nguyễn Thi, nhà văn từng gắn bó nhiều kỉ niệm thâm thiết với VNQGP-A.6 từ những ngày đầu làm tạp chí, nối dài cánh tay ân tình với VNQĐ; cùng cuộc đời anh tình duyên éo le, một lần ngang trái, hai lần chia ly, cho nên anh hết lòng chăm lo duyên tình cho đồng đội, coi là niềm vui hạnh phúc của chính mình... Cuộc tình duyên anh là thiên tình sử: *biệt ly bi tráng!* Nỗi ám ảnh bi kịch của đất nước bị quân thù chia cắt, cuốn hút số phận con người vào vòng xoáy tang tóc đau thương tột cùng, nhào vào hồn văn Nguyễn Ngọc Tấn thoát thai truyện ngắn *Im lặng* bi thảm, âm vang tài hoa mà lặn dạn với "tư tưởng giao động...". Tuy nhiên, vốn từng trải từ sinh thử thách ác liệt, thử thách chia ly, bất hạnh, anh phục hồi chính khí, giữ vững phong độ lao động sáng tạo, giọng điệu nhân ái nhân văn... Minh chứng hùng hồn sau khi trở về chiến trường xưa, anh đã cống hiến một khối lượng lớn tác phẩm xuất sắc; nhận giải thưởng văn học Hồ Chí Minh lần thứ nhất.

Nhà văn Nguyễn Ngọc Tấn - Nguyễn Thi định hình nhân cách: *Cuộc sống có trước, sách vở có sau; tự phát trưởng thành; từ trong huyết quản phát sinh cảm xúc nghệ sĩ*. Anh khái quát đời mình: *Sinh Bắc - Lớn Nam*. Thế nên, khi tập kết ra Bắc quê hương, anh vẫn canh cánh nỗi lòng: *Đêm Nam - Ngày Bắc*. Ngày cùng đồng nghiệp lao động sáng tạo và bên vợ trẻ con thơ. Đêm thì đa diết nhớ thương đồng bào miền Nam còn trong vòng tay giặc thù tàn sát, trong đó có con gái đầu lòng chưa nhận mặt mà hằng chiêm bao vọng tưởng. Cho nên anh hăm hở trở về chiến trường xưa từ rất sớm... Và anh viết những câu thơ đa diết từ gan ruột:

*Những mối tình bằng nước mắt
Có bao giờ phai nhạt em ơi!
Hái tất cả mùa xuân trên mặt đất
Anh làm thơ yêu tặng một con người.■*

NHỮNG CÂU CHUYỆN ISRAEL

KỶ II: NÔNG NGHIỆP, TAI NGHE VÀ MẮT THẤY

ĐỖ TRUNG LAI

Là một nhà nước nhỏ nằm ở rìa đông Địa Trung Hải, có chiều dài hơn 400 km; chiều ngang, chỗ rộng nhất chỉ hơn 100 km. Tổng diện tích là trên 20.000 km², chia làm bốn vùng: Đồng bằng ven Địa Trung Hải, Đồi núi trung tâm, Châu thổ sông Jordan và Sa mạc Negev, trong đó Sa mạc Negev đã chiếm tới một nửa.

Ở Israel, mặt bàn ăn và mặt quầy nông phẩm tương phản hoàn toàn với mặt ruộng!

Trên mặt bàn ăn, các món rau tươi luôn đầy ắp: cà chua tươi, cà chua trộn salad; đậu đũa, đậu xanh, đậu ván, đậu hạt; xà lách trong salad, xà lách thái nhỏ (để nguyên như bên ta thái ăn bún riêu); dưa chuột tươi, dưa chuột muối, dưa chuột trộn dầu oliu và váng sữa, cũng rất nhiều loại rau thơm Địa Trung Hải. Bên cạnh đó là rất nhiều thịt gà, thịt bò, thịt cừu và cá, tôm. Tất nhiên còn phải có

Mấy vườn cây có thể trông thấy trên mặt ruộng là những vườn cò lấy dầu, vườn oliu, vườn chà là và các vườn cam - quýt - bưởi trồng làm cảnh. Oliu và chà là chịu hạn tốt. Cam - quýt - bưởi trồng làm cảnh quanh biệt thự, sân bay, ven đường cao tốc, thì đúng là... chỉ để làm cảnh, không ai thu hoạch cả.

Thế thì những củ, quả tươi, rau sạch ngồn ngộn kia lấy ở đâu ra? Cả hoa và cây tiểu cảnh? Mà lại còn xuất khẩu oanh liệt nữa?

Thì ra, chúng được trồng "theo kiểu Israel", tại các trang trại tập trung, trong nhà kính (nên hiểu rộng ra, là cả những nhà lợp nylon trong suốt nữa). Ở đó, chúng có thể được trồng trên đất, trên cát, trên các loại mùn hữu cơ, miễn là có chỗ bám rễ. Và, cả thủy canh nữa. Chất dinh dưỡng, theo các ống dẫn nước, tới từng gốc cây, gốc rau; tưới bón nhỏ giọt, tùy theo loại cây, quả, củ; bởi một phần

khó, vì mỏng và chân toàn chồi lên không khí. Ấy thế mà người Israel xuất khẩu "Muối Biển Chết", "Bùn Biển Chết" và vô vàn các hóa mỹ phẩm Biển Chết khác. Bây giờ spa nào không dùng mỹ phẩm Biển Chết, chỉ còn là spa hạng hai. Xung quanh Biển Chết có rất nhiều phòng thí nghiệm, đặt tên là Ahava (Tinh yêu), nghiên cứu và chế tạo những hóa mỹ phẩm ấy. Một hộp bột ngọc trai đen trộn hóa phẩm Biển Chết, bôi ban đêm để xóa vết nhăn trên mặt phụ nữ, bán tại chỗ, giá 80 USD. Hộp nhỏ bằng nửa lọ mực Cửu Long. Lượng mưa ở Israel thì phân bố rất không đều, giảm nhiều về phía nam, nơi có sa mạc Negev. Ở điểm cực nam, lượng mưa trung bình hàng năm thấp hơn 50 mm. Phía bắc, con số ấy lớn hơn 900 mm, nhưng lại chỉ có mưa từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau. Mưa ít, thường tập trung, gây xói lở rồi sông trơ ra, cả vùng đồng bằng ven

xuất khẩu, chủ yếu làm nông nghiệp, lương hợp đồng 1.000 USD/tháng. Nếu làm thêm ngoài giờ và ngày nghỉ, có người nhận 1.500 - 1.600 USD. Đi lao động Israel giờ đang "hot". Cũng có 300 thực tập sinh Việt Nam đang thực tập ở các trang trại, các kibbuz (HTX) Israel. Học họ được là rất tốt. Những cũng không dễ. Ngoài thói quen khoa học - văn minh trong sản xuất và đời sống, ống dẫn nước cũng phải nhập. Ống của họ, chạy dài hàng trăm cây số, leo lên đồi, lên sân thượng cao ốc, vẫn giữ đều áp suất, nước vẫn đến từng gốc cây, bụi rau, chứ không "đầu voi đuôi chuột". Thế là phải học kỹ thuật và nhập công nghệ. Công nghệ ấy, càng ở quy mô lớn, càng kinh tế. Làm giỏi rồi, lại phải tìm "đầu ra", tức là thị trường xuất khẩu. Ít bạn, ít khách hàng nhập với giá cao, là lỗ! Lỗ thì vô nghĩa, còn có hại nữa.

Nhìn nước mình, đất đai vừa nhiều



bánh mì đi với pate gan, pho mat, xúc xích... Và, các bạn Việt Nam đừng lo, có cả cơm nữa- cơm như bên ta, gạo nhập từ Thái Lan, và cả cơm nhuộm lòng đỏ trứng- như là xôi xéo vậy. Người Israel cũng trồng lúa nước, nhưng ít. Người Do Thái, theo đạo của mình, không ăn thịt lợn.

Trên mặt các quầy nông phẩm, tất nhiên là ngồn ngộn, tươi rói, những thứ hoa quả kể trên. Tỏi tây xứ này dài 1 mét, hành cao 70 phân, cây cần tây như một bụi cây nhỏ, cà tím nặng đến vài ba cân một quả, cà chua bi và cà chua nhót bám kín thân cành, dưa chuột, củ cải đỏ chất thành núi...

Tất cả đều ăn sống được, ròn tan, ngọt lịm, non nộn nà. Tất cả đều là rau sạch, kiểm dịch thực phẩm tuyệt nhiên không cho phép bày bán những thứ vớ vẩn. Giá nông phẩm cực rẻ so với thu nhập của người Israel: Rau, 1 USD một cân. Quả, đắt nhất là cam, 1 cân giá 3 USD (Lương trung bình ở đây là 1.200 USD/tháng). Lại còn mè man nhỏ, quýt, bưởi, chuối, oliu, chà là, lựu, chanh... nữa chứ. Những quả lựu to như hai cái bát ăn cơm úp lại. Thịt các loại không có ở chợ thường, chỉ có trong siêu thị. Thịt sạch, tươi, đóng hộp, mấy chục USD/kg, tùy loại.

Ấy thế mà trên mặt ruộng, đi cả nghìn cây số, chỉ thấy đất bạc màu, cát sa mạc và núi đồi trơ trọi đá!

mắm điều khiến tự động, sau khi đã nạp đủ thông tin về độ ẩm không khí, đất đai, tuổi và nhu cầu tăng trưởng của từng loại cây, hoa, quả, củ.

Hiện Israel đã lai tạo được cả giống cà chua chịu mặn, đạt năng suất kỷ lục: 120 - 150 tấn/ha. Nước nuôi cá trong bể nhân tạo, nước thải sinh hoạt và công nghiệp, được xử lý hầu hết, trở lại tưới cho cây, cho hoa, cho rau; trộn thêm nước mặn để tưới cho cái loại cà chua kỳ lạ kia, phần cá thì bón lại cho cây. Không, người Israel không để phí một cái gì cả. Họ bảo, tưới như các anh, trên 50% nước bị bay hơi, phí quá! Trẻ con Israel, từ khi biết nhớ, đều được dạy, phải tiết kiệm nước.

Khoa học? Tất nhiên rồi, nhưng sẽ càng thấy họ khoa học hơn và buộc phải khoa học, khi biết rằng, toàn thể xứ xở này chỉ có một hồ nước ngọt duy nhất đáng kể, đó là Hồ Galilee (cũng còn gọi là Biển Galilee, Hồ Kinneret hay Hồ Tiberias) rộng 165 km², nằm thấp hơn mực nước biển 213 mét, chứa được 3 tỷ km³ nước ngọt. Sông lớn nhất là Sông Jordan, dài 322 km, chảy vào Hồ Galilee. Qua hồ, sông này tiếp tục chảy xuống phía nam, vào Biển Chết, nơi thấp nhất thế giới, thấp tới 408 m so với mực nước biển. Nhiều năm nay, nước đổ vào Biển Chết quá ít, không bù được cho lượng nước bốc hơi, do đó, Biển Chết mặn đến bão hòa. Tôi đã được đến tắm ở đó. Có thể nằm ngửa mà đọc báo được. Bơi rất

biển, chỉ có hai con sông thường xuyên có nước chảy.

Về đất đai, đất canh tác chiếm 17,02 %, đất có thể cho mùa màng thường xuyên chiếm 4,17%, đất được tưới tiêu càng thấp, chỉ chiếm có vài ba ngàn km² trên tổng diện tích xứ sở.

Ấy thế mà bò sữa Israel cao sản nhất thế giới: 12.000 lít sữa/con/năm. Mỗi con bò có một cái vòng điện tử trên cổ, thông báo thường xuyên cho chủ trại biết về tình trạng sức khỏe của nó, đặc biệt là thông báo về thời điểm động dục. Sữa từng con bò được vắt bằng máy. Máy phân tích luôn thành phần sữa, cho biết sữa con bò nào thiếu - thừa chất gì, thì bổ sung ngay vào khẩu phần ăn của nó. Mỹ là nơi nuôi bò nổi tiếng, sản lượng sữa cũng chỉ là 9.000 lít/con/năm. Có một trang trại, chỉ có một ông chủ Israel và một cậu giúp việc người Thái Lan, mà nuôi 50 con bò sữa, mỗi năm sản xuất tới 600.000 lít sữa chất lượng cao. Giá sữa do nhà nước quy định từ đầu mùa, không được ép giá nhà nông. Ở sân bay David Ben Gurion, tôi uống một lon Coca Cola hết 3 USD. Còn 2 USD lẻ, mua một tách cà phê hoặc một cốc sữa cũng không ai bán, bán nửa cốc thì máy tính không nhập liệu- không đánh thuế được- tự động và sòng phẳng biết bao!

Việt Nam ta, hiện có 200 người cư trú ở Israel, đa phần là đến từ một nước thứ ba từ sau 1975. Có khoảng 800 lao động

vừa màu mỡ, nước ngọt mênh mông, càng tiếc đáng tiếc cay vì chưa làm được như họ! Phát triển bền vững, môi trường trong lành, tiết kiệm tài nguyên, an ninh lương thực, an toàn thực phẩm, chính sách "tam nông", xóa chênh lệch nông thôn - thành thị v.v... chính là khâu này.

Người Israel nói, họ vô cùng kính trọng ta, vì ta rất dũng cảm trong chiến đấu và rất thông minh. Họ sẵn sàng giúp ta, đặc biệt là trong nông nghiệp. Mong sao, sớm được như thế!

Việt Nam ta, rau củ quả cũng bày la liệt, từ siêu thị đến "chợ cóc" rồi, mà vẫn khinh miệt diệp lục: "Cứt cá còn hơn lá rau". Ai gây yếu thì chê rằng: "Mặt xanh như rau", "Mặt xanh như lá"!... Có phải vì thế mà "rau sạch", "rau bẩn" lẫn lộn, vừa phun thuốc tăng trưởng và thuốc trừ sâu đã hái ngay về, bán cho nhau, rồi lại ừ ừ chạy đi mua "Máy OZON" để sục? Làm sao quản lý được chất lượng rau và thực phẩm đây? Sao không học, không nhập - cả công nghệ, quy trình sản xuất và thói quen lao động văn minh- của bạn nhỉ? Cả nước người ta, chỉ có vài ba ngàn km² đất nông nghiệp được tưới tiêu mà xuất khẩu rau, hoa, củ, quả ầm ầm. Mình thì vứt hạt gì xuống đất cũng này mẩm, cỏ còn xanh um, sao lại chịu kém thua như thế? Sao lại để trong ruột người Việt, ai cũng có giun sán, chưa kể còn bao nguy cơ tiềm ẩn khác?■

Tháng 12-2010

CHIẾU ở Bắc Kinh, tháng chạp lạnh lắm! Ngoài trời tuyết bay mờ mờ. Thế mà những người đi sắm tết vẫn tấp nập, nét mặt đều tươi vui.

Chúng tôi không đi sắm tết, cũng chẳng thăm quan thắng cảnh mà được đưa đến nhà hàng Toàn Tự Đức - Một Restaurant nổi tiếng ở Bắc Kinh - bằng chiếc minibus có lò sưởi.

Đài truyền hình Bắc Kinh hôm ấy chiều đãi chúng tôi cơm chiều. Những tưởng như thường lệ, bạn mời cơm ở một nhà hàng sang trọng có những món ăn lạ, những đặc sản, hoặc thưởng thức các món ăn của thái hậu Từ Hi ngày trước.

Nhưng không, đây thuần túy và vệt quay Bắc Kinh. Chúng ta thường nói vệt quay Bắc Kinh thật ra chưa chính xác, người Bắc Kinh gọi nó là "vệt quay Tứ Xuyên" kia! Vì món này xuất phát từ tỉnh Tứ Xuyên. Phải quay trên cửa cây đào hoặc cây lê mới có mùi thơm thơm của trái lê, trái đào, mà khi Bắc Kinh được chọn tuyển nơi thi đấu thể thao Olympic 2008 - Chính quyền Bắc Kinh cấm Bắc Kinh quay vệt bằng củi mà phải quay lò vi tính hoặc điện để tránh ô nhiễm khói trong thời gian thế vận hội. Hàng trăm nhà hàng vệt quay Bắc Kinh phản kháng lên nhà chức trách.

Sợ đi miền man lạc để, tôi xin bạn đọc quay lại nhà hàng Toàn Tự Đức - một địa chỉ quen thuộc và là số "dách" ở Bắc Kinh về vệt quay. Đi cầu thang máy lên lầu 5 hay lầu 6 gì đó, cửa mở, hiện ngay một vị râu tóc dài áo mão cánh chuồn to cao bằng ba bốn người thật như ông hộ pháp chùa Ông Thành phố Quảng Ngãi - Thu Xà. Tôi buộc miệng hỏi Mai Linh, Phó văn phòng phụ trách đối ngoại Đài truyền hình Bắc Kinh.

- Vào chùa a, hồi người đẹp?

- Không đâu, đến giờ cơm chiều mà! Đó là ông thần tài mà!

- A ra thế! Mỗi người trong đoàn chúng tôi hết sức ngạc nhiên.

Rồi trong suốt bữa tiệc, chúng tôi không chú ý gì vệt quay hàng chục món, mà hôm nay đặc biệt tiếp nhà báo Việt Nam chính ông chủ Toàn Tự Đức ra đứng bếp. Ông chủ trong áo mũ xanh xang trắng toát như bác sĩ, thoăn thoắt biểu diễn dao thót thật điệu nghệ...

Tôi quay hỏi qua loa và chụp ảnh người "nghệ sĩ" tài hoa đang mổ xẻ con vệt quay hàng năm sáu kilôgam - to như con ngỗng trời! Rồi chủ đích của tôi là hỏi chuyện về Ông Thần Tài - với Tổng

giám đốc Truyền hình Bắc Kinh ngồi kế bên tôi. Giám đốc liếc mắt thân mật lén ngắm cho Mai Linh tiếp chuyện.

Mai Linh nhanh nhẹn lịch thiệp miệng như hoa, cười chum chim với chúng tôi:

- Thần tài của chúng tôi đích danh là Tàng Phúc thần tài. Đó là vị thần đang ngồi trên ngai thể chân phương, đầu đội mũ cánh chuồn như các bạn đã thấy ngoài hành lang. Tay phải Tàng Phúc vuốt râu ba chòm, tay trái cầm gậy may y phục quan văn, thêu hoa văn... Mai Linh nói dài, ông Đạt phiên dịch - trước kia từng ở Chợ Lớn - dịch không kịp, quay sang hỏi tôi: "gậy gì" tôi đáp: "gậy như ý". Ông Đạt cảm ơn và dịch tiếp.

- Phẩm phục ông quan này hàng ngũ

thật với bạn đọc - Mai Linh đẹp lắm, mắt như nhung sáng rực và rất chi là thông minh, đôi bàn tay như búp sen trắng. Tôi bắt tay nàng, bàn tay như lụa mịn thon đẹp quá! Tôi chưa biết Tây Thi đẹp dường nào? Chứ Mai Linh thật là:

Chim đây nước cá lờ dờ lặn

Lừng lơ trời nhận ngấn ngọc sa

Cho tôi tóm lại là: *Chim sa cá lặn vậy!*

Và Mai Linh với vẻ duyên dáng tiếp:

- Tôi đã đến Chợ Lớn các bạn rồi!

Ông thần tài Việt Nam nét mặt hài hước hơn - mặc áo thụng, áo tể màu đỏ, tay cầm cái túi có thêu chữ nguyên (đồng bạc), chân đi hài sảo đen... Hôm chúng tôi đến Chợ Lớn, có cỗ hàng vải bị lửa mất sạch, ngày tết cô giận đã đem ông thần tài quăng ra gốc cây.

BÀ THẦN TÀI

ĐOÀN MINH TUẤN



phẩm, có hai đồng tiền ngay trước đầu gối hai bên. Ở tượng ngoài kia, vị thần tài này chưa thoát khỏi hình tượng Táo quân. Hơi giống hình ông Lộc trong bức tượng Phúc Lộc Thọ treo trên tường.

Tôi cắt ngang câu chuyện:

- Giống một nửa ông Táo và một nửa ông Lộc như ông thần tài ở Chợ Lớn chúng tôi - mọi người quay sang tôi cười. Mai Linh lại cười duyên - mà phải nói

- Ở Chợ Lớn chúng tôi còn có Phước Chính thần được gọi là Thổ Địa. Mặt tươi son phấn, có vẻ đàn điểm và luôn luôn thay đổi hình dáng theo thời gian, ngành nghề của từng giai đoạn và theo thị hiếu thương trường! Ở bên chúng tôi, ngày Tết các bà các cô hay đi "vay tiền" bà chúa Kho, bà chúa Xứ để ăn nên làm ra. Có cả Giám đốc ngân hàng, các bà, các

chị ở Sở Tài Chính cũng tìm thần tài ở các đền miếu nữa đấy!

Tôi ít nghe câu chuyện mà chỉ liếc nhìn Mai Linh vẻ đẹp như Tây Thi, như Hằng Nga mà trong thơ xưa đã tả "Tây Thi khiếp vía, Hằng Nga giặt mình".

Tôi lại kiểm chuyện để hỏi Mai Linh:

- Tại sao lại thờ thần tài.

Như gãi đúng chỗ - Mai Linh thao thao giải thích:

- Ngày xưa ngày xưa có một lái buôn tên Âu Minh, lúc đi ngang qua hồ Thanh Thảo được vua Thủy Tề tiếp đãi ăn cần và cho nàng Như Nguyệt theo hầu. Vì Âu Minh có công cứu một con cá vàng mắc vào hom giỏ - con cá vàng là Thái tử con vua Thủy Tề - Từ khi có nàng hầu trẻ đẹp, ông làm ăn phát đạt và trở nên giàu sang nhất vùng. Về sau vào dịp Tết Nguyên Đán, Âu Minh vì giận lỡ tay đánh vào mặt Như Nguyệt. Như Nguyệt sợ quá chạy trốn vào đồng rác trước sân nhà và biến mất. Âu Minh từ đó sa sút, làm ăn thất bại chẳng bao lâu giàu đó mà bỗng trở nên nghèo mạt. Nhân thế lại đàm tiếu cho rằng Âu Minh không biết giữ phần tài. Đánh Như Nguyệt để thần tài phải bỏ đi. Và kể từ đó nhân dân có tục kiêng không đổ rác vào ba ngày tết. Vì sẽ đổ mất đi thần tài, làm ăn sẽ khó phát tài, phát lộc. Cho nên việc đặt thần tài ở trong xó nhà, dưới nền đất cũng do sự tích ấy!

Nghe xong câu chuyện tôi lại đùa vui:

- Sao người đời không thờ bà thần tài, cô thần tài mà lại thờ ông thần tài?

Mai Linh đành chịu thua không giải thích được?! Cả bữa tiệc cười vui.

Nhà văn Nguyễn Gia Nùng từ này giờ không nói gì lặng im. Vì "im lặng là vàng" anh dành thì giờ lặng ngắm dung nhan Mai Linh - người đẹp nhất kinh thành - mà theo anh đã gặp. Bây giờ anh buông ra một câu đầy ý nghĩa và đúng lúc:

- Bà thần tài ngồi trước mặt ta đó!

Mai Linh then mặt hồng lên như được tiếp thêm men rượu Mao Đài càng đẹp xinh lạ thường. Cả buổi tiệc cười vang. Quên thưởng thức rượu Mao Đài ngon, thật quay vệt Bắc Kinh ngon và ngồi bên Mai Linh, mặc dầu ngoài trời 30° âm mà vẫn thấy hơi ấm tỏa nhẹ như bên bếp lửa giữa khuya. Thế là ông thần tài trở thành bà thần tài... Tết năm nay thế nào ta cũng được bà thần tài xinh đẹp gõ cửa vậy! Và bạn sẽ ăn nên làm ra.■

TẢN VĂN

TẾT NHỚ

NGUYỄN THANH KIM

SAU Tết ông Công ông Táo về trời, cha tôi lại chuẩn bị cho Tết Nguyên Đán. Mẹ tôi hồi ấy đi buôn rau quả sang Hà Nội nên mọi việc tết nhất đều do cha tôi lo liệu. Cha tôi là người kỹ tính nên ông chẳng khiến anh em chúng tôi nhúng tay vào bất cứ việc gì. Nhất là lo Tết - chuyện trọng đại trong năm. Cha tôi ra chợ Nhớn mua lá dong, có khi nửa buổi mới về. Lá dong ông chọn to bản, óng mượt, rửa nước nhiều lần rồi hong khô. Gạo nếp, đỗ xanh, thịt lợn gom góp từ phiếu lương thực và thực phẩm theo định suất từ trong năm nên đủ dùng có mươi chiếc bánh chưng. Cứ nhìn dáng cha tôi cặm cụi ngâm gạo nhặt vỏ đỗ, ướp thịt cùng nước mắm, hồ tiêu cũng đủ thấy ông là người cẩn thận tỉ mỉ biết nhường nào. Cha tôi còn cất công vào tận làng Yên mướn cho được nồi luộc bánh vào những ngày mưa rét cuối năm. Còn món cùi dừa thì anh em chúng tôi ra cửa hàng ở ga Bắc Ninh mua theo phiếu chất đốt, toàn loại củi gộc đun rất bén lửa và cháy đượm... Khi ngồi gói bánh

nom ông trịnh trọng lắm: Lá dong xanh trải ra, gạo nếp trắng thơm, đỗ xanh ruột vàng tra vào, điểm thêm mấy miếng thịt lợn dày và to bản. Ông nén chặt buộc lạt. Chiếc bánh chưng vuông vức được bày ra trước sự thích thú của chúng tôi. Có lẽ phút thư giãn duy nhất mà tôi được ngồi cạnh ông là được trông nổi bánh chưng. Tôi là con trai cả nên được ông phân công múc nước đổ vào khi nổi bánh sắp cạn. Bánh chưng đun càng kỹ, càng nhiều lửa thì bánh càng rắn và giữ được lâu (nếu không may ra Giêng, trời trở nồm thì bánh không lại gạo). Ánh lên trong lửa thân đang vạc dần tàn đỏ, trong hơi của nổi bánh tỏa ra, khuôn mặt cha tôi tươi rây những nếp nhăn, khuấy vệt những tháng ngày vất vả mưu sinh.

Cha tôi còn có cái thú nữa là nấu chè đỗ đãi vào chiều ba mươi tết. Đỗ xanh ông ngâm từ mấy ngày trước, được đãi cho sạch vỏ rồi đổ vào chỗ đổ lên chín nhuyễn. Khâu già đỗ ông làm đi làm lại nhiều lần cho mịn, vo lại từng nắm rồi lấy dao xắt từng lát nhỏ. Bép

đun liu riu, nước đường thẳng lên cho vừa độ, ông thả từng lát đỗ vào khuấy đều nhiều lượt cho đặc sánh. Khâu cuối cùng cha tôi đổ chè dàn đều ra các đĩa, miếng chè không tời ra là được. Cái tính kiên trì, tỉ mỉ của ông khiến tôi thấm cảm phục.

Tôi đã được gần cha tôi qua nhiều cái tết như thế. Khi ngoài trời se lạnh mưa bụi lầy rầy, khói sương ập trên các ngọn cây trụi lá... cả nhà ai cũng cảm thấy ấm lòng khi ông trịnh trọng bung mâm cỗ đặt lên ban thờ, không ban giờ thiếu *bánh chưng xanh* và *chè đỗ đãi* mà tự tay cha tôi làm dâng lên tổ tiên. Đó là lòng thành kính, ngưỡng vọng của cha tôi đối với các bậc sinh thành và yêu mến con cháu. Ông cũng đã đi về cõi tiên rồi, không một lời trời trăng. Mẹ tôi cố giữ lại kỷ niệm xưa trong bánh chưng xanh và chè đỗ đãi, nhưng bà hiểu rằng dù có cố đến đâu cũng không kỹ, không ngon được bằng ông. Cứ mỗi độ tết đến xuân về, khi thấp nhang và ngược nhìn lên bàn thờ, lòng tôi lại nao nao...■



C HÚNG ta đều biết đại văn hào Nga Lev Tolstoi là một người quảng giao. Trong đời mình, ông đã tiếp xúc với nhiều người thuộc đủ các tầng lớp xã hội khác nhau ở trong nước và với nhiều nhân vật trí thức đến từ các quốc gia khác nhau như Mỹ, Pháp, Ý, Đan Mạch, Nhật, Đức, Na Uy...

Những cuộc tiếp xúc ấy đã để lại những ấn tượng sâu sắc khó quên trong ký ức của họ. Bộ sách *L.N. Tolstoi trong hồi ức của những người đương thời* (M. Nxb. Văn học quốc gia, 1960 gồm 2 tập, được tái bản nhiều lần) đã nói lên điều đó.

Song, có những phát hiện mới về những mối quan hệ giữa Tolstoi và nhiều

xuôi của Pushkin, Turgenev, Leskov và Gorki) đồng thời bà nổi tiếng như một dịch giả giỏi nhất về tiếng Nga.

Mùa xuân năm 1887 Hapgood cùng với thân mẫu đã thực hiện một chuyến viễn du dài ngày đến nước Nga và đã lưu lại đây hai năm. Niềm mơ ước thiêng liêng của bà là được gặp Tolstoi.

Ở Peterburg, bà đã nhờ V. Stasov, nhà phê bình nghệ thuật và âm nhạc, nhà nghiên cứu lịch sử nghệ thuật, Viện sĩ danh dự của Viện Hàn lâm khoa học Peterburg vốn có những mối quan hệ gần gũi với Tolstoi, giới thiệu mình với nhà văn yêu quý. Ngày 2/12/1887, Stasov đã viết một bức thư ngắn cho Tolstoi như sau: "Thưa Lev Nikolavevich, bà Hapgood nhờ tôi nói với Ngài vài lời có lợi cho bà ấy. Vậy tôi có thể nói được điều gì đây? Chỉ nói rất ngắn thôi, nhưng phải là những lời tuyệt vời nhất có lợi cho bà ấy. Người dân bà Mỹ này do Rolston (nhà Slavơ học của Anh, người quảng bá văn học Nga ở Anh, bạn thân của nhà văn Nga Turgenev) từ London giới thiệu với

(1732-1799).

Năm 1892, Isabel Hapgood đã hỗ trợ nhiều cho Tolstoi trong thời gian nạn đói hoành hành ở Nga do mất mùa. Bà đã tổ chức tại NewYork quỹ Tolstoi nhằm quyên góp để giúp những người nông dân Nga đang bị đói, hơn nữa, tất cả số tiền lạc quyên đã được gửi trực tiếp theo địa chỉ của bà tước Tolstoi.

Năm 1891, Hapgood cho công bố thiên hồi ký: **Dạo chơi cùng bá tước Tolstoi ở Moskva** trên tờ tạp chí *The Independent*.

Tác phẩm này cùng với những hành trình du ký khác sau đó với tư cách là một chương được đưa vào cuốn **Những chuyến sang Nga**, xuất bản tại New York năm 1895.

Những cuộc gặp gỡ và trò chuyện giữa Hapgood và Tolstoi đã diễn ra vào trung tuần tháng 12 năm 1888. Đó là thời kỳ Tolstoi đang trải nghiệm cuộc khủng hoảng tinh thần trầm trọng, chẳng những dẫn tới sự phê phán ngày càng gay gắt

Tolstoi còn khẳng định dưới dạng bóng đùa:

"Tất cả những gì mà tôi đã viết ra cho đến nay là được sáng tác dưới ảnh hưởng tai hại của thuốc lá. Bởi vậy, tôi đã bỏ hút. Còn tất cả những gì của tôi được in trong thời gian này là kết quả của sự hào hứng thuần khiết về mặt trí tuệ và tinh thần."

Để phản bác lại ý kiến đó, Hapgood cũng đáp lại bằng một câu dí dỏm:

"Thưa Lev Nikolaevich, vậy rất mong ngài hãy lập tức hút lại."

Như chúng ta đã thấy, trong cuộc trò chuyện với Tolstoi (năm ấy ông 60 tuổi còn Hapgood- 38 tuổi) nữ dịch giả không chỉ lắng nghe thần tượng của mình một cách thụ động mà còn mạnh dạn trao đổi với ông trên tinh thần bình đẳng thậm chí còn "khêu khích" ông mặc dầu Hapgood biết rằng rất khó làm nhà văn thay đổi ý kiến về những vấn đề mà ông đã kiên quyết bảo vệ hoặc phủ nhận.

Cuộc đối thoại giữa hai người về những người ăn mày, về cách làm từ thiện, về học thuyết không chống lại cái ác... đã chứng minh điều đó. Từ những vấn đề nghiêm túc mang tính chất triết lý cao siêu, cuộc tranh luận giữa hai người đôi khi chuyển sang đề tài sinh hoạt mang màu sắc đời thường và hóm hỉnh khiến ta càng thấy rõ nét chân chất mộc mạc đáng yêu của vị bá tước nông dân.

"Hapgood: Liệu mỗi người có nên tự mình phục vụ cho bản thân mình càng nhiều càng tốt chứ không nên nhờ vả những người khác nếu như không thật cần thiết?"

L. Tolstoi: Tất nhiên rồi.

Hapgood: Rất hay. Tôi khỏe mạnh, hoàn toàn có khả năng tự phục vụ mình. Nhưng tôi rất không thích đi giày cao su và mặc áo choàng lông nặng nề. Và tôi không bao giờ làm được điều đó nếu như không phải làm. Tôi không có quyền nhờ ngài đi giày cao su cho tôi nếu như không có gia nhân ở bên cạnh. Nhưng cứ thử giả định rằng giả như tôi nhờ thì sao?"

L. Tolstoi: - Thì tôi sẽ vui lòng làm việc đó- bá tước đáp, khuôn mặt nghiêm nghị của ông nở ra một nụ cười- Và tôi sẽ chữa giày hầu bà nếu bà muốn."

Với thiên hồi ký **Dạo chơi cùng bá tước Tolstoi ở Moskva**, Hapgood chẳng những đã góp thêm một tiếng nói khách quan để tạo dựng bức chân dung tinh thần của Tolstoi mà còn bác bỏ những cách nhìn nhận và đánh giá sai lệch của những người đương thời đối với nhà văn vĩ đại.

"Tôi được biết vào thời gian gần đây bá tước bị coi là "dở hơi" hay "gàn". Song le bất cứ một ai từng trò chuyện lâu lâu với ông đều đã tôi nhận định rằng ông hoàn toàn không phải là kiểu người bị tâm thần như vậy. Chẳng hạn Tolstoi là người có những đam mê của mình, có những ý niệm của mình... Khi giao thiệp trực tiếp, ông tỏ ra là một người hết sức chân thành, rất kiên nghị và có sức hấp dẫn lạ lùng, mặc dầu ông không cố thu hút sự chú ý đến mình..."

Mặt khác, Hapgood cũng mạnh dạn chỉ ra những hạn chế của Tolstoi bắt nguồn từ mâu thuẫn trong thế giới quan và lối tư duy cực đoan của nhà văn thể hiện rõ nhất trong giai đoạn cuối đời: "Những tư tưởng của ông do ông đưa ra để mọi người lĩnh hội dù sao cũng vẫn rất khó tiếp thu đối với quảng đại quần chúng và đặc biệt khó đối với chính bản thân ông. Đó là những lý thuyết bất khả về sự hy sinh quên mình mà chỉ một số rất ít người mới có đủ sức tuyên truyền cho ai đó. Hơn nữa, cách trình bày về mặt triết luận đối với lý thuyết của ông thiếu sự sáng sủa rành mạch vốn thường là kết quả, tuy không phải bao giờ cũng thế, của một công việc nghiêm túc mới bắt đầu, và bạn sẽ có khả năng đầy đủ căn cứ đối với những lời đồn đại về tình trạng suy nhược trí tuệ của ông." ■

XI. 2010

CUỘC HỘI NGỘ LÝ THÚ

LÊ SƠN



Con đường chính dẫn vào vườn Lev Tolstoi



Lev Tolstoi tại điển trang

nhân vật khác chưa được đưa vào bộ sách nói trên. Ở đây, chúng tôi muốn đề cập tới một cuộc hội ngộ lý thú giữa Tolstoi và nữ dịch giả Mỹ Isabel Hapgood mới được công bố cách đây hơn một thập kỷ trên tờ tạp chí văn học có uy tín ở Nga là tờ *Novyi mir* (Thế giới mới) số 7 năm 1998.

Isabel Hapgood (1850- 1928) là dịch giả, nhà phê bình và nhà báo Mỹ. Từ nhỏ bà đã say mê ngữ văn học, đã thông thạo các ngôn ngữ chủ yếu của lục địa Âu châu cũng như tiếng Nga và tiếng Slavơ cổ. Với sức làm việc phi thường, chỉ riêng trong một năm 1886 bà đã dịch và cho ra mắt độc giả tuyển tập tráng ca *Những ca khúc sử thi* của Nga vốn có tiếng vang lớn ở Hợp chúng quốc Hoa Kỳ và ở Anh quốc, những tác phẩm chính của Gogol và bộ ba tự truyện của L. Tolstoi là *Thời thơ ấu*, *Thời niên thiếu*, *Thời thanh xuân*. Bộ sách này bà đã gửi đến trang trại Jasnaja Poljana của L. Tolstoi với lời đề tặng: "Gửi bá tước L. N. Tolstoi với tấm lòng kính mến và lời chào thăm thiết tha của nữ dịch giả. Boston ngày 24/08/1886". Vào những năm 1888- 1890 bà đã dịch "Những chuyện kỳ Sevastopol", bản luận văn *"Bàn về cuộc đời"* và những tác phẩm chính luận khác của Tolstoi. Những bản dịch của Hapgood được đánh giá là có độ chính xác cao và đạt được tính biểu cảm của ngôn ngữ (bà cũng dịch cả văn

tôi. Chính tôi cũng nhận thấy rằng bà ta là một phụ nữ rất tuyệt vời, một trí thức ở trình độ cao nhất và rất khả ái. Qua các sách báo tiếng Anh, tôi cũng biết rằng bà ta được tôn vinh là một nữ dịch giả ưu tú chuyên giới thiệu các nhà văn Nga đương thời sang tiếng Anh. Song điều tuyệt vời nhất là bà ta đã dịch các tác phẩm của Ngài và Gogol. Tôi chẳng cần phải nói thêm rằng bà ta rất ngưỡng mộ bá tước Lev Tolstoi. Xin thế với Ngài như vậy. V. Stasov."

Lần đầu tiên Hapgood đến thăm Tolstoi vào ngày 25/11/1888 tại Moskva. Trong nhật ký của Tolstoi có nhắc tới thêm hai cuộc gặp nữa với dịch giả vào ngày 17 và ngày 18/12 năm đó.

Theo lời mời của nữ bá tước phu nhân Tolstaja Sofia Andreevna, Hapgood cùng với thân mẫu đã lưu lại tại trang trại Jasnaja Poljana trong mùa hè năm 1889.

Sau khi từ nước Nga trở về, Isabel Hapgood trở nên nổi tiếng ở Mỹ như một người gần gũi và người môi giới của Tolstoi. Nhiều người khác nhau đã nhờ bà chuyển tới nhà đại văn hào Nga mỗi thứ cảm và lòng biết ơn, còn các Tổng biên tập những tờ tạp chí thì muốn được Tolstoi gửi bài để đăng. Chẳng hạn Tổng biên tập tờ *The Independent* (Độc lập) thông qua Hapgood muốn nhờ Tolstoi viết cho một bài về vị tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ là Geogre Washington.

đối với thể chế xã hội hiện hành mà còn dẫn tới sự phủ định sạch trơn đối với những thành tựu của văn hóa văn minh nói chung và của văn học nghệ thuật nói riêng theo tinh thần hư vô chủ nghĩa.

Những năm tháng làm việc say mê và căng thẳng trước đây của nhà văn bỗng được thay thế bằng sự khước từ đối với hoạt động sáng tạo, bằng sự thất vọng đối với kết quả của nó. Mâu thuẫn trong thế giới quan của Tolstoi vào thời kỳ này đã bộc lộ rõ rệt nhất. Sự sáng tạo nghệ thuật mà ông từng dồn hết tâm sức và đặt ra những yêu cầu rất cao đối với bản thân mình giờ đây bị ông xem là thứ "trò đùa vớ vẩn", còn những sáng tác nghiêm túc của mình thì bị ông phủ nhận như là "kết quả của sự hao phí sức lực một cách vô ích" (!). Quan điểm đó của Tolstoi đã được Hapgood phản ánh qua buổi tiếp xúc đầu tiên của bà với nhà văn:

"- Tại sao ngài không tiếp tục viết nữa?"

- Một việc làm vô ích- Tolstoi đáp.

- Tại sao vậy?"

Cô quá nhiều sách và hiện nay cho dù sách có được viết ra đến mấy chăng nữa thì thế giới vẫn cứ y nguyên như vậy. Nếu như đức Chúa trời có đến đây và đưa bộ kinh Phúc Âm đi in thì các quý bà chỉ có nán nỉ xin chữ ký của Người, thế thôi."

TÂM HỒN ĐỒNG ĐIỀU

TRẦN ĐƯƠNG

NGÓT 35 năm trước, tôi được một cán bộ Vụ báo chí Bộ Ngoại giao Cộng hòa Dân chủ Đức dẫn đến thăm bà Giô-han-na, phu nhân của Cố Thủ tướng Ôt-tô Grô-thơ-vôn, tại nhà riêng ở Păng-cô. Giọng nói của bà rất dịu dàng. Ở tuổi 64, bà vẫn giữ được dáng vẻ nhanh nhẹn. Duy một chân bị đau, phải chống gậy, bà vẫn vui vẻ tiếp chúng tôi. Bà mời chúng tôi ngồi ở nơi mà trước kia ông bà vẫn cùng nhau ngồi nghỉ ngơi, trò chuyện, một nơi thoáng mát, hướng ra khu vườn rộng, cỏ mọc xanh rì. Những câu chuyện bà kể về mối quan hệ thân thiết của Bác Hồ với Thủ tướng Grô-thơ-vôn thật cảm động.

Mỗi chúng tôi ngồi uống nước cam do cô giúp việc mang tới, bà chậm rãi kể:

- Lần đầu tiên tôi được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tại điện Crem-li, nhân dịp Đại hội lần thứ XIX Đảng Cộng sản Liên Xô vào tháng 2-1952. Bấy giờ nhân dân Việt Nam đang tiến hành cuộc kháng chiến anh dũng chống thực dân Pháp. Tại Đại hội, Bác ngồi đối diện với Đoàn Đại biểu Đảng chúng tôi. Tôi không thể nào quên được gương mặt gầy, nhưng lúc nào cũng toát ra một nghị lực phi thường, một thái độ cương quyết của Người.

Hôm đầu tiên, đón Bác từ sân bay quốc tế vào trung tâm thành phố Béc-lin, đang ngồi cùng xe với Người, tôi cảm thấy như đang giữa một giấc mơ. Đồng chí Hồ Chí Minh vĩ đại, vị anh hùng của dân tộc Việt Nam, trong giờ phút này, đang ngồi cạnh chúng tôi đây...

Tôi nhận thấy, ngay phút đầu, Bác trò chuyện với nhà tôi rất cởi mở. Đúng là câu chuyện của một đôi bạn thân lâu ngày gặp lại nhau. Bác hỏi rất tỉ mỉ tình hình sức khỏe của Chủ tịch Vin-hem Pich và tỏ ý nóng

lòng được gặp lại người đồng chí thân yêu của mình. Cũng vì điều kiện sức khỏe không cho phép, Chủ tịch Vin-hem Pich không thể ra sân bay đón Bác Hồ, đã ủy nhiệm cho nhà tôi, trên cương vị đồng Chủ tịch Đảng, Thủ tướng Chính phủ và đồng chí Van-tơ Un-brích, Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng được thay mặt đi đón Bác.

Xe đi được một đoạn dài, tôi thưa với Người:

- Kính thưa đồng chí Chủ tịch, đồng chí làm thơ hay lắm! Nếu đồng chí cho phép, tôi xin đọc một hai bài thơ của đồng chí đã dịch ra tiếng Đức và đăng trên báo chí nước chúng tôi.

Bác gật đầu nhìn tôi và mỉm cười triu mến. Tôi liền đọc bài **Cảnh khuya** do Người viết năm 1947, tức là trước đây mười năm. Bác Hồ nói bằng giọng rất vui:

- Ô! Chỉ thuộc cả thơ tôi ư?

Sau đó, tôi còn đọc cho Bác nghe bài **Đôi nguyệt** và **Lên núi nữa**. Bác nhẹ nhàng nắm lấy tay tôi và nói với nhà tôi:

- Đồng chí Ôt-tô ạ, đồng chí có người vợ thật đáng quý!

Bà Giô-han-na dừng câu chuyện ở đó, uống một ngụm nước, lại nhìn tôi, kể tiếp với giọng trong trẻo:

- Trong thời gian ở thăm Cộng hòa Dân chủ Đức, Bác có mấy lần đến thăm chúng tôi tại nhà riêng. Và chúng tôi cũng thường đến thăm Người tại biệt thự đặc biệt dành cho các nguyên thủ quốc gia. Biệt thự ấy

không xa chỗ ở của chúng tôi bao nhiêu...

Trong những lần gặp nhau, Bác và nhà tôi nói chuyện rất thân tình. Tôi có cảm tưởng họ là hai con người có tâm hồn đồng điệu. Đó là hai nhà chính trị, mà cũng là hai nghệ sĩ. Bác là một nhà thơ lớn, cũng đã từng viết kịch và diễn kịch. Nhà tôi là một họa sĩ lại rất ham đọc kịch và nghe âm nhạc. Trong những năm tháng hoạt động bí mật, Ôt-tô đã từng kiếm sống bằng nghề vẽ. Anh ấy thường vẽ các thiệp mừng sinh nhật và mừng năm mới. Hiện nay, trong nhà vẫn giữ được nhiều bức tranh vẽ bằng màu nước...

Bác rất thích kiểu trang trí của gia đình tôi. Kiểu trang trí này hoàn toàn do nhà tôi dự thảo, xếp đặt, từ góc độ ánh sáng đến màu sắc. Bác khen kiểu trình bày trang nhã, gọn gàng, lịch sự. Người cũng thích cái bồn hoa và bãi cỏ bên thềm.

Bác và nhà tôi trao đổi rất nhiều về nghệ thuật. Ôt-tô mời Bác xem một số tranh do anh vẽ từ thời phát-xít. Trong bầu không khí anh em, nhà tôi kể cho Bác nghe quá trình hình thành chiếc huy hiệu Đảng xã hội chủ nghĩa Thống nhất Đức. Chính nhà tôi đã tự mình phác thảo chiếc huy hiệu đó... Nói chuyện về hội họa, nhà tôi tỏ ra rất ham mộ nghệ thuật sơn mài của Việt Nam.

Hai người còn nói nhiều về bảo tàng, về nghệ thuật sân khấu và nhất là về âm nhạc. Tôi còn nhớ, một buổi tối, khi Bác tới, nhà tôi mời Bác nghe một đĩa hát thu bản nhạc

giao hưởng số 9 của Bê-thô-ven sáng tác trong những năm 1822 - 1824. Sự xúc động lộ rõ trên gương mặt Bác. Trong giờ phút này, tôi nhìn thấy đôi mắt Bác mơ màng, tư lự, đúng là đôi mắt của nhà nghệ sĩ giàu cảm xúc. Nhìn gương mặt ấy, người ta có thể liên tưởng đến Lê-nin khi nghe bản nhạc **Áp-pa-xi-ô-na-ta** cũng của Bê-thô-ven. Khi bản nhạc vừa dứt, Bác thông thả nói:

- Quả là đúng như Bê-thô-ven có lần nói: *"Âm nhạc cần phải làm cho ngọn lửa từ trong tâm hồn bùng cháy"*.

Bác Hồ và vợ chồng tôi đã cùng nhau đi dạo trong vườn Bách thú Béc-lin cả buổi sáng ngày 31-7. Người cũng yêu cầu chúng tôi cùng đi thăm Béc-lin vào ban đêm. Người nói: *"Đồng chí Ôt-tô ơi, chúng ta đã thường thức nghệ thuật. Hôm nay, chúng ta cùng đi vào cuộc sống, tôi muốn được nhìn Béc-lin vào ban đêm!"*.

Cuộc đi thăm Béc-lin đêm ấy để lại nhiều kỷ niệm đẹp để trong lòng tôi. Sau này, vào tháng giêng năm 1959, tôi lại được đi theo nhà tôi sang thăm Việt Nam, trong chuyến nhà tôi dẫn đầu Đoàn đại biểu Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Đức đi thăm một số nước ở Bắc Phi, Trung Đông và châu Á.

Dịp ấy, Bác Hồ đón chúng tôi tại Phủ Chủ tịch. Bác và nhà tôi ôm hôn nhau thăm thiết. Người quay sang phía tôi và hỏi:

- Nữ đồng chí vẫn mạnh khỏe đấy chứ? Tôi cảm ơn Bác và bày tỏ lòng sung sướng được gặp lại Người trên đất nước Việt Nam. Bác cười:

- Thế là điều mong ước của chúng ta đã được thực hiện!■

NHÀ VĂN KHÔNG ĐỢI TÁC QUYỀN

PHẢI nói rằng ngay từ thời xa xưa, hai chữ "văn học", "văn chương" chưa bao giờ tự bản thân nuôi sống nổi người "làm" ra nó! Vậy thì, các nhà văn xoay sở thế nào để có thể tiếp tục cầm bút? *Theo chúng tôi được biết ở các nước phương Tây, ngoài tiền tác quyền nhà văn còn có nhiều khoản "thu" khác nữa, đôi khi là rất lớn, và chỉ có những người trong cuộc mới biết được. Những khu căn hộ dành riêng, những khoản kinh phí đặc biệt do nhà nước cấp, những giải thưởng có giá trị...*

Trại sáng tác

Đối với một tác giả viết sách, điều quan trọng có lẽ là được sống trong một nơi ở đẹp, có thiên nhiên trong lành và yên tĩnh, để họ có thể thả hồn mình vào các con chữ.

Tại Pháp, trong khuôn khổ triển khai các dự án nhà ở dành cho giới nghệ sĩ, Bộ Ngoại giao nước này đã cố gắng chu cấp cho hơn 650 tác giả văn học trong vòng 20 năm qua. Vậy, mỗi năm có khoảng 100 đơn vị nhà ở được "khoán" cho các nhà văn. Khoản hỗ trợ này bao gồm một khoản trợ cấp cư trú không đánh thuế trị giá 4.000 euro mỗi tháng (hoặc 6.000 euro cho hai tháng). Trong năm 2010 này, Lorette Nobécourt, François Jonquet, Elisabeth Barillé và Susie Morgenstern là những nhà văn Pháp được hưởng ưu đãi đó.

Khu làng văn học Marguerite Yourcenar tại Pháp mỗi năm đón tiếp khoảng 15 nhà văn đến ở trong vòng 1-2 tháng. Họ có được nơi ở, hai bữa ăn sáng và ăn tối, được chi trả các chuyến đi nghỉ, có thể mượn xe đạp hay xe hơi cho công việc cá nhân, và cuối cùng, họ nhận được một khoản trợ cấp hàng tháng là 1.800 euro. Tại Roma (Ý), Khu làng văn học Médicis là một cơ ngơi nổi tiếng, ngoài về bề ngoài trang lệ của một tòa lâu đài và là nơi cho phép các văn nghệ sĩ đến đây ở trong vòng tối đa một năm cùng với cả gia đình: vợ và con, tiền trợ cấp hàng tháng cho một "khách trọ" lên đến 3.200 euro. Còn tại Nhật, Khu làng văn học Kujoyama tại Kyoto là nơi các văn sĩ có thể đến ở trong vòng 4- 6 tháng trong một căn nhà tầng diện tích 64 m2 (có phòng đọc trang bị máy vi tính), họ còn có được các khoản chi phí cho đi lại, và một khoản trợ cấp hàng tháng là 2.600 euro. Song, đến ở tại đây, các văn sĩ phải tuân theo và thực hiện cho được một điều khoản bắt buộc và duy nhất, đó là phải viết được một quyển sách!

Giải thưởng cao

Hàng năm tại Pháp có khoảng trên 2.000 giải thưởng văn học khác nhau, trong đó khoảng 70 giải do Viện Hàn lâm Pháp trao. Trên hết, có thể kể đến giải thưởng mang tên Cino-del-Duca với trị giá 300.000 euro. Giải Alain-Duménil, được một doanh nhân người Pháp gốc Thụy Sĩ và là chủ Nhà xuất bản L'Herne thành lập năm 2007, có giá trị cũng đến 60.000 euro. Cuối cùng, còn có những giải thưởng bằng hiện vật có giá trị như giải Meursault với 100 chai rượu vang trắng hảo hạng! Hay độc đáo hơn là giải



Khu làng văn học Marguerite Yourcenar, một lâu đài, nơi "ẩn cư" của nhiều văn sĩ Pháp

thưởng văn học mang tên Chiếc lá vàng của thành phố Nancy: người đoạt giải sẽ ra về không với một tấm ngân phiếu mà với một chiếc lá cây được đúc bằng vàng!

Hỗ trợ dự án viết sách

Nhà nước Pháp cũng đang hỗ trợ tài chính cho hàng ngàn "đề án" viết văn lớn nhỏ ở đủ các thể loại, từ thơ ca, tiểu thuyết, truyện tranh, cho đến các kịch bản phim... Ví dụ như khoản hỗ trợ mang tên Cioran trị giá 12.000 euro (trước đây là 18.000) cho các nhà văn trẻ mới vào nghề giúp họ viết được một tác phẩm đầu tay.

Tuy nhiên, các nhà văn tự họ cũng phải biết cách "chạy" kinh phí một cách khéo léo. Trường hợp của nhà văn nữ Marie Billeloux có lẽ là trường hợp "kiệt xuất" duy nhất trong làng văn Pháp. Trong cuốn sách Người viết văn cho bạn vẫn là tôi... được xuất bản vào tháng 3-2010 tại Pháp, nữ văn sĩ này đã thẳng thắn kể lại cách mà cô đã xoay sở để có thể "sống với ngòi bút":

- 1974. Xin trợ cấp để sang sống tại Mỹ.
- 1975. Nhận được khoản hỗ trợ tài chính 2.000 franc/tháng trong vòng một năm từ Trung tâm Tư liệu sách Quốc gia Pháp (CNL) với đơn đề nghị được "viết một quyển tiểu thuyết hay".

- 1982. Nhận giải thưởng của Viện Hàn lâm Pháp trị giá 3.000 franc.

- 1984. Nhận được thêm một khoản hỗ trợ tài chính từ CNL trị giá 54.000 franc.

- 1996. Đề đơn "cầu cứu" vì nhu cầu phải trả nợ ngân hàng gấp, và CNL đã thuận chỉ cho cô 80.000 franc vào năm sau đó.

- 2003. Nhận một khoản "trợ cấp để sáng tác" lần thứ n (!) với trị giá 12.600 euro.

Dịch thuật

Có nhiều nhà văn sống rất khỏe nhờ chuyển ngữ các tác phẩm của người khác tuy hiện tượng này không có gì là

mới mẻ, khi biết rằng vào nửa đầu thế kỷ XX, nhà văn Pháp Boris Vian nhờ dịch các tác phẩm của Raymond Chandler (nhà văn Mỹ) mà đã kiếm được thu nhập nhiều hơn là từ các tác phẩm do chính ông viết ra. Nếu như đại đa số các dịch giả chuyên nghiệp chấp nhận các khoản nhận bút trả theo kiểu khoán trọn gói, khoảng từ 3.000-5.000 euro, các nhà văn nổi tiếng thường để nghị những mức tiền cao hơn nhiều và được chấp thuận. Và còn một điểm lợi nữa là tính uyển chuyển của thời gian làm việc. David Fauquemberg của Pháp là người dịch các tác phẩm của nhà văn Anh James Meek đã thổ lộ: "Mức khoán cơ bản là từ 21-23 euro/trang, tức từ 8.000-12.000 euro cho một quyển sách dày 400 trang. Nhưng điều quan trọng hơn là thời gian làm việc không gò bó. Đôi khi tôi được quyền dịch một tác phẩm văn học trong vòng một năm, và do đó tôi có thể tự sắp xếp công việc để vừa viết vừa dịch".

"Cây viết đàn em"

Một "chiều" khác là vài nhà văn trẻ và chưa nổi danh cho "thuê ngòi bút" của mình cho các bậc đàn anh, vốn đã được công chúng biết đến. Và khi đó, việc chia lợi nhuận sẽ tùy thuộc vào số lượng sách được bán ra và mức độ công việc tới đâu. Tính trung bình, người bán sẽ nhận được một số tiền ứng trước từ 4.000-5.000 euro và sau đó là tiền phần trăm tính trên doanh số bán, nhưng nhất định sẽ không vượt quá 2%, ngoại trừ đó là một "cây bút trẻ nhưng có năng lực".

Màn ảnh lớn và màn ảnh nhỏ

Truyền hình và điện ảnh luôn mang lại cho nhiều nhà văn những món lợi tuyệt vời. Họ sẽ ký được các hợp đồng chuyển thể tác phẩm văn học, viết tóm tắt chuyện phim, viết kịch bản phim, viết lời thoại. Những công việc này có thể mang lại cho họ từ 15.000-150.000 euro, tùy theo nguồn kinh phí đầu tư cho bộ phim đó. Thêm nữa là việc trình chiếu các bộ phim trên màn ảnh nhỏ. Một kênh truyền hình có lượng khán giả lớn sẽ trả tác quyền khoảng 150 euro/phút phát sóng, tức 13.500 euro cho một bộ phim truyền, và số tiền này sẽ được chia đều cho tất cả những ai có chân trong danh sách tác quyền.

"Đơn đặt hàng" đa dạng

Càng nổi tiếng, các nhà văn càng nhận được nhiều đề nghị cộng tác dưới nhiều hình thức khác nhau, như làm sách chuyên đề có minh họa hình ảnh, sách cho thiếu nhi, sách tư liệu lịch sử v.v.. Ví dụ như tiểu thuyết gia Erik Orsenna được đặt hàng viết về "cuộc đời" thành phố và vinh quang của máy bay Airbus A380 hay Alain Blottière được mời thực hiện một tác phẩm in cao cấp quảng cáo cho một thương hiệu bút viết. Nicolas Bouvier thì được Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đặt hàng làm tư liệu y khoa về các bệnh về mắt, nhưng đó là nhờ vào nghề tay trái của nhà văn này: ông còn là một chuyên gia về tư liệu hình ảnh! ■

NGUYỄN THẢO
Theo L'express.fr

LƯU THỊ BẠCH LIỄU

Cuối mùa chim ngói

Đừng để bị dẫn dụ bởi mùa vàng
Ởi những đôi mắt trong
Chiều nay từ đầu sà về đám mây hồng
Trong mây ngơ ngác nhìn
Lúa đang thì viên mãn
Cong mình đón cổ nhân
Đã ngập ngừng hơi sương
Gọi heo may làm bạn
Trăm trăm phía cuối đồng
Tiếng chú chim nào đang thử giọng...?

Đoản khúc Dalat

Dịu dàng sương Dalat
Thả ta bóng bến
Trời qua hoa. Trời qua thông
Trời qua hồ Xuân Hương một trời mây trắng
Những ngón tay tìm đến những ngón tay
Chỉ em biết không phải em run lên vì sương
Chỉ anh biết không phải anh run lên vì lạnh
Dịu dàng đêm Dalat
Thả ta vào cõi mơ
Hồ Xuân Hương nồng men rượu ngọt
Thử rượu cất bằng sương, hoa và trăng
Hương rượu bay lên ngọn thông tụ lại thành mây trắng
Ánh trăng đêm, sớm mai hoá tia nắng
Hôn dịu dàng từng nụ hoa.

Lời cuối

Đứng chân rất lâu ở cuộc đời
Giờ đến lúc tôi đã phải ra đi
Từng nhận rất nhiều và cũng cho không ít
Nền hành trang đâu phải đến đo gí
Tôi đã hưởng những ngày vui thoải thích
Đã rong chơi theo những giấc mộng dài
Đã đam mê đến vô tung lổn ngực
Đã bao lần chìm nổi kiếp con người
Tôi đã sống cả chuỗi dài hạnh phúc
Giữa buồn - vui - sướng - khổ đủ nỗi đời
Rượu từng cạn và đắng cay đã nhấp
Rũ khóc cười khép lại một cuộc chơi
Giờ đã lúc lên đường. Tôi cất bước
Chuyến viễn du chẳng thể hẹn điều gì
Xin hãy gắng nở nụ cười tươi nhất
Thay đoá hồng đưa tiễn tôi đi.

NGUYỄN THỊ HỒNG

Đừng như chuối chín mẹ ơi

Mẹ già như chuối chín cây...
(ca dao)

Heo may đã hết rải đồng
Gió mùa đông bắc chớm đông se trời
Môm mòm chuối chín mẹ tôi
Gió thì lạnh lắm con thời ở xa

Mùa này đông rạ quê ta
Nứt đồng nứt cả gòt hoa làm đồng
Rau vườn có đủ bữa không
Bòn rau nấu bát cua đồng mẹ ăn

Mãi đầu gọi tám mươi năm
Gánh đời gánh đá nặng oằn lưng ong
Bây giờ lưng mẹ đã cong
Cổ tay gầy cả nỗi lòng con xa

Cầu cho mưa thuận gió hòa
Lạnh thì lạnh ít mẹ già đỡ run
Con xin về với mẹ luôn
Đừng như chuối chín

Đợi con
Con về...

Liễu đợi

Người xa người
Giá bằng vô tận
Thời gian mãi đông

Bỗng xuân
Một ngày nắng ấm
Người bên người
Cây muốt xanh

Dịu dàng và êm ái
Không gian nhẹ như tơ
Nắng choàng vai đôi lứa
Mềm như âu yếm sau bao đợi chờ

Nắng xuân người đi dịu thắm
Như thời khắc ta bên nhau
Nước hồ người đi sâu thẳm
Như tình ta nồng và đau

Thời gian không gian biến biệt
Tình em như liễu bên hồ
Chôn chân chịu bao giá rét
Đợi xuân thời khắc một giờ

Đầu một giờ thời nắng hừng
Đủ tan giá rét một đời
Liễu cõi muốt xanh trở lại
Trong vòng tay ấm người đi



Thi nhân

Tặng S. Exenin

Cây phong trên đồi xanh
Đàn chim trên tầng xanh
Cây cầu trên nước xanh
Hoa vàng trên cỏ xanh

Tất cả đều bình yên

Mẹ già đợi bên ngõ
Em gái chờ bên thềm
Và cả người yêu nữa
Khàn bóng bến trước hiên

Tất cả đều bình yên

Cuộc đời không bình yên
Cuộc đời đầy bất trắc
Tìm thi nhân địa tỉnh
Phơi trần không che chắn

Và mặt ngọt đồng quê
Và gió độc cuộc đời
Chảy tràn vào mặc sức
Tìm thi nhân của tôi

Xót xa tôi nghĩ tới
Giấy phứt cuối đời ông
Giá mà ông che chắn
Một chút thôi tìm mình

Nhưng nếu ông che chắn
Đã không là thi nhân
"Xưa màu đầy trong miệng
Nay màu đầy trong hồn"

Thôi thấp một nền hương
Lên trời xanh ngút ngát
Nơi trái tim thi nhân
Phơi trần cùng năm tháng

*Thơ S. Exenin

HƯỚNG TỚI MỘT SỰ HỘI TỤ HUY HOÀNG

TRẦN CAO SƠN

THẾ kỷ XX khép lại hùng tráng trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước, không một thời đại nào sánh kịp. Nhưng, văn học hình như chưa được như vậy. Sự nở rộ về tác giả, tác phẩm, cả số lượng và chất lượng thì quá rõ; nhưng tác phẩm, tác giả khổng lồ thực sự xứng đáng với tầm vóc dân tộc và thời đại, và ngay cả so với cha ông trong những thế kỷ gần đây hình như vẫn còn lẫn quất đâu đó, chưa xuất hiện.

Câu hỏi vì sao? Tại đâu? Do ai? Chủ quan hay khách quan? Cá nhân hay xã hội?... vẫn là một ẩn số chưa có lời đáp thỏa đáng.

Văn học có trách nhiệm chính trị, gắn bó với chính trị, nhưng đồng thời văn học có đặc trưng, đặc thù với những quy luật vận động nội tại của riêng mình. Vì vậy, trong những hướng phát triển, chúng ta phải chú trọng đáp ứng nhiệm vụ chính trị trước mắt, vừa phải quan tâm đến giá trị đặc thù vĩnh cửu của văn học.

P. Drucker, người được mệnh danh là cha đẻ của nền quản lý kinh tế hiện đại, có câu nói nổi tiếng, đó là "Những hậu quả về vật chất mà một dân tộc phải gánh chịu, có thể còn khắc phục được, nhưng những hậu quả, thiệt hại về mặt trí tuệ thì không bao giờ; trí thức trở thành nguồn của cái vô giá". Văn học là trí tuệ, là trí thức, văn học là nguồn của cái lớn.

Giữa thế kỷ XX, người Mỹ trân trọng đón nhận sự đột phá mới lạ của huyền thoại nhạc POP Elvis Bressley đang quang sân khấu nghệ thuật nước Mỹ. Tiếp đó đến Micheal

Jackson. Người Mỹ đã tìm thấy trong cái mới lạ ấy triết lý của sự vươn tới, nguồn gốc của sự thịnh vượng đa chiều: văn hóa, kinh tế, chính trị.

Đối xử mạch lạc đối với quá khứ, hướng tới tương lai, rũ bỏ bức màn nghiêm cung ảo sử, mạnh dạn đoạn tuyệt khiếm khuyết không chút do dự, đang là thực tế sinh động diễn ra ở một số quốc gia láng giềng. Họ ý thức được rằng sai lầm là điều đáng sợ, không nên có. Nhưng sai mà không thừa nhận, không sửa còn đáng sợ hơn nhiều. Không thể cứ làm ngơ để tự nó chìm vào dĩ vãng là xong.

Biết bao cuốn tiểu thuyết, truyện ngắn, bút ký, hồi ký, hàng trăm bộ phim lịch sử, đã sử dụng với công chúng trong nước cũng như toàn thế giới rằng hàng chục năm qua. Họ phục hồi được lòng tin của nhân dân, tạo hành trang hướng tới những đích cụ thể. Họ đã thành công. Nhân dân Việt Nam cũng là một khán giả nhiệt tình, tích cực, theo dõi và chứng kiến những thay đổi của họ.

Tạo hành trang xã hội để hướng tới tương lai là một nguyên lý. Công khai sửa chữa những vướng mắc hiện hữu, giải ảo hiện thực, tiếp cận cội nguồn chân lý... không chỉ mang tính đạo lý thông thường, mà cao hơn, chính là sự tự làm mới bản thân sự vật, có được tính đạo lý thông thường, mà cao hơn, chính là sự tự làm mới bản thân sự vật, có được những mẫu số tương đồng với nhân loại phát triển. Thế kỷ XXI là bản lề của sự chuyển giao các quy luật trong vận hành xã hội với tốc độ mới, quy mô mới, đầy cơ may và thách thức: dân tộc và toàn cầu, bộ phận và tổng thể, các

nhân và xã hội... Họ nhận ra rằng một tinh thần xã hội khỏe mạnh trên lộ trình chung là yêu cầu bắt buộc.

Phải chăng đây cũng là những minh chứng để chúng ta tham khảo và có thể học tập được gì cho nhiệm vụ văn học của chúng ta?

Một đường lối chính trị do Đảng lãnh đạo, một quốc gia độc lập, tự do, một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thực sự là sức mạnh. Có lẽ cái cần nhất của chúng ta, từ sự đòi hỏi khách quan, cũng chính là tạo một hành trang gọn nhẹ, cơ động, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, đủ sức bước cùng nhân loại trên xa lộ phát triển. Chiến lược "Tạo khâu đột phá", "đi tắt đón đầu"; "thực hiện nhiệm vụ kép"; "xây dựng nền kinh tế tri thức"; "thu hút nhân tài" v.v... mà Đảng đề ra đã phản ánh đầy đủ yêu cầu của sự đổi mới sâu sắc và toàn diện này.

Mong muốn, mỗi nhà hoạt động chính trị, mỗi nhà quản lý, dù ở cương vị nào cũng có trong mình cốt cách một nhà văn, một nhà thơ, một tâm hồn nghệ sĩ, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương lớn.

Các văn nghệ sĩ cả trong nước và nước ngoài tất nhiên xứng đáng được đón nhận những gì mà dân tộc đang có. Hy vọng chúng ta có thể mở rộng phương thức hoạt động để các nhà văn Việt Nam đang tấp nập trên mọi nẻo địa cầu có cơ hội cùng hướng về hoạt động chung, nhân văn và sáng tạo; một sự hội tụ huy hoàng của nền văn học nước nhà. ■

NỖI NIỀM THÁNG THIẾU

Truyện ngắn của TÔ NHUẬN

Bà cụ mặc chiếc áo kếp bông đã bạc màu, lưng thủng bước về chiếc ghế cuối bến xe khách. Năm nay nhuận nên cái rét cũng muộn, từng cơn gió lạnh như châm kim vào da thịt thổi lên ràn rạt từ sông Hồng. Phía đông, mây xám chỉ nặng nề bao phủ bầu trời. Chỉ còn hai ngày nữa là đến tết nguyên đán, nghĩa là bà lại thêm một tuổi, cái già lại thêm... Tiếng nhạc hiệu từ chiếc loa công cộng bến xe văng lại, thế là đã sáu giờ chiều. Bà mong cho ngày trôi đi nhanh hơn. Cả ngày hôm nay làm bạn với bến xe này, cái bến xe tháng nào mà bà chả có mặt ở đây. Bà chẳng buồn thủng, bản mệt cũng chẳng phải hạng người lười biếng, vô công rồi nghề bỏ ra bến xe xin của bố thí. Bà chỉ thăm trách mình, thăm trách thời gian. Đến thời gian cũng phũ phàng, không công bằng chút nào. Cơn gió thổi mạnh, bà trùm khăn che tai rồi dúi người lại tựa vào thành chiếc ghế làm bằng xi măng đặt ở góc bến xe. Thường vào những dịp tết nguyên đán, người ta hay "ăn cơm mới, nói chuyện cũ", bà như nhớ lại tất cả...

Quê bà, một miền quê ngoại thành Hải Phòng, có con sông Giá lặng lẽ xanh. Làng bà tựa vào dãy núi Tràng Kênh. Bấy giờ người ta bóc núi lấy đá nung vôi, làm xi măng, lườn núi phơi ra trắng xóa loét lổ. Nhà bà trước đây cũng có cửa ải, cửa ế, nhà ngói, cây mít hần hoi. Chỉ hiếm nỗi ông ấy đi sớm khi bà đang mang thai thằng thứ hai. Bà nhớ như in cái đận ấy, máy bay Mỹ ném bom vào Hải Phòng, vào nhà máy xi măng, ông ấy hy sinh khi đang cùng đội tự vệ nhà máy chiến đấu... Một mình bụng mang dạ chửa, tay dắt thằng lớn bỏ nhào lên nhà máy tìm chồng. Ông ấy đi, thân thể không còn nguyên vẹn. Bà khóc, tiếng khóc của bà chỉ có dòng sông Cấm chồ theo cùng với âm thanh chát chúa của chiến tranh. Bà trở về quê nằm bẹp gì một chỗ có tới hàng tháng liền. Anh em nội, ngoại đến động viên an ủi, rồi bà cũng dậy được. Bà quyết gây dựng cho hai thằng con trai nên người...

Thằng lớn học hết lớp bảy rồi xung phong đi bộ đội. Khi trở về trên mình nó đầy thương tích. Bà đã lặn lội đến những nơi quen biết xin việc cho con đi làm. Cuối cùng nó cũng được nhận vào làm chân bảo vệ ở cảng. Rồi nó lấy vợ, đó là một cô tiểu thương buôn bán ở chợ Sắt. Bà nghĩ như thế cũng yên thân cho nó, có chỗ mà nhờ cậy. Còn thằng thứ hai, bà cố cho nó ăn học, vào đại học và được giữ lại ở Hà Nội, sau đó nó đi học nước ngoài... tiếng tăm đồn về làng là nó đã đậu đến "Ông Nghè, ông Cống" gì kia. Bà mừng thầm, hành diện với bà con chòm xóm. Nghĩ mà cũng mắt mặt cho vong linh ông ấy ở nơi chín suối...

Tưởng mọi việc thuận buồm xuôi gió, nào ngờ một hôm thằng thứ hai từ Hà Nội về, mang theo một cô "mắt xanh, mỏ đỏ" giới thiệu với bà, với xóm làng... Nhưng chao ôi, sao mà thách cưới ghê thế?! Thà ở nông thôn còn đơn giản hơn. Bà gọi thằng lớn về để bàn định công việc. Thằng lớn im lặng chưa nói gì, Thằng hai nói luôn:

- Mẹ và anh nhớ cho rằng: Muốn mở mày mở mặt với thiên hạ, thời buổi này cần có tiền. Gia đình người ta thách như thế để xem chúng ta có phải là quê mùa kệch cỡm, nhìn không xa khỏi bờ dâu nhà mình. Với lại cần phải có vốn đầu tư, làm ăn thì mới có lãi. Đầu tư vào buôn bán chức tước là một thì đầu tư vào buôn bán chức tước là mười, là hai mươi và nhiều vô kể... Muốn vậy phải tỏ ra mình là người phải đáng hoàng... Đành rằng ông bố vợ có tiền, có của, có địa vị xã hội, có thần thế trong giới cầm quyền... Nhưng con thì không muốn mang tiếng ở nhà vợ, khác gì câu ca "Trai ở nhà vợ như..."

- Thôi! Chú im đi! Tôi tưởng chú đi hết đây hết đó thì tâm nhin phải rộng hơn chứ! Thằng lớn phản đối.

- Kia, anh lại nóng tính với em. Em nói là thời buổi nó thế.

- Anh em chúng mày xem mà bàn định với nhau. Giao cho anh cả giải quyết mọi việc trong nhà, anh cả già cha mà!

Chúng nó ngồi im. Lúc sau thằng lớn lấy giọng rồi nói:

- Việc chú nói là "hợp mốt thời đại", nhưng hoàn cảnh nhà mình lấy đâu số tiền lớn như vậy mà đưa với thiên hạ?

- Anh chỉ biết suốt ngày chúi vào công việc, nếu không có bà chị dâu buôn bán ở chợ Sắt thì cái nghề thương binh của anh làm sao mà trụ được với xã hội đang chuyển động từng ngày đến chóng mặt? Anh chẳng hiểu thời cuộc đang biến chuyển...

Tuy là bực với câu nói của em, nhưng giọng thằng cả vẫn ôn tồn:

- Thì chú được đi nhiều biết nhiều, chứ cả thời trẻ của tôi ném vào rừng, đi đánh trận... Bấy giờ chữ nghĩa ít thì đi lao động chân tay kiếm sống. Được như thế cũng là may lắm rồi. Nhưng thôi, bây giờ tôi bàn thế này, ta bán toàn bộ cơ ngơi mà bố mẹ

gây dựng để chủ lo việc chủ. Nhớ rằng, còn tý mẹ già là phải trách nhiệm với cụ đấy!

- Anh cứ yên tâm! Cụ nuôi anh em mình khôn lớn, cho em được học hành... Chẳng nhẽ em lại thất hiếu với cụ sao? Sau khi mọi việc của em ổn thỏa, em sẽ đón cụ lên Hà Nội. Chứ để cụ ở quê vất vả cho cụ quá!...

- Mọi việc như thế coi như đã bàn định xong. Trước mắt mẹ lên Hải Phòng ở với con, trông thằng cu cho mẹ nó ngồi chợ, cho con đi làm. Nhà tuy chật chội nhưng ấm cúng mẹ ạ... Giọng thằng cả ôn tồn làm với đi nổi bức xúc trong bà.

Cơ ngơi bán đi dồn hết tiền cho thằng hai cộng thêm số tiền tiết kiệm thương binh của thằng cả. Bà lên Hải Phòng ở. Một năm, hai năm... chẳng thấy thằng hai về và cũng chẳng có tin tức gì của nó. Bà nóng ruột không biết cuộc sống của nó giữa nơi đô hội ra sao. Cô con dâu cả lúc đầu còn chịu đựng được, nhưng sau này giờ quê nói bà không ra gì. Bà như một thứ ăn bám trong nhà. Nhiều lần vắng mặt chồng, con dâu bà mắng và đuổi bà một cách thẳng thừng! Thế mới biết "chanh chua" ra chợ mà ngồi. Bà sợ vợ chồng nó đánh nhau nên không dám hở điều gì. Mọi uất ức bà cố nén nuốt ực nó vào trong lòng. Rồi cũng đến một ngày vợ chồng thằng cả to tiếng với nhau:

- Được, tôi sẽ đi Hà Nội tìm chú ấy!

- Đi mà xem chú ấy có dành cho viên ngói vỡ nào không? "Máu sư tử" của tôi nổi lên thì đừng có trách...

Hai ngày sau thằng cả lặn lội lên Hà Nội tìm thằng em. Hỏi thăm mãi cũng đến được nhà. Nhà nó kín cổng cao tường, nuôi con chó beagle to đến dễ sợ, khách khứa ra vào tấp nập... Trông nó đạo này mập ra, đáng bệ vệ, chắc là làm to đấy! Khách khứa ra về hết, một chiếc ô tô đến đợi sẵn ngoài cổng, nó xin lỗi phải đi họp gì đấy. Nó nói với thằng cả ở nhà chờ. Thằng cả hẹn nó tối quay lại, không dám ở nhà vì sợ con beagle... Đúng như hẹn, tối thằng cả quay lại, anh em trò chuyện với nhau. Xong chuyện, anh ra tàu hỏa về Hải Phòng ngay trong đêm.

Cuộc hội ngộ gia đình được tổ chức tại Hải Phòng vài ngày sau đó. Thằng em luôn miệng xin lỗi mẹ với anh chị là bận công việc không về được. Chị dâu nói mát, giọng đầy nghiến:

- Vâng, cụ với chúng tôi dưới này cũng biết là chú bận thăng quan tiến chức, bận vợ vét làm giàu. Ngay cả cơ ngơi của cụ, mấy đồng lương xương máu của ông anh, chủ cũng vét nhẵn... Cuốn được món bỏ "biến mất hút con mẹ hàng lươn". Tôi nói thẳng với chú thế này. Mẹ là mẹ chung, anh em bàn với nhau mà nuôi cụ. Hết!

Nói rồi chị mở cửa ra ngoài, lên xe đạp đến chợ. Cuối cùng anh em nó thỏa thuận với nhau. Mẹ chung nên mỗi anh nuôi mẹ một tháng. Cụ đi từ đâu thì nơi ấy lo tiền tàu xe cho cụ...

...Tối qua, cô con dâu "mắt xanh mỏ đỏ" đưa tiền lên tàu xe cho bà và nói:

- Mai là sang tháng khác rồi, bà về dưới Hải Phòng...

- Mới hai tám ngày. Bà ngắt lời.

- Vâng, tháng này có hai tám ngày! Với lại ngày kia là đến tết Nguyên đán, chúng con còn phải lo bao nhiêu là việc.

- Việc gì? Có năm tết nguyên đán tôi ở đây, anh chị chỉ lo mỗi một việc đón khách xếp hàng và nhận quà.

- Việc đó không phải của bà. Bà có biết mà im cái mồm không? Ngày mai về Hải Phòng. Hết tháng rồi.

Bà cứ băn khoăn mãi rằng tại sao tháng này ngắn thế? Bấm đốt ngón tay tính mới hai mươi tám ngày?

- Vâng! Tháng này có hai mươi tám ngày, mai đã là mừng một tháng ba rồi đấy! Không tin, bà bóc lịch treo tường mà xem, ai nói dối bà...

Sáng nay bà dậy sớm ra bến xe định đi Hải Phòng ngay, nhưng ái ngại quá, bởi mỗi tháng ba mươi ngày kia mà, nghĩa là hai ngày nữa mới đến lượt thằng cả nuôi, hai ngày nữa là đến tết nguyên đán. Người ta đã đi chợ tết sắm cảnh đào, cây quất chạy ngang qua trước mặt bà, bến xe sôi động, người chen chúc nhau về quê... Còn bà hết đi đi lại lại quanh quẩn ở cái bến xe này, cái bến xe thân quen mà tháng nào bà cũng có mặt... Những ý nghĩ cứ giày vò lòng bà, tại sao "ông trời" không chia đều mỗi tháng cho đủ ba mươi ngày, tại sao "ông trời" lại để ra cái tháng nhuận oái oăm để xuất nữa bà không biết đi đâu trong vòng một tháng, nếu thằng cả không kiên quyết với con vợ nó thì bà sẽ ra sao? Tại sao lại tháng dài, tháng ngắn? Tại sao lại năm dài năm ngắn? Nghĩ đến đây, nước mắt bà cứ giọt ngắn, giọt dài lăn trên má... Một cơn gió lạnh ào qua, bà co dúi người trong nỗi niềm tháng thiếu... ■



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

TÍNH NHẠC CỦA THƠ VÀ THƠ PHỔ NHẠC

LÊ THỊ BÍCH HỒNG

TÍẾNG nói trong thơ là tiếng nói đầy âm nhạc, tiếng nói có nhịp điệu - nhịp điệu của những âm thanh vật chất, của tiếng nói thực tế hòa với nhịp điệu cảm xúc bên trong tâm hồn nhà thơ. Nhà thơ Chế Lan Viên nhấn mạnh mối quan hệ giữa nội dung tư tưởng và nhạc điệu "Thơ đi giữa nhạc và ý". Vấn đề cần hài hòa, cân đối giữa nhạc và thơ, tránh khuynh hướng cực đoan ở cả hai phía, nếu không dễ rơi vào hai trạng thái hoặc quá khô khan, hoặc quá tràn trề cảm xúc, làm mất đi nội dung quan trọng. Từ nhạc bên ngoài cuộc sống có thể tìm đến nguồn gốc của nhạc bên trong. Không có nhạc bên ngoài, bài thơ thiếu đi sự hấp dẫn, nhưng nếu không có nhạc bên trong tâm hồn, bài thơ khó có thể sâu sắc, gợi được liên tưởng sâu sắc.

Mỗi dân tộc, mỗi một ngôn ngữ đều có cách hoà âm riêng. Trong ngôn ngữ, thơ có đặc điểm về tính nhạc, nhưng ngôn ngữ âm nhạc không phải là một bộ phận của ngôn ngữ thơ mà là một chỉnh thể tồn tại độc lập với nó.

Đặc điểm tiếng Việt giàu nguyên âm, phụ âm, thanh điệu. Ngôn ngữ thơ ca giàu nhịp điệu, phong phú về cách hoà âm, tiết tấu, từ vựng, tính tượng hình, chính là thứ ngôn ngữ có cơ cấu để làm chỗ dựa cho các phương pháp diễn đạt âm nhạc. Nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai cho rằng "Kỹ thuật thơ trước hết là kỹ thuật hài hoà về âm hưởng tiết tấu. Âm nhạc của bất kỳ một thứ tiếng nào cũng đều xây dựng với hai âm tố của ngôn ngữ phụ âm và nguyên âm". Mang đặc điểm đơn âm, độ dài âm tiết ngắn, tách rời, tiếng Việt có ưu thế tính nhạc so với các thứ tiếng có số lượng nguyên âm, phụ âm ít hơn và không thanh điệu. Một âm tiết tiếng Việt bao giờ cũng được biểu thị bằng một nốt nhạc, hoặc vài nốt nhạc luyến láy, làm cho ca từ "tròn vành rõ chữ" khi nhạc sĩ đặt lời.

Là tiếng nói tình cảm, phản ánh những cung bậc tình cảm của con người, âm nhạc tìm đến thơ như tìm đến người bạn tri âm, cùng phương thức thể hiện. Ca từ của ca khúc phải nhờ có sức gợi mở, lay thức thế giới nội tâm. Tiết nhịp của thơ có quy luật trọng âm (GS. Dương Viết Á). Đó là cách ngắt nhịp dồn ở thanh điệu tiếng cuối trong câu thơ. Ca khúc "Hành khúc ngày và đêm" (Phan Huỳnh Điểu) phổ từ bài thơ Ngày và đêm (Bùi Công Minh) đã tôn trọng quy luật trọng âm ấy, khi đọc thơ cũng như khi hát:

Anh đang mùa hành quân/Pháo lên dài/Chiến dịch/Bối bối/đêm xuất kích/Chờ nghe tiếng/pháo ran/Ngôi sao như mắt em/Trong những đêm/không ngủ/Giáo án/em vẫn mở/Cho ánh sao/bay vào/.

Theo cách đó, nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương nhờ độ cao thấp, nhịp nghỉ, ngắt, độ dài, ngắn của bài thơ "Vui thế hôm nay" (Tố Hữu) đã phổ nhạc thành ca khúc Tổ quốc tôi chưa đẹp thế bao giờ.

Một cách tự nhiên, thơ Hoàng Nhuận Cầm luôn tiềm ẩn một sóng nhạc uyển chuyển trong những vần thơ nhập trệ:

Chiếc nhạc trên cổ la rung rung/Đã sâu năm là bài hát của rừng/Có những con đường hoang dại lắm (Anh bộ đội và tiếng nhạc la); trong tình yêu Tình yêu đến trong đời không bao động/Trái tim anh chưa lỗi hẹn bao giờ/Viên xúc xắc mùa thu ru trong cổ (Xúc xắc mùa thu). Thơ vươn tới sự lạc quan, dường như sự khốc liệt giữa chiến trường không làm vướng bận âm thanh sự sống: Thần nhiên con gió chạy qua/Tiếng chim lách chách gần xa chuyện gì hoặc Mũi tai bèo khẽ nghiêng nghiêng/ Nghe lán lán những tiếng chim xuống hầm...

Thanh điệu là kết quả quá trình phát triển của tiếng Việt, là một yếu tố góp phần tạo nên ngữ điệu. Ngữ điệu trong ngữ pháp tự nó ở ngoài nội dung của từ, ở ngoài quan hệ của lời nói đối với hiện thực; là nói giọng cất cao hay xuống

không phải là cái tương ứng với độ cao của âm nhạc.

Cho đến nay, số lượng thơ được phổ nhạc nhiều nhất thuộc về thơ chống Mỹ. Thơ đã làm sống dậy những ca khúc ở chính thời điểm ấy, hoặc sau đó.

Đó là: Giải phóng miền Nam (Huỳnh Minh Siêng-bút danh Lưu Hữu Phước), Cùng hành quân giữa mùa xuân (Cầm La), Chiếc gậy Trường Sơn (Phạm Tuyên), Bước chân trên dãy Trường Sơn (Vũ Trọng Hối), Miền Nam nhớ mãi ơn Người (Lưu Cầu), Hồ Chí Minh đẹp nhất tên người (Trần Kiết Tường), Rừng xanh vang tiếng Ta lư (Phượng Nam), Tiếng đàn Ta lư (Huy Thục), Tiếng chày trên sóc Bom Bo (Xuân Hồng), Cô gái Sài Gòn đi tải đạn (Lư Nhất Vũ), Hát mãi khúc quân hành (Diệp Minh Tuấn), Chào em cô gái Lam Hồng (Ánh Dương),



Quang cảnh Ngày thơ Việt Nam

Ảnh: HOÀNG KIM ĐĂNG

thấp; là không gian và thời gian của sự sống. Cơ sở của ngữ điệu là sự xác định luân phiên của giọng cất cao lên và hạ thấp xuống, đem lại sắc thái tư tưởng của câu. Quy luật của thanh điệu phải tuân thủ nghiêm ngặt luật bằng trắc, niêm luật và đối thanh, đối ý. Các dấu huyền sắc, nặng, hỏi, ngã và không dấu đã cố định cao độ trong các từ tiếng Việt, thành những cung bậc nhất định. Thanh đóng góp vào việc tổ chức ngữ điệu thơ Việt Nam. Trong các từ nhịp, các thanh có sự luân phiên đối xứng nhau về âm điệu, đặc biệt ở những chữ cuối nhịp. Dựa trên ba cung bậc tiêu chuẩn của các thanh trong tiếng Việt, nhạc sĩ Lê Yên ghi thành ba nốt nhạc sau đây:

Âm khu cao/ Âm khu trung/ Âm khu thấp/ Sắc, ngã / Không dấu / Huyền, hỏi, nặng

Tuy nhiên, không phải mỗi thanh điệu sẽ ứng với một nốt nhạc nhất định. Chính vì không trùng nhau giữa nốt nhạc và thanh điệu, nên đã có hiện tượng giao thoa. Một thanh điệu có thể ứng với một, hoặc vài nốt nhạc. Ngược lại, một nốt nhạc cũng có thể ứng với một thanh điệu hay một vài thanh điệu khác nhau. Như vậy, độ cao (âm vực) của thanh điệu

Cô gái mở đường (Xuân Giao)... Cùng với những ca khúc ấy, thơ chống Mỹ đã được phổ nhạc trở thành những ca khúc đi cùng năm tháng và có sức sống lâu bền, vẫn ngân vang cho đến bây giờ.

Dựa trên lời thơ, bằng sự rung cảm nghệ thuật, các nhạc sĩ không ngừng sáng tạo làm nên sức sống cho âm nhạc. Điều dễ nhận thấy, các nhạc sĩ khá trung thành với nguyên bản, tên bài thơ đồng thời là tên ca khúc. Có thể kể đến: "Vàm Cỏ Đông" (thơ Hoài Vũ, nhạc Trương Quang Lục), "Ngọn đèn đứng gác" (thơ Chính Hữu, nhạc Hoàng Hiệp), "Đường ra mặt trận" (thơ Chính Hữu, nhạc Huy Du), "Tháng ba Tây Nguyên" (thơ Thân Như Thơ, nhạc Văn Thắng), Bước chân trên dải Trường Sơn (thơ Nguyễn Đăng Thục-Tào Mạt, nhạc Vũ Trọng Hối), "Lá đỏ" (thơ Nguyễn Đình Thi, nhạc Hoàng Hiệp), "Bóng cây kơ-nia" (thơ Ngọc Anh, nhạc Phan Huỳnh Điểu), "Hạt gạo làng ta" (thơ Trần Đăng Khoa, nhạc Trần Viết Bính), "Em bé Bảo Ninh" (thơ Nguyễn Văn Dinh, nhạc Trần Hữu Pháp), "Cô gái vót chông" (thơ Mỗlôyclavi, nhạc Hoàng Hiệp), "Cùng anh tiến quân trên đường dài" (thơ Xuân Sách, nhạc Huy Du), "Đất quê ta mênh mông" (thơ Dương Hương

Ly, nhạc Hoàng Hiệp), "Đêm hành quân nhớ Bác" (thơ Nguyễn Trung Thu, nhạc Huy Du), "Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây" (thơ Phạm Tiến Duật, nhạc Hoàng Hiệp)...

Nhạc sĩ thường bắt được cái hồn của thơ, không lấy nguyên mẫu từng câu từng chữ, mà chọn sử dụng những câu, những đoạn phù hợp với ý tưởng của mình. Có trường hợp nhạc sĩ lấy tứ thơ tiêu biểu làm sức sống cho cả ca khúc, như trường hợp "Tiếng đàn bầu" (Lữ Giang). Nhạc sĩ Nguyễn Đình Phúc chỉ lấy hai câu thơ tiêu biểu "Cung thanh là tiếng mẹ-Cung trầm là giọng cha" làm nền gia điệu da diết của Tiếng đàn bầu. Nhiều trường hợp, nhạc sĩ thay đổi trật tự kết cấu thơ, như "Dáng đứng Việt Nam" (thơ Lê Anh Xuân, nhạc Nguyễn Chí Vũ). Có trường hợp nhạc sĩ không chỉ chọn một bài, riêng một nhà thơ cho ca khúc của mình. Đường chúng ta đi - Ca khúc đoạt giải thưởng Hồ Chí Minh được nhạc sĩ Huy Du phổ nhạc vẫn vang lên hào hùng nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn của đất nước "Việt Nam! trên đường chúng ta đi. Nghe gió thổi đong xanh quê ta đó. Nghe sóng biển ầm vang xa tận tới chân trời. Nghe ầm lòng những khi đang dồn bước, mà vui sao ta chẳng nói nên lời..." lấy thơ Xuân Sách và Hoàng Trung Thông.

Nói về thơ phổ nhạc trong giai đoạn lịch sử hào hùng này, không thể không nhắc đến những bài thơ phổ nhạc trong phong trào đấu tranh chống Mỹ của sinh viên, học sinh ở các đô thị miền Nam. Nổi tiếng nhất có lẽ là bài "Bà mẹ Bàn Cờ" của nhạc sĩ Trần Long ấn (phổ thơ Nguyễn Kim Ngân). Xuất hiện cùng thời điểm (1970) là bài "Thư gửi mẹ, lòng ta hồng biển lửa" của Nguyễn Phú Yên (phổ thơ Võ Quê). Không phổ biến bằng, nhưng "Mai có Hòa bình" của Hải Hà (tức Bs Trương Thìn) phổ bài thơ cuối cùng của nhà thơ - liệt sĩ Ngô Kha, và "Mẹ vẫn chờ em" của nhạc sĩ Nguyễn Phú Yên (phổ thơ Tấn Hoài Dạ Vũ), với tiếng hát sôi nổi, truyền cảm của Vương Thị Trai đã tạo hiệu ứng nhất định trong phong trào sinh viên học sinh ở Huế những năm 1973-1974.

Nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu là nhạc sĩ có nhiều thành công trong việc "chắp cánh cho thơ". Nếu ở Trịnh Công Sơn "lời vượt nhạc", thì ở Phan Huỳnh Điểu "nhạc vượt thơ" (nhận xét của nhạc sĩ Phong Nhã). Ông đưa tình ca vào cả nhịp hành khúc, điển hình là Hành khúc ngày và đêm (thơ Bùi Công Minh) và Cuộc đời vẫn đẹp sao (thơ Dương Hương Ly) với tâm niệm "Hành khúc mà không lãng mạn thì ngàn chết".

Theo "quán tính" của thơ chống Mỹ, khá nhiều ca khúc sau năm 1975 như một khúc vĩ thanh những trải nghiệm, ngợi ca bằng âm hưởng sâu lắng, nhưng đã hé mở sự mất mát, hy sinh từ phía con người cá nhân. Đất nước, Nhân dân, trong đó người lính, người mẹ, nhất là người mẹ có con hy sinh vì Tổ quốc được khắc họa rất cảm động: Đất Nước Tôi (Phạm Minh, Tuấn), Đất nước (Tạ Hữu Yên), Máu hoa đỏ (thơ Nguyễn Đức Mậu, nhạc Thuận Yến), Huyền thoại Mẹ (Trịnh Công Sơn), Mẹ Việt Nam (An Thuyên)...

Bằng sự sáng tạo nghệ thuật, bằng quá trình hưng phấn và cảm xúc, nhạc sĩ đã hiện thực hoá thơ thành âm nhạc. Những bài thơ được phổ nhạc trở thành những ca khúc bất tử hào hùng của thời chống Mỹ, chiếm vị trí quan trọng, khích lệ, thôi thúc đồng bào, chiến sĩ trên mỗi chặng đường cách mạng và mãi mãi trường tồn cùng thời gian, cùng lịch sử. ■

THIÊN LIÊNG CƯỜNG VỰC NGHÌN NĂM

(Đọc "Phò mã Động Giáp" tiểu thuyết, Nguyễn Trường Thanh, NXB Thanh niên 2010)

ĐỖ LÂM HÀ

Tiểu thuyết lịch sử *Phò mã Động Giáp* kể về một gia đình người Tày, họ Giáp ở Lạng Châu vào thế kỷ thứ X, ba thế hệ cha, con, cháu làm phò mã vương triều Lý, được giao trọng trách cai quản, chấn hưng, bảo vệ biên cương đất nước.

Từ Đinh Tiên Hoàng, Lê Hoàn đến các đời vua Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông đều coi Việc tồn vong của quốc gia dân tộc là tối thượng (tr 17). Việc giữ vững cương vực, bảo vệ biên cương không lúc nào được lơ là là đại sự quốc gia được ưu tiên.

Vùng đất Lạng Châu thời đó trải dài từ Lạng Sơn đến tận Bắc Giang bây giờ có một đường động rất lớn của dân tộc Tày gọi là Động Giáp. Cư dân ở đây chủ yếu mang họ Giáp. Họ Giáp nổi đời làm tù trưởng đất này. Đây là trung tâm nối liền các châu chạy dọc biên giới Việt Trung do vậy vua Lê Hoàn và Lý Thái Tổ, Thái Tông, Thánh Tông rất quan

tâm đến Lạng Châu. Vua đã sai các nhà sư đắc đạo nổi tiếng nhất nước như sư Vạn Hạnh về đây mở mang dân trí,

truyền đạo Phật, xây chùa... mở đầu cho việc xây dựng căn cứ vành đai bảo vệ biên giới. Các Tù trưởng được đào tạo



THÀNH THỊ VÀ HÌNH ẢNH NGƯỜI TRÍ THỨC MỚI

KHÁNH PHƯƠNG

(Đọc "Quan Báo", tập bút ký, Ngọc Giao, Nhã Nam & Nxb Hội Nhà văn, 2010)

Nếu như các học giả "khai sáng" của dòng chảy quốc văn hồi đầu thế XX: Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Lê thần Trần Trọng Kim, Hoàng Ngọc Phách, Hồ Biểu Chánh, Á- Nam Trần Tuấn Khải... đồng thời là những nhà hoạt động xã hội, văn hoá, đã dựa trên vốn hiểu biết nhân văn về đời sống và con người Việt Nam, cộng với tư duy khoa học châu Âu được thừa hưởng, thông qua hoạt động ngôn luận công khai, truyền bá tri thức và "quốc ngữ", để gây dựng nên nền móng đầu tiên về tư tưởng và minh triết độc lập của xã hội Việt Nam thời cận - hiện đại, thì có thêm coi thế hệ nhà văn, nhà báo với những tên tuổi Vũ Đình Long, Vũ Trang Phụng, Lê Văn Trương, Lan Khai, J. Leiba, Nhất Linh - Khải Hưng, Thạch Lam, Ngọc Giao, Nguyễn Công Hoan... là thế hệ thứ hai nối tiếp, phát triển những thành quả quốc văn, đặc biệt khai thác quốc ngữ văn chương, phản ánh sự trưởng thành về tư tưởng cũng như tâm lý của xã hội, con người Việt Nam trong thời kỳ thuộc địa.

Ngọc Giao là một trường hợp đặc biệt, thừa hưởng lối miêu tả, nhận biết chân xác khoa học của ngôn ngữ Pháp mà ông thông thạo, với một quan niệm nhân văn bản năng, có kế thừa tinh thần của văn học lãng mạn Pháp, là người vẽ chân dung hiện thực xã hội, chân dung con người sinh động và khách quan.

Trong các trang viết của *Quan Báo*, và một số tập bút ký khác của Ngọc Giao, như *Hà Nội cũ nằm đây* (H., Nxb Phụ Nữ, 2010), hình ảnh thành thị thời thuộc Pháp đã trở thành một đối tượng miêu tả, một nhân vật chính yếu, chứ không đơn thuần là bối cảnh làm nền cho đời sống tinh thần của nhân vật. Ngọc Giao đã khắc hoạ một cách sống động những chuyển dịch quyết liệt của một tổ

chức đời sống khi nó chuyển hẳn sang dạng thức mới - dạng thức đô thị.

Hình ảnh lão đưa thư khắc khổ, đeo cái hòm da ketch xù trước ngực chở thư từ bằng chiếc xe nhà sơn đen cao ngất ngưỡng; rồi đến chiếc xe đạp rí rít, bánh cao su đặc lặn bánh khắp những đường phố tẻ chĩnh, sung túc có thể coi là một hình tượng mới mẻ, tiêu biểu và cực đoan của người công chức mẫn cán, tuân thủ, hình ảnh này vừa bao hàm sự an toàn, trật tự, ầm áp, vừa mang ý nghĩa của sự đè nén và sức nặng của một thể chế.

Nhân vật lão Năm - điển âm thám, mỗi một, thao thức, lang bạt ở Hà thành, xin được chân phu quét đường rồi gác đêm trong vườn Bách thảo, lão thương nhớ khôn nguôi đứa con gái bé bỏng đã cùng lão ra thành thị, đứa bé làm con sen rồi bỏ đi mất tích vì sợ đòn... không chỉ biểu hiện mối đồng cảm đối với kẻ đau thương, khốn cùng, mà còn phản ánh sự không được dung nạp, không thể thích ứng của con người nông thôn với đời sống thành thị.

Thành thị trong miêu tả của Ngọc Giao cũng là nơi giải phóng con người khai thành kiến, sự o ép và xuyên tạc đời sống, quan niệm tình dục, trả lại giá trị bình thường của nó như quy luật tự nhiên của duyên ái, duy trì nòi giống và niềm hoan lạc bản năng chính đáng.

Thành thị trong ý nghĩa hai mặt, vừa không dung nạp những biểu hiện của đời sống tự phát, hoang sơ, manh nha, vừa giải phóng những năng lượng tích cực: niềm vui, kỷ luật, tình dục... rõ ràng đem lại một bước trưởng thành về mặt tinh thần đối với con người.

Hình ảnh người trí thức mới trong ký và tạp văn của Ngọc Giao khác hẳn kiểu trí thức khoa bảng trong văn học thời Trung đại kéo dài tới tận cuối thế kỷ XIX, cũng rất ít nét tương đồng với nhân vật trí



thức được miêu tả theo lối phê phán hiện thực của các nhà văn cùng thời.

"Người trí thức mới" trong tác phẩm của ông là những thanh niên tràn đầy mộng đời non lập bề, muốn đem cho đời gương mặt mới của lễ phải, tiến bộ và tốt đẹp, và vì lý tưởng ấy, họ sẵn sàng chấp nhận lần lốc bốn ba nơi cuộc sống thành thị, mang bộ mặt xanh xao hốc hác, bộ áo cũ kỹ tối tăm, khi lang thang ở các hang cùng ngõ hẻm, ngó ngác tìm những ông bạn đồng nghiệp cũng có bộ mặt xanh xao sấu thảm ấy, làm nhà văn đã nổi danh từ ba bốn năm về trước, nhưng nay trời chẳng chiếu người, để nuôi nấng ước mơ một tờ báo mới nhất lạ nhất, giá trị nhất trong các tờ báo Đông Dương mà chỉ nay mai sẽ ra đời.

Họ cũng là con người với tình cảm tươi

văn võ song toàn, gây mối quan hệ quân thần thân tình gắn gũi nên chính vua Lý Thái Tổ đã gả công chúa Bảo Hòa cho con trai tù trưởng Giáp Thừa Phú là Giáp Thừa Quý và cho họ Giáp mang tên họ Thân từ năm 1012 tồn tại đến ngày nay. Tiếp đến năm 1029 vua Lý Thái Tông gả công chúa Bình Dương cho con trai tù trưởng Thân Thừa Quý là Thân Thiệu Thái. Năm 1066 vua Lý Thánh Tông gả công chúa Thiên Thành cho con trai tù trưởng Thân Thiệu Thái là Thân Cảnh Phúc.

Ba đời vua mở đầu vương triều Lý nối tiếp cho ba công chúa về làm dâu nhà họ Giáp (Thân) đã góp phần rất đặc lực trong việc giữ gìn cương vực nước nhà. Các bà đều là những người tài giỏi xứng đáng làm thấy thiên hạ. Ngoài bốn phận làm dâu, các công chúa còn là bậc tham mưu tài ba cho các tù trưởng để mở mang dân trí, xây dựng kinh tế, xây dựng quân lương, đoàn kết dân tộc và cũng là tai mắt của triều đình giám sát các tù trưởng thực thi chiếu chỉ của nhà vua, là tai mắt theo dõi tình hình địch bên kia biên giới, mở mang thương trường và ngoại giao với láng giềng. v.v.

Phò mã Động Giáp được cấu thành từ 210 nhân vật có danh tính, trong đó có 77 nhân vật là vua quan nhà Tống bên Tàu và nước Chiêm Thành, 133 nhân vật vua quan Đại Việt. Đặc biệt các nhân vật trong truyện có danh tính, kể cả chính, tà, cách đây một nghìn năm, được tái hiện từng nét khắc điển hình. ■

sáng trong trẻo, sẵn sàng hy sinh bản thân cho tình yêu trong trắng, hết lòng tin cậy vào tình lương thiện và không mang bất cứ thành kiến nào về chủng tộc, giai tầng xã hội. Nhân vật Hoài trong *Lucie*, nhân vật "tôi" trong *Một đêm trăng đỏ*, hay *Đời nó thế*, đã hoàn toàn tuân theo phần nộ của trái tim và bản năng yêu thương vốn có khi quyết liệt phản đối cái ác, sự nhảm tâm trong ứng xử giữa con người.

Họ cũng "yếu mềm" rất đối con người, thích hưởng thụ, vui chơi, thích danh vọng mà vì thế "tiền mất tật mang", nhưng lại sẵn sàng thức tỉnh trước điều chân thực, như trong *Tôi là thi sĩ*.

Dù không phải không nhuộm mùi cay đắng, không hồ nghi và tự giễu cợt những "giấc mộng lớn" của đám người cầm bút, nhà văn Ngọc Giao vẫn cho ta thấy rõ mối tương quan giữa tầng lớp của ông với những thành phần khác của xã hội: Đó là sự gánh đỡ những gánh nặng tinh thần, đạo đức, là một đêm tựa thực sự về triết lý nhân văn, là bộ óc mẫn tuệ của cuộc đời. Bản thân nhà văn, trí thức luôn đứng trước nguy cơ thất bại, đói nghèo, nhưng không lúc nào họ mất đi cơ hội đóng vai trò thích đáng của mình trong đời sống. Nhà văn chứng kiến, ghi lại, suy ngẫm và có tiếng nói riêng về những vấn đề quyền con người và quyền làm người.

Ngọc Giao miêu tả những góc ngách riêng tư, tưởng chừng vật vãnh nhưng lại "thốc mách" nhiều hơn cả vào đời sống tinh thần cốt tuỷ của giới văn sĩ, thi sĩ, nhà báo, nghệ sĩ lúc bấy giờ. Có lẽ chỉ có một điều mà lẽ ra ông cần phải phê phán gay gắt hơn nữa: Đó là sự mượn thừa cái uy của kẻ thống trị trong một xã hội còn hủ bại để tổng tiến chinh những người thân đối nghèo của mình, bịa tạc ra một thứ (quan, quan - làm - báo, "quan báo" chính là hình ảnh cười ra nước mắt của một xã hội thiếu dân chủ, còn tồn tại những bất công, đặc quyền về dân trí. ■

TẢN MẠN LỄ HỘI NGÀY XUÂN

NGUYỄN HIẾU

ĐIỀU gì thì chưa dám nói, nhưng đứng về mặt lễ hội dân gian, có lẽ Việt nam ta sẽ đứng đầu thế giới về số lượng. Cũng phải thôi. Một dân tộc hơn 4000 năm dựng nước và giữ nước, biết bao anh hùng, kì tích đã xuất hiện. Cũng trong khoảng thời gian ấy, để tồn tại, phát triển, nên văn minh lúa nước đã hình thành, với biết bao ông tổ nghề có công truyền, dạy cho trăm họ nuôi sống con người... Vì thế, lễ hội Việt Nam là dịp thể hiện rõ nhất sự tôn vinh đối với các anh hùng có công chống ngoại xâm, diệt trừ ác thú, giữu lòng cứu nhân độ thế, các vị có công di đường khi cốt Đại Việt, có công lập nghề và truyền nghề cho con cháu. Lễ hội được diễn ra là hành động chân chính của cộng đồng về tâm thành uống nước nhớ nguồn, tạo nên sợi dây truyền thống nối liền quá khứ và hiện đại. Đây cũng là sự chuẩn bị thông điệp cho tương lai trong dòng chảy của nòi giống. Không phải ngẫu nhiên, lễ và hội luôn luôn đi liền với nhau. Trong đó phần lễ là hệ thống hành vi, động tác tôn vinh hướng tới thần linh và các vị tiên nhân, phản ánh sự nhớ ơn, và cả ước mơ của con người. Còn phần hội là sinh hoạt văn hoá, tôn giáo, nghệ thuật bắt đầu từ nhu cầu của thực tiễn đời sống. Vì những mục đích cao cả, trong đó mang hoài vọng về sự sinh sôi, nảy nở cho cuộc sống con người, nên phần lớn lễ hội thường diễn ra vào hai mùa đẹp nhất trong năm là mùa xuân - mùa của sự sinh sôi vạn vật, cây trái và mùa thu - mùa của sự viên mãn cây cỏ, chúng sinh. Cá biệt cũng có lễ hội do đặc trưng của nguồn gốc sinh ra nên diễn ra vào mùa hè như hội làng Chèm - Hà Nội. Nhưng cũng như mọi hình thái sinh hoạt cộng đồng của con người, lễ hội ở nước ta cũng trải qua nhiều bước thăng trầm. Ở lớp người trên dưới 60 tuổi, chúng tôi đã từng chứng kiến có giai đoạn lễ hội bị bãi bỏ, vì bị khoát chiếc áo mê tín dị đoan - vào cuối những năm 50, đầu 60. Đình, chùa, miếu mạo... nơi diễn ra lễ hội bị xâm chiếm phá hoại. Đình Chèm làng tôi - được xếp vào hàng đình quốc tế - bị những kẻ giả danh chống mê tín thô bạo xâm phạm nghiêm trọng. Đối tượng ông voi, ông mã uy nghi bị tốp người quá khích giật đổ ném xuống sông... Đồ tế nhuyễn bị bán cho người đúc đồng, mần sáo cho đội văn



Hội Lim.

nghệ làng sử dụng. Sau thời kỳ đáng sợ đó, thì sự khó khăn trong giai đoạn bao cấp cũng làm cho lễ hội bị co lại, teo tóp. Mãi cho đến thời kỳ đất nước đổi mới, lễ hội dần dần được khôi phục và có những bước phát triển mạnh mẽ. Nguyên thủy tự ngàn xưa, đất nước ta có khoảng gần 500 lễ hội; nhưng đến nay, với sự bùng nổ trăm hoa đua nở, tính đến năm 2009, số lượng lễ hội đã lên đến con số 7966. Trong đó có 7039 lễ hội dân gian, như Hội Lim (Bắc Ninh), Hội Lồng tồng (dân tộc Tày, Nùng Tây Bắc)... Còn lại là 332 lễ hội lịch sử như Lễ hội An Dương Vương (Hà Nội), Lễ hội Lăng Ông (Trà Ôn, Vĩnh Long), Lễ hội đền Hùng (Phủ Thọ); 544 Lễ hội tôn giáo, như Hội Chùa Hương (Hà Nội), Hội Phủ Giầy (Nam Định)... Ngoài ra, còn một số các lễ hội mới phát sinh cùng với sự ra đời của không ít các công trình tôn giáo, được đầu tư xây dựng như Lễ hội chùa Bái Đỉnh. Đó là chưa tính đến khoảng trên dưới 10 lễ hội du nhập từ nước ngoài vào như Lễ Giáng sinh, Ngày Lễ Tình yêu... Điềm qua vài nét như thế, để thấy lễ hội Việt Nam đã mang lại không ít niềm vui, và nó thực sự đã gắn liền với đời sống của cộng đồng... Đó là sự thể hiện đức tin, lòng thành kính đối với tổ tiên và các bậc tiền nhân. Mọi tôn giáo dù biểu hiện khác nhau, nhưng đều có mục đích là hướng thiện. Tuy nhiên, sự tăng vọt lễ hội trong cơ chế kinh tế thị trường thời gian qua,

đã tạo ra sự hoài nghi về sự hướng thiện vô tư đó. Không ít nơi, lễ hội đã bị xếp vào loại các dự án. Những nhà quản lý vô thần đã biết tìm ra sự đam mê hướng thiện, quay về với tổ tiên, với cha ông, với thần linh của quần chúng nhân dân để lập ra những dự án được thực hiện bằng tiền ngân sách. Ngày xưa ở làng tôi, mỗi khi có lễ, tết, việc họ, đám ba nhà lại đánh đu con chó, con lợn làm cỗ. Nhà nào nhà nấy được chia phần thịt, phần xôi. Cụ già được môn nhắm ngon, tươi; con trẻ được cái bong bóng lợn thổi chơi. Còn ngày nay, người ta kiếm lợi kinh tế xung quanh lễ hội từ cấp quốc gia đến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đang có nguy cơ phát triển. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm gia tăng lễ hội trong thời gian qua. Mượn hơi tiền nhân, tổ tiên mà bỏ vào ngân sách làm dự án lễ hội thì dễ được ký nhận hơn. Còn trong các lễ hội hiện nay, chúng ta lại chạnh buồn, khi không ít người mượn cơ "ngày gặp mặt dòng họ, ngày dỗ cha, ngày hội làng, phải trang trọng, nhà cửa phải khang trang"; bất chấp đời sống đại đa số người dân còn thiếu thốn, nên kinh tế đang lạm phát, thiếu phát... người ta vẫn bày ra không biết bao nhiêu trò khánh tiết hoa hòe, hoa sói, cùng hàng loạt các công trình mang tên Lễ Hội? Các doanh nhân mượn cơ tài trợ, đã liêu lĩnh chen hoạt động thương mại vào những thủ tục tế lễ thần linh. Những kỉ lục chiếc bánh chưng, bánh

dầy độn xốp, những chai rượu, chai bia khổng lồ núp dưới hình thức lễ vật dâng lên Vua Hùng để quảng cáo cho thương hiệu, thật phản cảm và gây bức xúc cho hàng triệu người dân hướng về cội nguồn. Hàng trăm công trình mang danh Đại lễ được thi công đối trá theo lối "trả lễ Chúa mừng" gây lãng phí và tốn kém tiền bạc của nhân dân... Chợt nhớ ngày còn thơ bé, mỗi khi xuân về Tết đến, lũ trẻ chúng tôi muốn gì thì gì cũng theo mẹ xuống chùa, để xin lộc với tấm lòng bái vọng tổ tiên thành kính; nay đã ngoại lục tuần rồi, nhưng câu ca "Đứa nào chửi mẹ cãi cha. Chết xuống âm phủ qui tha mất đầu" vẫn nằm sâu trong tâm khảm. Còn bây giờ, không ít con người ngoài đời lửa thấy, phản bạn, bạo hành con trẻ, dùng mọi thủ đoạn độc ác để ăn cắp, ăn cướp của công, của người khác, bất hiếu với cha mẹ... Vậy mà vào cửa chùa, cửa đình lại cầu tài, cầu lộc, cầu hạnh phúc, cầu con cái ngoan ngoãn, học hành đỗ đạt... Những "con chiên" ghê, tin chủ ác độc đó thì cho dù có có mâm cao cỗ đầy đến đâu, cũng chẳng có thánh, Phật nào chứng giám, phù hộ. Tệ hơn nữa, những con người đó lại mang cả tâm địa đen tối của họ gán cho thánh thần, chúa phạt với một quan niệm đầy chất buồn bán "trần sao âm vậy". Lúc cha mẹ sống thì bỏ đói, khi cha mẹ khuất núi thì mâm cao cỗ đầy. Ăn ở gian manh độc ác, nhưng lại sấm sanh mâm lễ thật đầy, thật oai phong hồi lộ thánh thần phù hộ cho lối sống bạc ác của họ. Những chiếc ô tô đời mới, những biệt thự cao sang đầy đủ tiện nghi bằng hàng mã cùng những đồng tiền cổ nhét vào tận tay thánh thần trong ngày lễ hội như một hành vi hối lộ thần linh, mà họ từng hồi lộ các quan chức tham nhũng trong đời sống thực tại...

Tản mạn lễ hội ngày xuân... tôi không dám đưa ra một lời góp ý nào cho các cơ quan quản lý làm sao cho lễ hội của ta và người đi lễ hội xứng đáng với những gì chúng ta mong muốn; vì mọi hoạt động của xã hội có tốt đẹp hay không đều bắt đầu từ hệ thống quản lý. Còn với tư cách một nhà văn cao tuổi, tôi cứ ước ao: Lễ hội ngày nay sớm muộn sẽ trở lại trong trẻo như thời thơ ấu ngày xưa của thế hệ chúng tôi. Hồi các vị lòng thành trước thần linh, hãy nhớ một câu "trời ở đâu cũng có mắt". Ăn ở thế nào, thánh, phật sẽ phù hộ lộc, phúc đến đây. Sống độc ác, ích kỷ, tàn nhẫn thì dù mâm cao cỗ đầy bao nhiêu cũng sẽ không bao giờ được trời phật ân thưởng. Cái lễ cao quý của Lễ hội cũng chính là ở chỗ đó. Bởi nghĩ cho cùng - Lễ hội dân gian chính là một nét đẹp văn hoá của dân tộc; một nét đẹp của cuộc sống mỗi độ Tết đến, Xuân về! ■

CÙNG với muôn loài hoa, hoa cỏ nở rộ muôn màu sắc. Hoa cỏ cho ta một thú chơi dân dã đầy thơ mộng. Đường đi trăm nẻo, ở đâu cũng gặp hoa cỏ. Ngõ xóm, sân vườn đầy hoa nhọ nôi, chua me, cỏ bợ... bờ ao, bờ chuôm, bờ ruộng đầy hoa cỏ gà, cỏ may, mần hấu, mần tía. Bờ đê và trên các gò đồng còn thấy hoa ké vàng, hoa cúc áo v.v...

Ở các miền Trung du, Thượng du biết bao các loài hoa thơm, cỏ lạ mà chưa một ai thống kê hết được.

Với đức tính khiêm nhường nhiều người đã ví ví mình như một bông hoa cỏ bên đường... Có người tài năng hoặc có chút nhan sắc nhưng bị rơi vào quên lãng như những bông hoa cỏ thắm sắc nơi rừng sâu. Nhưng cũng có người không muốn phô hương, quyến sắc nơi chốn hoa đô thị mà chỉ muốn:

Thà làm bông hoa cỏ
Trăm lối ngõ xanh xang

(Thơ Lữ Giang)

Người sành chơi, chơi nhiều loài hoa quý hiếm như: Các loại địa lan, phong lan,

HOA CỎ

NHƯ MẠO

hồng xanh, hồng tím, huệ vàng, huệ đỏ, hồng mai, bạch mai v.v. ấy thế mà không thể thiếu được hoa cỏ.

Cỏ là một sinh vật trong thiên nhiên góp phần môi trường sinh thái trong cộng đồng cây xanh. Cỏ và hoa cỏ cũng là tiểu cảnh trong tổng thể kiến trúc sinh vật cảnh, nên cỏ nói chung và hoa cỏ nói riêng là những nét độc đáo trong thú chơi cây và hoa của "làng chơi". Chính vì vậy, cỏ luôn được tồn tại với người đời.

Trăm nghìn loài hoa khác thường với muôn màu hoa của cỏ thắm đậm. Có màu sắc dịu dàng như chua me, cồng cồng. Thuỷ chung như trinh nữ, bèo sen. Tao nhã như cỏ lông, cỏ mỡ. Cháy nắng như ké vàng. Huy hoàng như bông lan.

Riêng màu sắc hoa trinh nữ đã đi vào

thi ca của nhiều thế hệ. "Trinh nữ cái tên con gái ấy cũng đồng nghĩa với cái tên "xấu hổ" một màu hoa tím thủy chung.

Hoa cỏ không chỉ dân dã thích hợp với tuổi học trò mà nó còn thanh tao, man mát với người già. Có khi còn gợi lại một dĩ vãng đã đi vào lịch sử như hình ảnh Đình Bộ Lĩnh lấy bóng lau làm cờ.

Một vài bóng thủy trúc cắm vào chiếc lọ đa chu, hoặc chiếc hũ hân bày trên chiếc kỷ gỗ gụ trông thật đầm ấm, bắt mắt. Bông bèo sen tím trắng cắm vào chiếc lọ pha lê cũng lên thơ như bao loài hoa khác.

Ngày nay, nhiều người chơi hoa cỏ khô do nghệ nhân làm để mộc hoặc nhuộm màu. Bình đựng bằng những chiếc giỏ mây tre đan, hoặc tạo thành các gốc cây giả.

Hoa cỏ khô có đặc trưng riêng, màu sắc nền nã, uyển chuyển. Một số loại cũng đầy sức sống không kém gì hoa tươi. Hoa "bất tử", hoa "xin đừng quên tôi" vào loài hoa khác của Đà Lạt cho ta thấy hoa cỏ khô cũng rất quyến rũ.

Người chơi hoa cỏ khô ngẫm nghĩ thấy cũng lạ như bao chuyện không may mà lại may, quen mà lại lạ, lạ mà như quen. Chơi hoa tươi mãi cũng chán mất, chơi hoa cỏ thì thật là mơ mộng, nhưng đằng này lại là hoa cỏ khô thì quả thật là mộng mơ hơn không ai hết. Cỏ có quanh mình, hoa cỏ lại muốn về, muôn màu sắc, nhưng mấy ai đã rung động trước đó? Mấy ai đã tìm đến với hoa cỏ và hoa cỏ khô? Để tận hưởng cái muôn vẻ trong thiên nhiên.

Không phải ngẫu nhiên khi qua Đèo Ngang bà Huyện Thanh Quan đã thị húng:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá là chen hoa...

Cỏ cây tươi vui là thế. Chúng ta chào đón những đứa con muôn màu sắc của cỏ ra đời. ■



NGƯỜI TÌM “LỬA” CHO CA KỊCH HUẾ

BÌNH NHÌ

Nghệ thuật là một khái niệm mà ở đó, luôn có những điểm nhấn trầm, bóng dẫn đến sự thành công của người nghệ sĩ. Nhưng đôi lúc, đó cũng là sự đa đoan khi “trót mang nghiệp diễn vào thân”. Tuy vậy, suy cho cùng, mỗi một con người khi đã dấn thân vào nghệ thuật, thì ánh đèn sân khấu cũng là lẽ sống của cuộc đời với đầy đủ những khắc khoải, hạnh phúc, đau buồn...

KHÔNG nằm ngoài qui luật đó, đạo diễn - NSUT Ngọc Bình, Giám đốc Nhà hát Nghệ thuật Ca kịch Huế, một trong số ít các nghệ sĩ Việt Nam thể hiện thành công hình tượng Bác Hồ trên sân diễn sân khấu chuyên nghiệp; người cũng đã không ít lần hóa thân vào nhân vật để bóc tách cuộc đời mình với khán giả. Không quan tâm mình có phải là người đàn ông nổi tiếng trên mảnh đất cố đô Huế hay không, anh chỉ biết, đã hơn nửa đời người miệt mài đi tìm “lửa” để thổi hồn cho từng nhân vật của sân khấu Ca kịch Huế, loại hình nghệ thuật mà nhiều thế hệ trong gia đình anh đã trót đam mê. Sinh ra trong một gia đình có truyền thống làm nghệ thuật, người dẫn dắt anh nối nghiệp không ai khác chính là mẹ anh - nghệ sĩ Kim Oanh, và bố anh - NSUT Nguyễn Ngọc Yến. Đây là hai gương mặt nổi tiếng một thời ở Đoàn nghệ thuật Bình Trị Thiên cũ; có lẽ vì vậy mà cuộc đời đã dành sẵn cho anh một chỗ đứng dưới ánh đèn sân khấu như một định mệnh. Đến hôm nay, Ngọc Bình, vừa qua tuổi “ngũ thập trí thiên mệnh”, đã kịp dàn dựng trên 100 tác phẩm, trong đó có nhiều vở tham dự các hội diễn sân khấu toàn quốc.

Năm 1972, mới 14 tuổi, Ngọc Bình được tuyển vào Đoàn nghệ thuật Trị Thiên Trung ương, dù chưa được đào tạo qua một trường chính quy nào, nhưng với lối giảng dạy nghệ thuật truyền khẩu của cha mẹ và những nghệ sĩ cùng đoàn, cộng với năng khiếu bẩm sinh và sự chịu khó, Ngọc Bình đã tiến bộ nhanh chóng. Năm 1973, anh chính thức có vai diễn đầu tiên (Châu Tuấn trong vở *Thoại Khanh*



Hình tượng Bác Hồ qua diễn xuất của NSUT Ngọc Bình

Châu Tuấn), đã để lại ấn tượng tốt đẹp với khán giả nhờ vào tài năng diễn xuất giàu tính sáng tạo, tự tin và giọng hát trầm ấm. Năm 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất, anh theo bố mẹ trở về Huế. Như một sự thử thách, năm 1978, anh lên đường làm nhiệm vụ của người trai trẻ, hai năm đi bộ đội khiến anh nhớ ánh đèn sân khấu da diết. Ngọc Bình tâm sự: thời gian hai năm đã khiến anh hiểu ra một điều: anh và sân khấu khó có thể tách làm hai được... Năm 1989, sau khi Bình Trị Thiên tách tỉnh, anh được lãnh đạo điều trở lại Đoàn Nghệ thuật ca kịch Huế với cương vị Phó đoàn - phụ trách chuyên môn. Nhưng có lẽ để khẳng định vị trí của một đạo diễn sân khấu chuyên nghiệp chắc tay, Ngọc Bình đã theo học và tốt nghiệp đạo diễn, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội năm 1995. Anh được đề bạt làm Trưởng đoàn và sau này, khi đoàn nghệ thuật Ca kịch Huế được nâng cấp thành Nhà hát, anh được cử làm Giám đốc, tất cả như một qui luật “có hậu” trong vòng xoay của tạo hóa. Làm diễn viên rồi làm

đạo diễn, nhưng thật sự Ngọc Bình đã bắt đầu dàn dựng các vở diễn từ năm 1984, khi vẫn còn là diễn viên, và vở diễn đầu tay được anh dàn dựng là *Ngọn lửa tình yêu*. Anh nói, những ngày làm diễn viên đã cho anh nhiều vốn sống, và chính vốn sống này đã được anh gán cho từng nhân vật của các tác phẩm do anh dàn dựng.

Viết về Ngọc Bình là viết về những thành công của các vai diễn như Đê - mi - lóp trong vở *Mảnh đất đời người*, Châu Tuấn trong vở *Thoại Khanh* - *Châu Tuấn*. Hay hai nhân vật đã mang lại cho anh hai Huy chương Vàng trong hội diễn là Lũng (vở *Người đẹp tuổi tiên*) và Đức (vở *Lời trăng trối*). Thân phận mỗi nhân vật đều có một số phận khác nhau, nhưng cái “tôi” của nhân vật thì không lẫn vào đâu được. Đặc biệt năm 2000, nhân kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Ngọc Bình thể hiện hình tượng Bác Hồ trong vở diễn *Ca múa nhạc sử thi*, đã để lại ấn tượng sâu sắc trong khán giả nhiều vùng miền từ Cà Mau, Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, Nghệ An... Chính sự thể hiện xuất sắc này, thêm một lần nữa tái hiện trong vở *Hương sen đất Việt*, và NSUT Ngọc Bình đã vinh dự được trao giải B - Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Cố đô Huế lần thứ 3 (năm 2004).

Đã 38 năm làm nghệ thuật, đến hôm nay, đạo diễn - NSUT Ngọc Bình đã thổi vào nghệ thuật Ca kịch Huế một sắc thái mới mang đầy đủ âm hưởng của thời đại. Anh nói, tôi muốn phát triển văn hóa truyền thống tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, chứ tôi không dựa vào tiền tiền để lai căng, bóp méo... hay không dựa vào “đậm đà” để làm cho nó quá “đậm đặc” dẫn đến sự bảo thủ... Làm diễn viên hay làm đạo diễn, ở vị trí nào Ngọc Bình cũng cho người xem thấy được cái đẹp của nghệ thuật được xây dựng lên từ những ý tưởng sân khấu mang đầy “chất lửa” của nhân vật. Niềm hạnh phúc đã đi kèm với anh trong những vở do chính anh làm đạo diễn như *Hàn Mạc Tử* (Huy chương Vàng, Liên hoan Sân khấu toàn quốc năm 1996); *Điều không thể mất* (Huy chương Vàng, Liên hoan Sân khấu Bắc miền Trung 2001); *Vũ cat* (Giải B, Liên hoan sân khấu miền Trung và Tây Nguyên 2004); vở *Hồ Chí Minh - Hồi ức màu đỏ* (Giải Đặc biệt xuất sắc do Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch trao tặng; Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam tặng Giải Đặc biệt trong Hội diễn Sân khấu Tuổi trẻ và Dân ca kịch toàn quốc tại Đà Nẵng năm 2010). Ngoài ra, hình tượng Bác Hồ trong vở diễn do anh thể hiện cũng đã mang về cho anh tấm Huy chương Vàng danh giá.■

ĐẸP MÃI NHỮNG ÂM VANG

VÔ QUÊ

Nhạc sĩ Tôn Thất Lập (bút danh Trần Nhật Nam, Lê Nguyên Sinh) sinh ngày 25/12/1942 tại Huế. Anh đã sáng tác và hát trong những cuộc xuống đường, hát trong tù, hát trong “Những đêm không ngủ” tại Sài Gòn, Huế, Đà Lạt, Cần Thơ, Phan Thiết, tại Pháp, Canada, Bỉ... trong những năm chống Mỹ. Hiện nay, anh là Ủy viên BCH Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Phó Tổng thư ký Hội Âm nhạc TPHCM, Giám đốc Trung tâm Âm nhạc Truyền thống tại TP HCM. Qua trên 40 năm hoạt động của một nhạc sĩ - chiến sĩ, Tôn Thất Lập đã được sự yêu mến của đồng nghiệp và rất đông đảo công chúng yêu thích âm nhạc, nhất là trong nhiều thế hệ trẻ.

TỪ những năm 60, tại Huế, nhiều người am hiểu âm nhạc đã biết và thuộc lòng những bản tình ca của Tôn Thất Lập như *Những con đường nhỏ*, *Tiếng hát về khuya*, cùng một số ca khúc khác trong tập “Phổ Ca”. Với chủ đề tình yêu, về thân phận con người đan xen giữa khổ đau hạnh phúc, những tình khúc của anh trong giai đoạn này đã mang đến cho công chúng sự đồng cảm chân thành, sâu sắc và được phổ biến sâu rộng trong đông đảo thanh niên, sinh viên học sinh Huế.

Cuối những năm 60 của thế kỷ XX, đời sống, bộ mặt đô thị miền Nam hoàn toàn bị xáo trộn, thay đổi, khi có sự hiện diện của đội quân xâm lược Mỹ cùng với dòng văn hóa lai căng, đồi trụy đã khiến người có ý thức dân tộc cảm thấy bị xúc phạm và vô cùng phẫn nộ. Với cương vị Trưởng đoàn Văn nghệ Sinh viên Học sinh Sài Gòn được thành lập từ ngày 15/5/1965; Chủ tịch Hội

sinh viên sáng tác, Tổng hội sinh viên Sài Gòn; nhạc sĩ Tôn Thất Lập đã cùng các “nhạc sĩ sinh viên” Trương Quốc Khánh, Trần Long Ẩn, Nguyễn Văn Sanh, La Hữu Vang, Nguyễn Xuân Tân, Nguyễn Tuấn Kiệt, Nguyễn Nam, Nguyễn Phú Yên, Trần Nhật Nam... thực hiện phong trào *Hát cho Đồng bào tôi nghe* (HCĐBTN); đã góp phần làm vũ khí đấu tranh hữu hiệu để chống lại các khuynh hướng văn nghệ phi dân tộc, phản động lúc bấy giờ, hiệp đồng với mặt trận đấu tranh đô thị qua các cuộc hội thảo, xuống đường, những đêm không ngủ, các chiến dịch đốt xe Mỹ... Tiêu biểu, và để lại nhiều ấn tượng là hoạt động văn nghệ trong Hội Tết Quang Trung Sài Gòn (1967); Đêm nhạc Tôn Thất Lập do Tạp chí Đất Mới của sinh viên Luật khoa Sài Gòn tổ chức ở Đại học Dược khoa Sài Gòn (1967), tại Đại học Khoa học Huế (1968); Đêm thơ nhạc ở Đại học Sư Phạm Huế vào tháng (1967); Đêm Hội thảo của Sinh viên Sài Gòn ngày (1968). Và chính trong Đêm Văn nghệ vì Hòa bình tổ chức tại trường Đại học Nông Lâm Sài Gòn (27/12/1969) đã chính thức ra mắt tên gọi HCĐBTN, khẳng định rõ nét nhất tính chiến đấu của phong trào văn nghệ sinh viên học sinh. Phong trào HCĐBTN đã phát triển và lan tỏa ra đến Huế, Đà Nẵng, rồi Cần Thơ, An Giang, Quy Nhơn, Đà Lạt, Phan Thiết... Tiếng hát tranh đấu tiếp tục vang lên tại giảng đường Đại học Sư phạm, Đại học Khoa học Huế (1970), tại Hội quán Thanh niên Phan Thiết (1972) và còn cất cánh bay xa hơn, vượt bờ cõi Việt Nam; khơi dậy lòng yêu nước của những người con đất Việt lữ cuốn thanh niên trí thức tiến bộ thế giới ở Pháp, Tây

Đức, Canada, Nhật, Bỉ, Úc, Tân Tây Lan, Thụy Sĩ... và ngay cả trên đất Mỹ. Mireille Garnel (Pháp) đã nói về sức mạnh của tiếng hát đấu tranh: “Vừa mới viết ra, vừa mới xuống lên nó đã được truyền đi từ miệng người này đến miệng người khác. Nó nảy nở giữa giọng kìm siết chặt, nơi mà mỗi cử chỉ, mỗi lời nói là một vấn đề sống chết. Những lời hát cất lên giữa những dùi cui, đàn áp, lập lại giữa những chiếc xe bọc thép, rồi vang lên ở góc phố, nơi mà những anh sinh viên bị đuổi bắt. Nó đã đánh thức lương tâm của tuổi trẻ và lòng nhiệt thành của họ. Tất cả cơ đồ của “lối sống Mỹ” đã bất lực, không thể bóp nghẹt tiếng nói của một thế hệ trẻ sinh ra dưới những trận bom và chưa bao giờ họ được biết gương mặt của Hòa Bình” (Le Monde, 11/ 2/1972)

Với phong trào HCĐBTN, Tôn Thất Lập được xem là một cánh chim đầu đàn với những ca khúc đầy tình tự dân tộc, hào khí như *Hát cho dân tôi nghe*, *Hát trong tù*, *Đồng lúa reo*, *Xuống đường*, *Người đi người*, *Tiếng gọi sinh viên*... Từ sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất, nguồn sáng tạo nghệ thuật của nhạc sĩ Tôn Thất Lập vẫn liên tục, không ngưng nghỉ. Ngoài các công tác đang đảm nhiệm, anh đã dành nhiều thời gian cho sáng tác ca khúc. Những chuyến đi diễn dã, thâm nhập thực tế ở các điểm nóng công trường, nông trường đang sôi động một không khí tái thiết quê hương sau chiến tranh của mọi tầng lớp nhân dân, trong đó có tuổi trẻ Việt Nam; đã mang lại cho anh nhiều cảm xúc mới đầy nhiệt thành về cuộc sống. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm Ngày giải phóng Thừa Thiên Huế (26/3/2005), Tôn Thất Lập đã trở lại quê



Nhạc sĩ Tôn Thất Lập

nhà và hát trước công chúng Huế. Đây cũng là dịp để anh cùng với bạn bè hồi tưởng, phóng tâm về một thời Huế xưa đầy ắp kỷ niệm thanh xuân với *Những con đường nhỏ*, với đĩa hát *Tiếng hát về khuya*, trong quán cơm sinh viên ở đường Lê Đình Dương; với những đêm không ngủ bằng *Tiếng ca giữ nước*...

Công chúng yêu âm nhạc trong và ngoài nước đã rất mến mộ các công trình, tuyển tập ca khúc được xuất bản của nhạc sĩ Tôn Thất Lập từ trước đến nay như *Phổ ca*, *Hát cho dân tôi nghe*, *Hát lời chiêm bao*, *Tình ca Mùa xuân*, *Tuyển tập Tôn Thất Lập*. Các Album nhạc *Nụ hôn*, *Tình ca Mùa xuân*, *Tình yêu mãi mãi*; bên cạnh các công trình nhạc múa, nhạc phim... Qua những sản phẩm tinh thần của anh, chúng ta cảm nhận được sự sung mãn, năng lực sáng tạo âm nhạc của một Tôn Thất Lập vừa lãng mạn, trữ tình, hào hoa, vừa sôi nổi, mãnh liệt, giàu dũng khí chiến đấu. Đặc biệt năm 1974, khi Tôn Thất Lập sang Pháp hoạt động trong chương trình “Những đêm không ngủ”; một số ca khúc của anh đã được tuyển in trong tập *Những cánh chim từ vùng lửa đỏ* xuất bản tại Paris, đánh dấu một sức sống bền bỉ trên mặt trận văn nghệ đấu tranh cách mạng miền Nam, kêu gọi được lòng yêu nước, tinh thần dân tộc và đã có những cống hiến xứng đáng cho nền âm nhạc đương đại của Việt Nam.■

(Tiếp theo trang 1)

Thống rước ngoại xâm vào giày xéo núi sông. Éo le thay Người lại là con rể nhà Lê. Nếu thiếp trợ như gỗ đá trước việc con rể xoá cơ nghiệp của bố vợ thì thiếp là loại người nào, có còn xứng là kẻ để Người ban ân tứ nữa không? Còn với vua Thái Đức, đúng là nỗi khổ tâm của Người. Nhưng thời thế đặt Người vào nghịch cảnh. Nếu vượt qua, Bắc Bình Vương xứng là Hoàng đế. Ngược lại, Bắc Bình Vương mãi mãi là thủ tùc của người ta thôi.

Hoàng đế Quang Trung giặt mình. Công chúa Đại Việt đúng là Công chúa Đại Việt.

Ngọc Hân còn băn khoăn một điều rất hệ trọng nhưng không tiện nói ra. Hoàng đế Quang Trung đáng hao tổn tâm trí vào ván cờ giang sơn. Nàng không muốn Người thêm bận lòng. Điều nàng băn khoăn so với đại cuộc không là gì cả. Nhưng ưu tư của Ngọc Hân không giấu được thần nhân của một người ngồi trong trường gấm mà tỏ tường nghìn dặm. Hoàng đế Quang Trung khẽ cười:

- Hậu chịu khó chờ dăm bảy ngày. Ta biết ta phải làm như thế nào rồi.

- Thần thiếp tin, Người là một minh quân.

Bắc cung Hoàng hậu nói vậy nhưng không thể hình dung nổi những gì ẩn trong câu nói của Quang Trung tròn hay méo. Vì con người xuất quỷ nhập thần này luôn suy nghĩ và hành động khác đời.

Màu hoàng hôn nhuộm vàng Kinh thành Phú Xuân, Hoàng đế Quang Trung xuất binh. Trên lầu Ngũ Phụng, Bắc cung Hoàng hậu đắm đuối vọng theo. Bóng tình kỳ khuất sau trùng trùng đồi núi, nặng trĩu hạ lâu về cung vàng. Đêm sơ xuân noãn khí chưa cường khiến rét buốt

hay phải khóc?

- Thưa Hoàng hậu, Người tỏ tường ngay thôi ạ.

Tướng quân Hào Thành vẫy tay. Một tùy tùng bằng ngựa tới, đặt chiếc lồng rất lớn được vẩy kín bằng lụa vàng Hà Đông trước Bắc cung Hoàng hậu, rồi quỳ sau chiếc lồng.

- Tướng quân cho ta biết, trong này là cái gì?

- Bẩm, là quà Thăng Long đức vua mừng tuổi Hoàng hậu đấy ạ.

- Có phải quà báo tiếp không?

- Bẩm, là quà mừng tuổi cũng là quà báo tiếp ạ.

Tướng quân Hào Thành liếc mắt. Tùy tùng gỡ lụa, mở lồng lôi cánh đào ra. Đôi tay run run, Hữu vệ tướng quân nâng cánh đào Thăng Long, hoa chum chim màu nắng xuân dâng lên Bắc cung Hoàng hậu. Đôi tay ngà của Ngọc Hân cũng run run đỡ lấy cánh đào. Ngọc Hân ngỡ như đang trong mơ giữa chốn đào nguyên. Không ngờ một người quen ban lệnh và kiếm cung lại ứng xử như một tao nhân. Niềm vui ập đến và lo buồn cũng dâng lên. Bắc cung Hoàng hậu vui vì giặc đã lui, Hoàng đế phu quân nguyên lành khải hoàn. Công chúa Đại Việt lo buồn vì nhà Lê chính thức chìm vào khói sương. Hoàng tộc bây giờ ra sao? Lệ ngọc từ đôi mắt phượng chậm chậm ứa ra.

Giặc thua, nhà Lê đổ. Hoàng tộc ai muốn theo vua mới thì cùng quân của Hoàng đế Quang Trung vào Phú Xuân. Những ai không vào Phú Xuân được vua Quang Trung cấp cho một ít tiền. Một số Công chúa không muốn xa Thăng Long. Hoàng đế Quang Trung sai lính đưa kiệu đến rước đi hết. Vì Người biết triều đình sụp đổ, các Công chúa dễ gặp tai họa. Bắc cung Hoàng hậu bốn chốn trông đợi. Băn khoăn của Ngọc Hân sẽ được giải đáp khi vó ngựa phạt Thanh bước qua khải hoàn môn. Năm Kỷ Dậu tháng giêng ngày hai mốt, Kinh

Kinh thành. Đến lúc này, Hoàng đế Cảnh Thịnh hết như hạt bụi sắt, còn Công chúa Ngọc Bình không khác gì thỏi nam châm.

Hoàng đế Cảnh Thịnh nhiều lần định thưa với Bắc cung Hoàng hậu. Suy đi tính lại, vị vua trẻ thấy không thuận. Tương tư không của riêng ai, vua phải gái cũng thơ thơ thần thần, nhớ nhớ quên quên. Người cố giấu nhưng giấu sao được Ngọc Hân. Có trang tuần tú nào trông thấy Ngọc Bình mà không xao xuyến? Quang Toàn không chọn Ngọc Bình mới là chuyện lạ. Chợt Ngọc Hân nhớ lại ngày Hoàng đế Quang Trung chọn mình. Công chúa con vua Hiến Tông hỏi: "Thưa Long Nhượng tướng quân, vua cha có mười sáu Công chúa, sao tướng quân lại chọn phận hèn?". Long Nhượng tướng quân đáp: "Ta chọn nàng vì nàng đẹp". Ngọc Hân mừng lắm hỏi vui: "Có người đàn ông nào dừng dừng sắc đẹp không?". Long Nhượng tướng quân cả cười: "Mày râu mà dừng dừng sắc đẹp thì chẳng làm nên tích sự gì". Quang Toàn say mê về kiểu diễm đến trời đất cũng phải ngán ngạo có gì là lạ đâu.

Vua Cảnh Thịnh là con của Chính cung Hoàng hậu họ Phạm. Tuy vậy, khi còn là Thái tử cũng như khi đã là vua, Quang Toàn luôn coi Ngọc Hân như tử mẫu. Biết vua đã chọn Ngọc Bình mà không dám nói, Ngọc Hân rất thương cảm, hỏi:

- Thưa Hoàng thượng, Bắc cung biết Người rất thương Ngọc Bình. Là đấng mày râu, Hoàng thượng sao ngại nói ra?

Lúng túng giây lát, vua Cảnh Thịnh đáp:

- Thưa Bắc cung, Trẫm thấy có gì đó chưa hợp đạo lý. Hoàng hậu Ngọc Hân tươi cười:

- Thưa, có phải bố lấy chị, con lấy em nên Hoàng thượng ngại?

- Bắc cung quả là thấu gan ruột Trẫm.

Ngọc Hân từ tốn:

- Vậy thì Hoàng thượng nghe Bắc cung kể một chuyện: Ngày Tiên đế chọn Bắc cung, Người có hỏi: "Dần Bắc Hà gọi ta là giặc. Công chúa lấy giặc không sợ sẽ phụ xứ Bắc chệ là coi khinh đạo lý hay sao?". Bắc cung đáp: "Được Người thương là phúc lớn rồi, thiếp không bận tâm đến đạo lý gì cả". Tiên đế sùng sốt: "Có thật Công chúa nghĩ như vậy không?". Bắc cung đáp: "Với Người, thiếp đâu dám không thật lòng". Tiên đế reo lên: "Khá, khá lắm! Công chúa nghĩ sáng hơn bọn danh Nho. Không có đạo lý nào cao hơn đạo lý thương nhau rồi thành chồng vợ". Tiên đế không câu nệ "khôn vàng thước ngọc" đâu.

Dung quang vua Cảnh Thịnh sáng lên:

- Vậy là Trẫm có thể lấy được Ngọc Bình?

- Sinh thời Tiên đế rất quý Ngọc Bình. Hoàng thượng chọn Ngọc Bình, anh linh Tiên đế hẳn rất vui.

Ngọc Bình biết vua chọn mình làm Phi nhưng nàng cứ buồn rười rượi. Hoàng Thái hậu không bao giờ bằng lòng cho đáng chí tôn lấy một Công chúa mất ngôi ăn nhờ ở đậu. Thái sư Bùi Đắc Tuyên em cùng mẹ khác cha với Thái hậu chẳng đã chọn cho vua ái nữ của một Thượng thư rồi đó sao? Ngọc Bình như người đi cầu. Một con cá lớn đã đớp mồi. Vậy mà người đi câu sợ rằng sẽ không tóm được con cá ấy.

Bất ngờ một chiếu, Ngọc Hân cho thị nữ tới mời. Đoàn là việc này có liên quan đến vua, Ngọc Bình bốn chốn cất bước. Ngọc Hân niềm nở đón em rồi ướm hỏi:

- Hoàng thượng có ý chọn một người trong chị em ta. Em thấy ai là người xứng đáng?

Ngọc Bình cố làm ra vẻ thần nhiên, đáp:

- Thưa Hoàng hậu, không có ai cả.

Ngọc Hân cười:

- Chị thấy có đấy.

- Thưa Hoàng hậu, ai mà phúc lớn thế ạ?

- Đừng giả bộ nữa, chị mừng cho em.

Dù đã biết rồi nhưng Ngọc Bình vẫn cứ ngỡ ngàng khi khả năng hóa thành sự thực. Có điều, đó mới là ý Hoàng thượng nên Ngọc Bình nói:

- Thưa Hoàng hậu, Thái hậu và Bùi Thái sư không bằng lòng cho vua lấy một dân thường đang phải khát thực đâu.

- Em đừng nói vậy khiến chị đau lòng, chị biết cả rồi, sẽ có cách mà.

Không muốn chị em Thái hậu trở thành kẻ thù, Ngọc Hân sai tâm phúc mời Ngô Thi Nhậm. Ân tình của Hoàng đế Quang Trung với Ngô Quân sư không sao tả xiết. Được Bắc cung Hoàng hậu mời, Ngô Thi Nhậm rời Bắc Hà vào Phú Xuân ngay. Nghe Bắc cung Hoàng hậu thổ lộ, Ngô Thi Nhậm diện kiến vua Cảnh Thịnh. Ngài xui vua giao cho Thái sư Bùi Đắc Tuyên lo hôn sự của đáng chí tôn với Ngọc Bình. Hoàng đế Cảnh Thịnh nhất

DUYÊN PHẬN

Truyện ngắn của PHẠM THÁI QUỲNH

càng như dao cứa vào da thịt. Thị nữ run run bốc tiêu bỏ vào lò trầm. Khói tiêu lan toả. Nhưng vắng anh hùng, khói tiêu làm sao khiến lòng giai nhân bớt tái tê?

Ngọc Hân ngón ngàng tâm sự nên giấc hoè không đến. Nàng nhẹ gót sang thư phòng. Lật từng trang sách, những bài thơ Hoàng hậu vẫn coi là hay bỗng trở nên nhạt nhẽo. Lại lật những trang khác, bài "Thị Đệ Tử" của cao tăng Vạn Hạnh quen quá đi rồi. Vậy mà bài thơ ấy lại khiến nàng giật mình. Có lẽ do tâm cảnh nàng chợt nhận ra ý tứ cao minh của vị Phật sống ẩn trung ngôn từ: "Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô". Những chữ này giản dị như lời nói mà lại hàm chứa triết lý sâu sắc. Cỏ cây tươi héo theo lẽ tuần hoàn của tạo hóa. Triều đình cũng không nằm ngoài vòng thiên địa. Hạt sương đầu ngọn cỏ thôi mà. Vị cao tăng này phù phép nên nhà Lý. Ở vào thời ấy, vậy mà ngài đã biết nhà Lý sẽ bị họ Trần chiếm ngôi. Đông A dứt, giặc Bắc sang. Họ Lê sẽ hưng binh giành lại giang san. Ngài không tiên tri vận số nhà Lê. Nhưng nữ lưu Như Thị Thực biết nhà Lê sắp tàn nên không cho con trai đi thi. Vì thế, Tiên sinh Nguyễn Bình Khiêm bốn mươi lăm tuổi mới ứng thí khi nhà Mạc khai khoa. Vị Trạng nguyên này biết giang sơn sẽ về với chủ cũ nhưng vua chỉ là ông Bụt giữ chùa hờ, oản chuối kẻ khác ăn. Tiên tri ấy hết như cây bèn sương xuân khắp khởi trở hoa. Vậy là lẽ hưng phế không ngoại trừ triều đại nào cả, hợp lòng dân thì còn sông núi, trái lòng dân thì nắm mổ hoang. Từ ngày Trịnh Tùng lập ra phủ chúa, quai đân nước Nam mặt trăng sáng hơn mặt trời, vua Lê đúng là ông Bụt sống nhờ. "Làm gì có hào quang vay mượn", những lời Hoàng đế Quang Trung khiến Ngọc Hân buồn tủi. Cây lớn đổ Dây leo sống nhờ chết theo. Vương nghiệp bách niên chỉ còn là một tiếng thờ dài. Hoàng tộc chia lìa trăm ngã. Lệ đầm cân y không đoạn trường sao được?

Những đêm sau đêm sau nữa, Ngọc Hân chập chờn ngủ trông thức thức trong ngủ. Chợt ngày mừng bảy lúc hoàng hôn vừa khép cánh, Hữu vệ tướng quân Hào Thành xuất hiện. Thiên lý mã nhuộm bụi đường loang lổ mồi hôi. Từ trên lưng ngựa, tướng quân Hào Thành quảng minh xuống quý trước Bắc cung Hoàng hậu.

- Tướng quân đứng lên, nói ngay đi. Ta được cử

thành Phú Xuân rền vang tiếng pháo khải hoàn. Hoàng đế Quang Trung chưa lên tiếng. Nhưng qua binh tướng của Người và qua già trẻ của hoàng tộc theo vua vào Phú Xuân, Ngọc Hân đã biết tất cả. Bắc cung Hoàng hậu mừng đến phát khóc. Khi ấy, Hoàng đế Quang Trung mới cười:

- Trước ngày tiễn Huệ xuất chinh, băn khoăn lớn Hậu cố nén trong lòng. Hiểu ý, Huệ đã nói: Ta biết ta phải làm như thế nào rồi. Triều Lê đổ. Kẻ vô biên đất Tây Sơn cư xử với hoàng tộc như vậy, không biết các danh sĩ Bắc Hà có chữ Huệ không?

Bắc cung Hoàng hậu cười:

- Thưa, Hoàng thượng phải nói: Ta cư xử như vậy, hỏi có chàng rể nào đối xử với họ vợ tốt hơn ta không mới phải.

Hoàng đế Quang Trung cười phá lên:

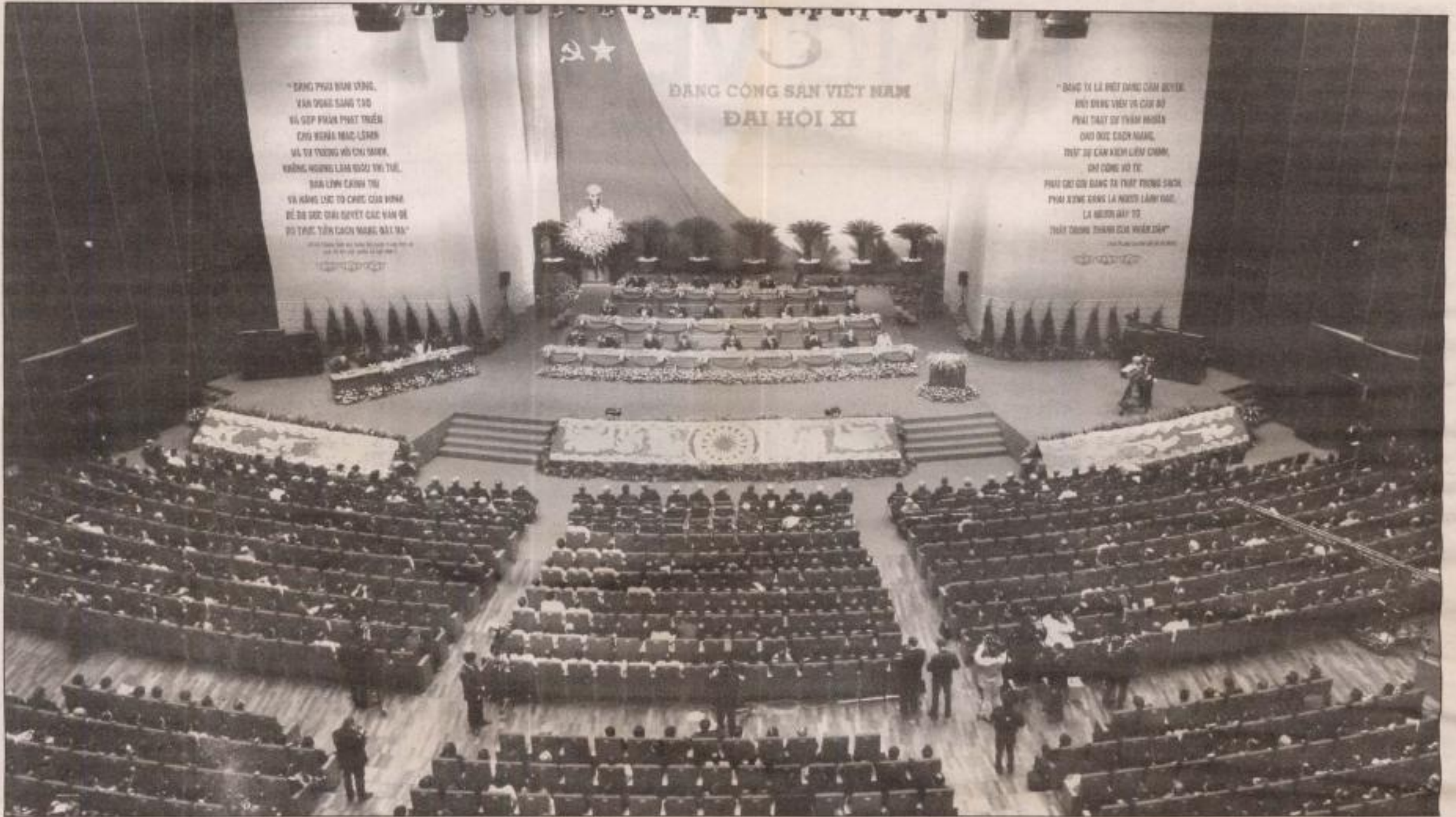
- Không biết Hậu khéo nói hay khéo nịnh đây?

Bốn mươi tuổi, Hoàng đế Quang Trung ở vào độ anh minh nhất của người cai quản sông núi. Bất ngờ, vua bị đột tử vào năm Nhâm Tý - 1792. Mới mười tuổi hoa, Thái tử Quang Toản phải đặt gánh nặng sông núi lên vai với vương hiệu là Cảnh Thịnh.

Hoàng hậu Ngọc Hân có người em gái cùng cha khác mẹ là Công chúa Ngọc Bình, kém Công chúa chị hơn một giáp. Sáu tuổi, Công chúa được thuộc hạ của vua Quang Trung kiệu vào Phú Xuân. Thương em bé bỏng, Ngọc Hân chăm chút yêu thương Ngọc Bình như người mẹ hiền chăm lo cho con. Lớn lên, Ngọc Bình như một đoá hoa. Bắc cung Hoàng hậu mang hết tài kinh sách thi thư dạy em. Sáng trí, Ngọc Bình học một biết hai. Những gì là tinh túy của công dung ngôn hạnh, Ngọc Hân cũng trao cả cho cô em thông minh xinh đẹp.

Quang Toản là trưởng hoàng tử của Hoàng đế Quang Trung, hơn Ngọc Bình một tuổi, ngự Đông cung khi mới chín tuổi. Thuở ấu thơ, Quang Toản và Ngọc Bình thường vui chơi với nhau, rất quý nhau. Chỉ đến khi trở thành Thái tử, Quang Toản mới không được nô đùa với Ngọc Bình nữa. Nhưng Công chúa triều Lê vẫn lớn lên trong mắt Thái tử.

Thấm thoát, Ngọc Bình xấp xỉ tròn trăng. Tài đức Công chúa của vương triều đã thành hoài niệm nước



Sáng ngày 12-1-2011, Đại hội đại biểu Toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI đã chính thức khai mạc trọng thể tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia - Mỹ Đình - Hà Nội
Ảnh: TTXVN

THÔNG BÁO HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM - KHOÁ VIII (NHIỆM KỲ 2010-2015) KỲ HỌP THỨ 3

Tại Hà Nội, từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 1 năm 2011, Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam (khoá VIII) đã tiến hành Hội nghị toàn thể lần thứ 3. Đại diện Ban Kiểm tra của Hội tham dự Hội nghị.

1. Giải thưởng văn học năm 2010.

Xét đề nghị của Hội đồng Chung khảo, Ban chấp hành quyết định trao Giải thưởng văn học năm 2010 của Hội Nhà văn Việt Nam cho những tác phẩm sau đây.

- **Dị hương**, tập truyện ngắn của **Sương Nguyệt Minh**

- **Triệu phú khu ổ chuột**, tiểu thuyết của **Vikas Swarup**

Bản dịch tiếng Việt của **Nguyễn Bích Lan**
Theo đề nghị của Ban Sáng tác, trao **Bằng khen** của Ban chấp hành cho các tác phẩm sau đây:

- **Đất trời xô lệch**, tiểu thuyết của **Bích Ngân**

- **Quả của Chúa**, tiểu thuyết **Dorota Terakowska**

Bản dịch tiếng Việt của dịch giả **Lê Bá Thự**

- **Tháng Giêng, tháng giêng một vòng đao quăm**, tản văn của **Y Phương**

2. Về công tác kết nạp hội viên mới

Sau thời gian làm việc, các Hội đồng chuyên môn của Hội đã đề nghị một danh sách gồm 43 tác giả vào diện xét kết nạp hội viên. Để bảo đảm tính kế thừa và liên tục của công tác xây dựng Hội, Ban chấp hành đã xem xét kết quả giới thiệu của các Hội đồng và các Ban văn học khoá VII (nhiệm kỳ 2005-2010) và đã giới thiệu thêm 10 tác giả vào danh sách kết nạp hội viên năm nay. Với danh sách 53 tác giả được đưa vào danh sách xem xét, Ban chấp hành đã tiến

hành thảo luận và quyết định kết nạp 26 tác giả có tên sau đây vào Hội Nhà văn Việt Nam.

I. VĂN XUÔI

- Hàm Châu
- Trần Thu Hằng
- Nguyễn Thế Hùng
- Lê Hoài Lương
- Nguyễn Ngọc Lợi
- Nguyễn Thị Diệu Linh (Di Li)
- Ngô Phan Lưu
- Vũ Thảo Ngọc (Vũ Thị Thiệu)
- Kiểu Xuân Thuý

II. THƠ

- Nguyễn Hoà Bình
- Đỗ Hàn
- Phan Hoàng
- Trần Đăng Huân
- Nguyễn Địch Long
- Nguyễn Anh Nông
- Nguyễn Thị Thuý Ngoan
- Khuất Bình Nguyên
- Hữu Nhân
- Đỗ Phú Nhuận
- Lương Hữu Quang
- Thị Sánh
- Phạm Nguyên Tường
- Bàng Ái Thơ
- Phạm Ngọc Thạch

Hà Nội
Đồng Nai
Hà Nội
Bình Định
Nghệ An
Hà Nội
Phú Yên
Quảng Ninh
Hà Nội

Hà Nội
Hà Nội
Hố Chí Minh
Hà Nội
Hà Nội
Hoà Bình
Hải Phòng
Hà Nội
Đồng Tháp
Nam Định
Hố Chí Minh
Quảng Ninh
Thừa Thiên Huế
Hà Nội
An Giang

III. LÝ LUẬN PHÊ BÌNH

- Đỗ Ngọc Yên

Hà Nội

IV. DỊCH VĂN HỌC

- Nguyễn Bích Lan

Thái Bình

3. Tiếp tục triển khai Nghị quyết Đại hội Nhà văn Việt Nam lần thứ VIII, Hội nghị đã tiến hành thảo luận và thông qua các Quy chế và Đề án hoạt động văn học thuộc các lĩnh vực sau đây:

- Quy chế hoạt động của Chi hội, Ban công tác nhà văn các vùng miền

- Quy chế văn phòng Hội

- Quy chế giải thưởng văn học

- Quy chế Kiểm tra

- Đề án tổ chức Hội nghị những người viết văn trẻ lần thứ VIII

- Đề án Nâng cao năng lực, chất lượng và hiệu quả các cơ quan báo chí của Hội

4. Quyết định một số vấn đề về tổ chức bộ máy và nhân sự.

5. Cho ý kiến chỉ đạo về tổ chức Ngày thơ Việt Nam lần thứ IX.

Hà Nội, 12/1/2011

T/M Ban chấp hành
Hội Nhà văn Việt Nam
Chủ tịch
Nhà thơ HỮU THỈNH

Đ I trên đê hữu ngạn sông Thái Bình, thuộc địa phận huyện Vĩnh Bảo, nhìn xuống dưới chân đê, dọc một dải chạy dài từ Tân Liên, lên Vĩnh An, rồi Giang Biên lổ nhố những mái nhà lợp tôn kẽm màu mận, màu xanh và cả màu xám xỉn của tôn xi-măng nằm gọn trong từng khu, có tường bao xung quanh, nhiều khu đường vào lại còn có cái cổng to rộng như cổng làng. Bên những mái nhà tôn là những khóm cây, phần nhiều mới trồng nhưng đã sum suê, có chỗ cành lá la đà sát mái nhà. Các khu nằm gần nhau, nhấc trông như những xóm làng trù phú, yên bình nằm nép mình ven chân đê, có khu đường đi lại đã thuận tiện, mặt đường rải gạch vỡ đám nhỏ, hoặc xỉ than, xỉ lò gạch, nhưng cũng có khu còn nguyên đường đất nham nhở ổ gà, sống trâu, hai bên có mọc xanh rì. Từ trên đê nhìn xuống, nếu không nghe nói trước thì không thể ngờ những khu nhà nằm như bát úp ven chân đê kia lại là những trang trại chăn nuôi lợn gà, làm nấm, trồng cây, thả cá của những người nông dân mới cách đây chỉ mười năm thôi, có lẽ trong đầu chưa có khái niệm gì về trang trại. Vậy mà- như cách nói của một anh ở huyện lúc ngồi cùng bàn với tôi trong nhà ăn tập thể trưa nay- quay đi quay lại chỉ dăm bảy năm lại đây thôi, hàng loạt trang trại của nông dân các xã đã thi nhau mọc lên.

Trong 29 xã của huyện Vĩnh Bảo, tính đến cuối năm 2010, đã có 300 trang trại của các hộ nông dân, nhiều nhất các huyện ngoại thành Hải Phòng. Có nơi như xã Vĩnh An, chỉ riêng chăn nuôi lợn ngoại siêu nạc đã có tới 14 trại, công ty gia công chăn nuôi có trụ sở ở Xuân Mai, Hà Nội, cử hẳn một kỹ sư về "ba cùng" ở xã để giúp trang trại làm tốt các khâu kỹ thuật. Huyện không những có hẳn một nghị quyết và văn bản hướng dẫn đầu tư xây dựng trang trại, quy định cụ thể loại đất được dành làm trang trại là đất ven chân đê, xa làng xóm để không lấn ruộng mặt điển và gây ô nhiễm môi trường, dân cư, nguồn nước; mà còn đứng ra làm đầu mối chuyển giao công nghệ từ cơ sở khoa học và nhà doanh nghiệp đến với nông dân. Thậm chí có việc mới và đòi hỏi khắt khe thời vụ, như nuôi trồng nấm ăn từ nguồn rơm rạ, huyện còn thuê hẳn một kỹ sư của Viện công nghệ sinh học trung ương về làm việc tại huyện, do huyện trả lương, chỉ để hướng dẫn mỗi xã hai người nắm vững kỹ thuật làm nấm (từ ương ủ đến thu hoạch, bảo quản) và cùng với cán bộ chuyên môn huyện chỉ đạo, hướng dẫn nông dân làm nấm đúng thời vụ, đúng kỹ thuật. Quả là thời đại khoa học kỹ thuật len lỏi vào tận các gia đình nông dân nơi thôn dã, chỉ mười năm trước thôi, khó ai có thể nghĩ rơm rạ ngập ngụa trên đường làng, ngoài đồng ruộng lại có thể trở thành món ăn ngon ăn khoái khẩu như bây giờ. Thế nên... Những trại nấm đúng là đang "mọc lên như nấm" - Ông Nguyễn Văn Hào, 48 tuổi, một chủ trang trại nấm ở thôn Kim Ngân, xã Vĩnh An, vừa dẫn tôi đi xem chỗ làm nấm vừa nói vui. Rồi như sợ tôi không tin, ông bảo: Chẳng thế, chỉ một xã tôi vụ này có tới 20 nhà làm nấm, bác ạ.

Làm cái nấm ăn này khó thì thật khó, nhưng dễ cũng thật dễ - Văn giọng bà Nghiêm Thị Hồng, vợ ông Hào, kém ông hai tuổi, năm nay 46, một người đàn bà hoạt bát và mau mắn. Bà Hồng như lần lại những ngày đầu hải vợ chồng và ba đứa con, hai trai một gái, với hai bàn tay trắng, từ trong làng Kim Ngân sấm uất và trù phú, ra vùng ven chân đê heo hút này lập trại - Cái năm nhà tôi ra đây, may vào đúng dịp huyện đang hỗ trợ mỗi hộ làm nấm ba triệu đồng để làm lán trại. Vì lán trại nuôi trồng nấm chỉ làm bằng tre nứa thôi, nên với nhà tôi, số tiền huyện cho thế là đủ làm cái lán rộng gần ba trăm mét vuông, mà bác vừa vào xem đấy. Có chứ, không có cán bộ kỹ thuật hướng dẫn thì sao làm được. Như nhà tôi từ đầu đến giờ chỉ làm nấm mỡ. Giống nấm này làm từ rạ, vậy là phải nắm được mỗi tấn rạ ủ với bao nhiêu cân nấm giống. Rồi còn bột nhẹ, lân, ka-li cũng đều có công thức kỹ thuật, huyện cho in thành tờ

LÀNG VEN ĐÊ

Bút ký của CAO NĂM



hướng dẫn, phát đến từng hộ, để nhà nào nhà nấy xem đấy mà làm. Cũng tiện lắm.

Ngồi nghe bà Hồng nói cách làm nấm mỡ từ rạ như thế nói về cách cấy lúa, trồng khoai đã trở nên quen thuộc với người nông dân từ bao đời, tôi lại thêm hiểu những vất vả đổi thay trong mỗi người nông dân, mỗi vùng nông thôn hôm nay, mà nếu chỉ lướt qua đường hay tạt ngang, rẽ dọc đâu đó cũng rất khó nhận ra. Thế nên tôi cũng muốn biết giữa làm lúa và làm nấm như nhà ông bà Hào đây, thì đáng nào hơn. Ông Hào nói ngay: Nhà tôi mấy năm nay không cấy hái như trước nữa. Nhà năm khâu, được chia bảy sào ruộng, vợ chồng tôi đổi hết ra đây lập trại nấm. Có, cấy một ít quanh trại lấy thóc ăn, khỏi phải đóng; còn làm nấm vẫn là chính. Mới lại nhà tôi giờ chỉ còn hai vợ chồng, ăn cũng chả hết mấy - Bà Hồng chen lời chống- Không, các cháu còn đang đi học, chứ đã đưa nào đi làm đâu. À, có đứa con gái học cao đẳng công nghiệp Hà Nội, mới ra trường, đi làm ở Hải Phòng mấy tháng nay. Còn hai thằng vẫn đang học đại học công nghiệp mãi trên Thái Nguyên. Thế mà cứ ở làng làm ruộng thì làm sao có tiền cho con ăn học được, hả bác. Vâng, cũng phải thế, mỗi đứa triệu một tháng; con bé con gái dạo còn học ở Hà Nội thì còn hơn, có tháng phải cho chị ấy đến triệu tư, triệu rưỡi.

Nhưng ông Hào lại bảo: "Nhà tôi làm nấm là lưới nhỏ bắt cá bé thôi, chứ những nhà có sức như vợ chồng ông bà Đinh bên kia, tỷ nửa bác sang mà xem, nuôi toàn lợn ngoại siêu nạc, mỗi lứa đã có hàng trăm triệu ấy chứ".

Lời ông Hào thật ứng nghiệm, nhắc đến vợ chồng ông bà Đinh, đã nghe tiếng xe máy về về quật vào sân, phanh kít ngay ở cửa. Từ trên xe một người đàn bà chừng năm mươi tuổi, vận quần xanh lao động, áo hoa nâu, cặp tóc dài buông thõng sau lưng, dựng chiếc xe Drem màu mận chín ngoài cửa, rồi bước nhanh vào ghế ngồi. Đường như chỉ đợi thế, chị cán bộ phòng nông nghiệp huyện cùng đi với tôi, quay ra giới thiệu: "Đây là bà Đinh, vợ ông Đặng, có trang trại chăn nuôi lợn ngoại siêu nạc ở bên làng An Cầu mà ông Hào vừa nói. Bác làm việc với vợ chồng ông Hào xong thì bà Đinh dẫn bác về bên ấy; còn em phải xin phép về trước đón cháu". Tôi từng "khi đi có bạn, khi về lẻ loi" kiểu này những lần nhờ người của huyện dẫn xuống xã, nên vui vẻ cảm ơn và chào từ biệt chị cán bộ nông nghiệp huyện. Chờ chị ra khỏi cổng, bà Đinh quay lại hỏi tôi, đi được chưa, hả bác. Dĩ nhiên là tôi sẵn sàng.

Hai chiếc xe máy ra khỏi ngõ nhà vợ chồng ông Hào là nhảy tưng tưng trên bờ

đê nham nhở, gập ghềnh "đường trường mái chèo", nhưng bà Đinh ngồi trên chiếc xe Drem màu mận cứ lái đi vun vút, bất chấp đường xá xấu đi là xấu, đến tôi ngồi sau anh lái xe ôm thì trấn huyện to béo là thế, mà chốc chốc vẫn bị anh ta cho những cú xóc như xóc ốc, tưởng một hai hất người ra khỏi xe. Tôi thỉnh thoảng cũng nhìn thấy những người đàn bà đi xe máy tào bạo luôn lách, có khi còn leo lên tận vỉa hè đi cho nhanh, nhưng đây là đường nhựa phẳng lì trong phố; chứ còn đường nông thôn, nhất là đường ngoài đồng, bờ đê chỉ toàn là đường đất, lại thêm mặt đường xấu thâm tệ thế này mà vững tay lái chạy như bà Đinh thì, nói có giỏi làm chứng, tôi mới chỉ thấy có bà là một. Thế nên, vừa ngồi xuống bên bộ ấm chén uống nước để ngay ở sân trang trại của vợ chồng ông bà, khi bà kéo ghế ngồi cạnh ông chồng, một người thấp nhỏ, xương xương nhưng có nước da săn chắc, là tôi nhận ra ngay cái dáng người bà thế kia thì không những chỉ vững tay lái xe máy chạy trên bờ đê, mà còn có gan làm nhiều việc "tây trời" nữa. Có lẽ tôi đoán không nhầm, bởi chỉ nhìn ông Đặng đang ngồi cạnh tôi đây, người nhỏ thó, khắc khổ và như có phần chậm chạp, chứ không được sức vóc, nhanh nhẹn, tháo vát như bà vợ, là đã có thể biết chính bà mới là người chèo lái trang trại có hàng nghìn con lợn ngoại siêu nạc, ngang với một nông trường chăn nuôi thời bao cấp. Ông Đặng hơn bà vợ có bốn tuổi, năm nay ông năm mươi nhăm, nhưng trông ông vận bộ quần áo bộ đội cũ màu bạc thếp, ngồi chân co chân duỗi như ôm lấy cái điều, dáng vẻ ốm yếu, ngờ ông như đã ngoài sáu mươi. Như đọc được ý nghĩ của tôi, bà Đinh bảo: Nhà tôi trông thế nhưng mắt một bên bị mờ, lại nặng tai, vì năm nọ bị thương, ảnh hưởng đến não.

- Cả hai chúng tôi đi thanh niên xung phong cùng một đợt năm bảy tám (1978), ra thành biên giới. Bà Đinh kể: Hồi năm bảy chín (1979) ông nhà tôi bị thương. Có, thương tật hạng ba trên bốn. Năm tám hai (1982) tôi về quê làm ruộng. Còn ông ấy chuyển sang xí nghiệp xây dựng thủy lợi Quảng Ninh, đến năm tám chín (1989) thì về một cục. Làm ruộng thôi, chứ làng tôi có nghề gì đâu. Khi hợp tác xã giao ruộng khoán lâu dài, nhà tôi có hai vợ chồng và ba đứa con, hai trai một gái, được nhận đúng sáu sào. Thóc lúa thì nói làm gì, tiếng là nhà năm người ăn có sáu sào ruộng, nhưng vụ nào nhà tôi cũng phải thu tấn hai, tấn rưỡi thóc. Nhưng thời nay đâu chỉ lo mỗi cái ăn, còn bao nhiêu thứ chi tiêu mà mình không thể tính trước nữa, chứ bác. Ngay như tiền đóng học cho ba đứa con, mỗi lần đến kỳ là lo sốt vó; còn bao thứ tiền khác, ở nhà quê, bác tính, nào ma chay,

cưới xin, giỗ chạp, rồi vào nhà mới, con đầy tháng, thời thì tất tẩn tất đã mới là phải đi, đã đi là phải bằng tiền. Mà tiền ở nhà quê thì bác tính, làm gì ra, ngoài bán cân thóc, đấu gạo, và nhiều lắm mỗi năm có lứa lợn vài trăm nghìn chứ mấy. Nên khi trên có chủ trương khuyến khích chuyển đổi sản xuất, vợ chồng tôi bàn nhau đổi quách ruộng trong đồng ra ngoài này lập trại chăn nuôi lợn. Có chứ, chả vay tiền ngân hàng để đấu cổ thêm đất của xã, thì bác tính làm sao khu trại nhà tôi lại được rộng thế này, tất cả là hai mẫu hai sào đấy. Ngoài khu này ra, ở sau trại bên kia, nhà tôi mới mua hai mẫu đất nữa, định ra giếng lập trại nuôi gà ở bên ấy.

Tôi đã đến trại gà của vợ chồng anh Nguyễn Văn Tuấn và chị Vũ Thị Hương ở làng Thiết Tranh. Hai vợ chồng còn rất trẻ, chồng ba tư, vợ ba mươi, nhưng suốt từ năm 2006 đến nay, anh chị đưa trại gà từ chỗ chỉ có diện tích mặt bằng ba sào vừa ở, vừa làm lán trại chăn nuôi; thế mà nay đã mở rộng tới hơn một mẫu, với lượng gà nuôi thịt hôm tôi đến trong chuồng đang có năm nghìn con, toàn loại gà lông trắng phau phau. Với số gà này, trong vòng hai tháng rưỡi, khi xuất chuồng anh chị đã có thể thu hai, ba mươi triệu đồng, một năm nuôi bốn lứa, hơn hai vạn con gà thịt, tính ra mỗi năm trại gà của vợ chồng Tuấn thu trên trăm triệu. Thế nên, giờ ngồi ở trại lợn của vợ chồng ông Đặng, nghe bà Đinh nói ý định tới đây lập thêm trại nuôi gà, tôi càng cảm phục suy nghĩ táo bạo mà thiết thực của ông bà. Bởi tôi biết, sức ông không được khỏe, còn bà trông săn chắc, khỏe khoản thế kia, nhưng đã ở cái tuổi năm mốt, công việc ở trại chăn nuôi lợn với hai dãy chuồng, mỗi dãy nuôi từ 500 đến 600 con, chỉ trong năm tháng đã xuất chuồng, thì chỉ chăm bẵm đàn lợn thôi cũng đủ khướt, còn sức đâu mà thêm trại gà. Nhưng khi nghe tôi nói điều ấy, bà Đinh lại bảo:

- Nuôi cái anh lợn ngoại siêu nạc này, khó thì thật khó, nhưng dễ cũng thật dễ, bác ạ. Chẳng hạn, chỉ tiêu kỹ thuật người ta hướng dẫn, cứ cho lợn ăn hai ki-lô-gam rưỡi cám thì tăng trọng được một ki-lô-gam lợn hơi, mà mình không làm đúng thì lấy đâu ra bù. Ngay đến giờ giấc ăn uống, về sinh chuồng trại, tắm rửa cho lợn cũng đều có hướng dẫn đối với từng tháng tuổi của lợn và thời tiết mùa vụ. Nghiêm ngặt thế, chứ không, chính mình bị thiệt, bởi định mức lợn chết, không do dịch bệnh, công ty người ta chỉ cho mức mỗi lứa bằng hoặc dưới ba phần trăm tổng đàn, thế mà để sơ sẩy là mình thiệt. Không, nhà tôi đã mấy năm nuôi lợn ngoại siêu nạc, chưa khi nào để lợn chết tự nhiên đến ba phần trăm, chứ đừng nói hơn.

Tôi ngồi nghe bà nông dân làng An Cầu, xã Vĩnh An, nằm xa nội thành Hải Phòng hơn bốn mươi cây số, có trang trại năm mẫu chân đê hữu ngạn sông Thái Bình mà có tới hai dãy chuồng lợn, mỗi dãy nuôi năm, sáu trăm con, lại toàn lợn ngoại siêu nạc, nói về kỹ thuật chăn nuôi lợn theo dây chuyền công nghiệp, từ pha chế cám bã, đổ vào máng cho lợn ăn, đến tắm rửa cho lợn, vệ sinh chuồng trại, mọi việc đều được vận hành theo hệ thống liên hoàn, mà có lúc bán tin bán nghi, người đang nói với mình là ai đây, chị cán bộ kỹ thuật phòng nông nghiệp huyện dẫn tôi đi trò chuyện dọc đường, hay bà Đinh, vợ ông Đặng, người vừa cười xe máy phẩm phẩm trên bờ đê gập ghềnh, khúc khì. Tôi cứ ngồi ngây ra...

Tôi vừa nghe đến đây vội xuýt xoa, một gia đình nông dân tiếng là có năm người, nhưng thực chỉ còn hai ông bà ở nhà, còn có gái lớn làm ở một siêu thị trong nội thành, cậu con lớn học trường dạy nghề xong đã đi làm thợ hàn, cậu nhỏ đang học đại học kinh tế quốc dân trên Hà Nội, mỗi tháng chỉ gòn cho một triệu hai, chỉ còn hai ông bà ở nhà một năm chăn nuôi thu về một trăm năm mươi triệu, thử hỏi, cách đây mười năm nói ra liệu có ai tin. ■

nhất nghe theo danh sĩ Bắc Hà mà Tiên đế đã tôn làm Quan sư. Bùi Đắc Tuyên ngậm bồ hòn mà không dám kêu đấng.

Mọi rào cản được tháo gỡ. Năm mươi sáu tuổi, Công chúa Ngọc Bình trở thành Quý phi của Hoàng đế Cảnh Thịnh.

Nguyễn Vương Phúc Ánh nhiều lần bị Nguyễn Huệ truy sát suýt mất mạng. Hễ nghe danh Nguyễn Huệ là Nguyễn Phúc Ánh xôn tóc gáy, toát mồ hôi. Từ ngày Nguyễn Huệ xưng Đế quét sạch hai mươi vạn quân Thanh, Nguyễn Vương coi cuộc tranh đoạt giang sơn mà ngài dẫn thân chỉ là giấc mơ bong bóng. Nhờ việc anh em Tây Sơn húc hặc nhau, ngài mới có chỗ đứng chân ở Gia Định.

Bỗng nghe tin Hoàng đế Quang Trung đột tử, Nguyễn Vương mừng khôn xiết. Dù Quang Toàn là đối thủ dưới hầm, Nguyễn Vương vẫn mua của Bồ Đào Nha mười ngàn súng tay, hai mươi cỗ pháo cỡ nòng bốn mươi milimét, kèm theo hai ngàn viên đạn. Chưa hết, Nguyễn Vương còn thuê của Bồ Đào Nha một đội tàu chiến để vào trận cuối.

Khắc tinh đã lặn. Đối thủ trẻ tuổi non tài. Với quân đông, vũ khí tốt, Nguyễn Vương đánh đâu thắng đấy. Năm 1801, đoàn quân của hậu duệ Nguyễn Hoàng tiến ra Phú Xuân.

Cửa bể Thuận An (còn có tên là cửa Eo) xung yếu. quyết định sự mất còn của Kinh thành. Quyết giữ Phú Xuân để xoay chuyển đại cuộc, Hoàng đế Cảnh Thịnh liền dẫn quân giữ cửa bể đó. Trước khi xuất binh, vị vua trẻ nói với Quý phi:

- Thế nước lâm nguy. Hễ giữ được cửa Eo thì Kinh thành còn mới giữ được Bắc Hà. Trẫm phải thân hành giữ cửa bể này. Nếu Trẫm có mệnh hệ nào, nàng cứ tùy nghi hành xử.

Nước mắt ràn rụa, Ngọc Bình nói:

- Thưa đấng anh minh, Người mà làm sao thần thiếp cũng đi theo Người...

- Đừng nghĩ quẩn, nàng hoặc ai đó trong dòng tộc may mà thoát nạn hẳn là ta còn hương lửa.

Dứt lời, vua Cảnh Thịnh lên ngựa. Tinh thể như lửa cháy không cho phép người đứng đầu triều đình bị rạn vỡ, mặc cho người vợ mới mười tám xuân xanh khóc lóc vọng theo.

Thuận An thất thủ, tin dữ bay về. Ngọc Bình kêu khóc thảm thiết rồi lịm đi trong cung vàng. Nàng hồi tỉnh

vừa lúc Nguyễn Vương tiến vào. Sững sờ trước sắc nước hương trời, Nguyễn Vương nhận ra những người đẹp mà ngài đã có không một ai đáng gọi là giai nhân. Chưa thể ở lại với người ngọc được, Nguyễn Vương nói với tâm phúc: Người ở lại canh giữ nghiêm ngặt nơi này. Nàng cần gì, người phải lo ngay. Không một ai được đụng đến lông chân nàng.

Nguyễn Vương vội đi thị sát Phú Xuân, giao cho Nguyễn Văn Thành ổn định tình hình rồi quay lại chỗ Ngọc Bình. Cho thuộc hạ lui cả, Nguyễn Vương hỏi:

- Nàng có biết ta là ai không?

- Qua cung cách của ông, ta đoán ông là Nguyễn Vương. Vậy ông có biết ta là ai không?

- Nàng là Quý phi của kẻ đã thua ta. Đây đúng là món quà trời ban.

- Ông nói vậy nghĩa là thế nào?

- Còn thế nào nữa, ta là vua.

- Giết chồng đoạt vợ, ông không sợ quần thần chê bai hay sao?

Nguyễn Vương cười lớn:

- Nếu sợ thì không làm được vua.

Ngừng giây lát nhằm thăm dò Ngọc Bình, Nguyễn Vương nói tiếp:

- Những gì của Cảnh Thịnh đã thành chiến phẩm, nay thuộc về ta. Sau sự biến Huyền Vũ môn, Lý Thế Dân đã đoạt vợ của em trai là Lý Nguyên Cát làm Phi. Vậy mà người Trung Nguyên vẫn tôn Thế Dân là minh quân. Như vậy đủ thấy những lời vo ve chẳng là gì cả.

Ngọc Bình mĩa mai:

- Hoá ra, đã là vua thì có quyền bưng tai bịt mắt.

- Nàng nghĩ như vậy cũng không sao. Nhưng có điều này nàng phải biết: Tranh đoạt thiên hạ không chỉ tranh đoạt ngai vàng mà còn tranh đoạt cả giai nhân. Có ấn ngọc mà không có giai nhân thì ồm ồm ngọc làm gì?

- Nhưng ta không chiều ông được, thôi thì cứ giết ta đi.

Nguyễn Vương cười:

- Ta sủng ái nàng, mong có được nàng. Tại sao ta phải giết nàng chước lấy tiếng ác?

Đăm đăm giây lát, Ngọc Bình nói:

- Ông không giết thì ta cũng chết.

Nguyễn Vương rút kiếm đưa cho Ngọc Bình:

- Nàng hãy giết ta trước đã.

Ngọc Bình run run vươn tay cầm kiếm vung lên. Vừa lúc ấy, tiếng của vua Cảnh Thịnh vang lên trong tâm

thức: "Đừng nghĩ quẩn, nàng hoặc ai đó trong dòng tộc may mà thoát nạn thì ta còn hương lửa". Thanh kiếm từ từ tuột khỏi tay Ngọc Bình. Bất ngờ nàng quát to:

- Ông đi đi.

Nguyễn Vương reo lên:

- Ta biết mà. Nàng không nỡ giết một ông vua sủng ái nàng. Chắc chắn, Công chúa sẽ hối tâm, mai ta đến.

Xế chiều ngày hôm sau, Nguyễn Vương y hẹn. Đã suy nghĩ kỹ càng, Ngọc Bình hỏi:

- Lấy kẻ thù của chồng làm chồng, ông nghĩ thế nào?

- Đó là duyên số.

- Thôi được, đã là duyên số ta đành cam vậy... Nhưng ông phải hứa với ta hai điều.

- Mấy điều cũng được, nói đi.

- Không phải là kẻ thù của nhà Lê, ông biết phải đối xử với họ Lê như thế nào rồi chứ?

- Ta là rể của vua Hiến Tông mà.

- Khi nào ta muốn đi, ông không được ngăn cản.

Nguyễn Vương trầm nghĩ "Rối sẽ có cách...". Thêm nữa, tin vào tài thu phục nhân tâm của mình, Nguyễn Vương đồng ý:

- Ta chiều ý Công chúa.

Năm 1802 - Nhâm Tuất tháng năm, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi ở Phú Xuân. Đó là Hoàng đế Gia Long. Ngài hỏi Ngọc Bình:

- Trẫm ban danh tước cho Công chúa. Nàng vui chứ?

Ngọc Bình nhếch mép:

- Ngài bêu danh tôi trước thiên hạ chắc?

Khi đã ổn định tình hình, Hoàng đế Gia Long trả thù triều đình Quang Trung rất tàn độc. Cổ nên uất căm, Ngọc Bình suy nghĩ rồi đi đến quyết định. Nàng hỏi Gia Long:

- Những ông vua khác thường nói: "Quân vô lý ngôn", với ngài thì thế nào?

Gia Long thần nhiên:

- Trẫm cũng thế thôi. Vua không được bền với lời đã nói.

- Tôi với ngài duyên nợ đến đây thôi. Ngài còn nhớ lời đã hứa chứ?

Biết là đã mắc bẫy, Gia Long đành phải đáp:

- Trẫm nhớ.

Ngọc Bình cười:

- Tôi biết mà. Ngài trọng tín nên mới thành đại nghiệp. Nhưng sự trả thù tàn độc của ngài trời cũng phải giận huống chi là tôi. Vì vậy, hai ba lần tôi định giết ngài. Thuốc độc tôi luôn giấu trong người. Chước chén cho ngài say, giết ngài dễ như bỡn. Nhưng suy đi tính lại, tôi đã không hạ sát. Vì dù sao ngài cũng là một anh hùng thống nhất được giang sơn. Ngài chết, nước sẽ loạn, máu lại rơi. Bất thức, tôi trở thành kẻ có tội. Bây giờ, nếu ngài không giết thì tôi đi.

Vua Gia Long bàng hoàng... Lặng đi một lúc lâu, ngài mới đáp:

- Hôm nay, Trẫm mới hiểu thế nào là Công chúa Đại Việt. Những lời của Công chúa không dễ lọt tai chút nào. Giận thì rất giận nhưng lại trọng cái gan của Công chúa. Đã trót sủng ái Công chúa lẽ nào xuống tay để mang tiếng giết vợ. Lại nữa, Công chúa coi sống chết như trò đùa thì Trẫm giết Công chúa để làm gì? Thích đi, Công chúa cứ đi. Khi nào hối tâm Công chúa quay về, Trẫm mang kiệu vàng ra đón. Hoàng đế Gia Long sai tâm phúc giả trang bảo vệ Công chúa. Ngài dặn: Cứ lặng lẽ đi theo, Công chúa ở đâu phải bí mật bảo vệ.

Lẽ bất biến của tạo hoá hữu sinh tất hữu diệt. Trách sự sụp đổ là không thể, tồn tại vài ba trăm năm là có thể. Nhưng với bọn quyền thần tham lam ra sức vơ vét làm cho dân xơ xác, văn võ đầy mưu mô dẫn đến triều đình nằm bẽ bảy phái, vua Cảnh Thịnh dù có cố gắng đến mấy cũng vô nghĩa. Vì vậy, thời đại Quang Trung chỉ như làn chớp loé.

Éo le má phấn, điện ngọc rêu xanh cũng bởi tang thương. Ngọc Hân lấy vị Hoàng đế lưng lầy rồi trở thành Bắc cung Hoàng hậu tưởng rằng hạnh phúc trọn đời. Nào ngờ, Hoàng hậu phải chít khăn tang khi mới hai mươi hai xuân xanh, rồi mười một năm sau phải nhận cái chết thảm thương do Gia Long trả thù. Còn em gái hai lần tựa mạn thuyền rồng, Công chúa Ngọc Bình được bao ngày yên ấm?■



TỘC người Rục được phát hiện vào đầu tháng 3 năm 1960 tại vùng rừng núi giáp biên giới Việt-Lào thuộc huyện Minh Hoá tỉnh Quảng Bình. Hồi ấy dư luận đã xôn xao nguồn tin vừa phát hiện ra người nguyên thủy. Chúng tôi bắt đầu tiếp cận hành trình về với cộng đồng 50 năm của người Rục bằng việc đi tìm vị cán bộ vào năm 1960 đã lội rừng tìm được tộc người này.

Ông tên là Đinh Văn Huỳnh – nguyên cán bộ phòng dân tộc- ủy ban hành chính tỉnh Quảng Bình. Nhưng ông Huỳnh đã khuất núi 4 năm trước, hưởng thọ 79 tuổi. Năm nay, nếu còn, cụ bước sang tuổi 83, nghĩa là khi tìm được tộc người Rục, ông ở độ tuổi 33, một tráng niên đang độ chín. Vào thời điểm ấy, miền Bắc vừa hàn gắn xong vết thương chiến tranh sau 9 năm đánh Pháp, bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, ông Huỳnh, khi làm công tác điều tra dân số vùng đồng bào Sách ở xã Thượng Hóa, nghe bà con bàn tán về những vết chân lạ trong rừng sâu, hú gọi thì không ai trả lời. Có thể là của biệt kích Mỹ - Diệm hoặc nhóm người nào mới di cư đến chăng?! Ông Huỳnh báo cáo về tỉnh và được chỉ thị cụ thể, ông cùng với các chiến sỹ đồn biên phòng tiến hành cuộc tìm kiếm. Những tư liệu thành văn ghi theo lời kể của cụ Huỳnh miêu tả rằng: Ban đầu, khi đoàn công tác tìm được chỉ thấy những người đàn ông râu tóc xồm xoàm, ở trần đồng khố, đàn bà mặc váy bằng vỏ cây. Tất cả 23 nữ, 11 nam, có 4 trẻ em, hiểu được tiếng của người Sách, ngôn ngữ giản đơn, thường gọi nhau bằng tiếng hú dài, chỉ có tên mà không có họ, lúc để phải ra ở ngoài hang, chết không chôn mà để xác ngoài rừng lấy lá phủ kín làm mộ. Lương thực chính là bột báng và một số loại thân cây có bột. Thực phẩm chính là thịt khỉ, cua, ốc, tôm cá dưới suối. Họ rất sợ nắng nhưng thích lửa, lấy lửa bằng đá và bùi nhùi, sợ nơi đông người. Cán bộ Huỳnh đã có lời mời gọi giản dị mà chuẩn xác: “Bà con cứ về bản ở một thời gian, nếu lúc nào không ưng cái bụng thì trở lại hang cũ”. Bắt đầu từ đây, 34 thành viên tộc người Rục bắt đầu cuộc hành trình về với cộng đồng không kém phần gian nan vất vả với nhiều khúc quanh, nhiều thăng trầm.

Bà con được người Sách ở bản làm nhà cho ở, tập ăn cơm, mặc quần áo, làm quen với nắng, phát nương rẫy trồng ngô. Cũng ngay năm 1960, trong phong trào hợp tác hóa, bà con trở thành xã viên hợp tác xã nông nghiệp.

Những năm chiến tranh phá hoại, để tránh máy bay Mỹ, bà con chủ yếu sinh sống trở lại trong hang đá. Năm 1989, khi tỉnh Bình Trị Thiên chia ba, Quảng Bình mới trở về địa giới hành chính cũ thì ở Thượng Hóa xảy ra nạn dịch sốt tở tở: 25 người, bằng 11% dân số tộc người Rục thiệt mạng. Bà con hốt hoảng lại chạy vào rừng vào hang lần thứ 2. Một năm sau, hội huynh đệ tài trợ làm con đường bộ xuyên rừng, rút ngắn khoảng cách địa bàn cư trú của tộc người này với thế giới văn minh. Cuộc sống ổn định trở lại, việc học hành của con em được chú trọng hơn. Đinh Xuân Hương là một giáo viên tiểu học vào Rục từ năm 1984 chủ yếu bằng vạch lối băng rừng, đến đầu thập niên 90 mới được đi trên con đường huynh đệ. Tính đến nay, ông đã có 26 năm gần bó với con em đồng bào Rục, vài lần vào hang vận động bà con trở lại bản, nhiều đêm phải ngủ lại trong hang bằng chiếc võng Trường Sơn. Lớp học của ông thường chỉ có 5 trẻ, mục tiêu chủ yếu là cho các em biết mặt chữ, đọc được sách phổ thông, đếm được số chục, trăm, nghìn. Theo chính sách, nhiều lần ông được chuyển về xuôi, nhưng bà con người Rục mến mộ, cứ xin ông ở lại.

“CHẼM RÁU, TÔI LÀ NGƯỜI”

Bút ký của NGUYỄN THẾ TƯỜNG

Năm 2001, bài toán cho cộng đồng người Rục mới chính thức có lời giải. Dự án lớn mang tên: “Bảo tồn và phát triển bền vững tộc người Rục xã Thượng Hóa huyện Minh Hóa” được khởi động. Vậy là, xẻ núi làm đường, san nền làm nhà kiên cố, đào giếng lấy nước sạch, trạm xá, trường học. Mô hình điện – đường – trường – trạm hiện hữu ngay nơi thâm sơn cùng cốc. Đường ô tô nối từ đại lộ Hồ Chí Minh công nghiệp hóa hiện đại hóa, băng qua suối, qua những bãi lầy, vực thẳm cheo leo, vách đá dựng đứng dài suốt 10km, qua hết địa bàn 3 bản người Rục là Ôn, Yên Hợp, Mỏ O Ố Ố vào tận điểm dân cư cuối cùng. Song song hệ thống giao thông là đường điện hạ áp, trường tiểu học Yên Hợp thu hút hầu hết học sinh trong độ tuổi, đội ngũ giáo viên yêu nghề, gần bỏ trách nhiệm với đất rừng và cộng đồng người Sách – người Rục. Cơ quan y tế thường xuyên quản lý sức khỏe của đồng bào. Từ 34 con người ban đầu đối rết tan tác và tuyệt vọng chỉ vịn vào cầu nối mỏng manh với cộng đồng là một câu cửa miệng: “Chẽm rầu – tôi là người”, sau 50 năm đã tăng lên gấp 13 lần, 434 người trong 98 hộ gia đình.

Gia đình cụ Cao Ân có 3 thế hệ người Rục chung sống: ông Cao Ân – nguyên Bí thư chi bộ, là 1 trong số trẻ rời hang 50 năm trước. Người con trai là anh Cao Xuân Diệu – 31 tuổi cùng vợ là chị Hồ Thị Thịnh với 3 người con nhỏ thuộc thế hệ thứ 3. Cuộc trò chuyện với anh Diệu chị Thịnh diễn ra trong không khí vui vẻ. Những gia đình người Rục của những cặp vợ chồng thuộc thế hệ thứ 2, độ tuổi 30 – 40, đều có vẻ bằng lòng với cuộc sống hiện tại: có nếp nhà ngói, rẫy sắn, nương ngô, có vườn rau, cây ăn trái, góc vườn có hoa dã quỳ, trong nhà có ti vi, xe đạp hay xe máy, được nhà nước hỗ trợ 6 tháng gạo, mỗi tháng 15kg cho mỗi người, con cái được học hành, chữa bệnh.

Cần nhớ rằng, người Rục mặc dù khi được tìm thấy chỉ còn 34 người nhưng vẫn bảo lưu được vốn văn hóa phong phú và khá ấn tượng. Đó là kho tàng thần thoại, truyền thuyết, những tập tục như sinh đẻ theo ý muốn, tục cưới xin, ma chay, tục hấp hơi, xin keo, có cả tập quán lạc hậu như uống rượu, hút thuốc, các

phép thổi và ràng để chữa bệnh. Chúng tôi được chứng kiến một lần ràng chữa bệnh của người Rục, gọi là ràng sáng. Người thầy dùng một nhạc cụ cổ xưa gọi là kờ lô ống, hát những bài bằng tiếng Rục, trên đầu đeo vòng hoa rừng, tùy theo loại bệnh mà chọn lời khấn nguyện cho phù hợp.

Có thể di sản văn hóa quý nhất họ bảo lưu được là tiếng Rục – với vốn từ vựng, âm tiết và những yếu tố cấu thành khác. Sinh thời, cố thủ tướng Phạm Văn Đồng rất quan tâm đến tộc người Rục, đặc biệt là các vấn đề về văn hóa và ngôn ngữ. Hiện nay, trong giao tiếp, người Rục vẫn còn dùng rất nhiều từ của tiếng Việt cổ, gần gũi với phương ngữ mà người Bình Trị Thiên dùng cách nay 40, 50 năm trước. Giáo sư, tiến sỹ Trần Trí Dõi – Đại học Quốc gia Hà Nội cho rằng, tiếng Rục hiện nay là hình ảnh chân thực của tiếng Việt cổ cách nay 2000 năm trong thời kỳ xây dựng nhà nước Văn Lang. Đó là thứ tiếng Việt cổ nguyên sơ trước khi bị Hán hoá bởi một nghìn năm Bắc thuộc và ảnh hưởng Nho giáo.

Trong hành trình về với cộng đồng của người Rục cần phải ghi công đầu cho lực lượng bộ đội biên phòng – tên gọi cũ là Công an Vũ trang. Ngay từ năm 1960, họ đã cùng với ông Đinh Văn Huỳnh theo dấu chân lạ mà tìm được người Rục. Đến nay, bộ đội biên phòng vẫn là chỗ dựa đáng tin cậy, là người bạn, người thầy dạy chữ cho học sinh, thầy thuốc chữa bệnh cho người đau ốm, và như một sự tình cờ, tròn 50 năm rời hang, vụ lúa nước đầu tiên của người Rục đã được gặt hái bội thu có công khởi xướng, đạo diễn, dạy việc của những chiến sỹ quân hàm xanh. Đây có thể coi là một cuộc cách mạng, một mốc son trong hành trình người Rục kể từ ngày rời hang, chuyển hóa từ phương thức hái lượm, nương rẫy lên sản xuất lúa nước trên đồng cày.

50 năm là một thời gian dài, nhưng với một tộc người đã bị lạc trong rừng hàng trăm năm, hàng ngàn năm, sống như người hổng hoang, mặc vỏ cây, lấy lửa bằng đá, hành trình trở lại với cộng đồng người Việt thì đó chưa phải là một thời gian cần và đủ khi mà còn bị cắt quãng bởi 15 năm chiến tranh ác liệt. Chúng ta đã làm được nhiều việc cho người Rục và

cùng với người Rục tiến lên một chặng đường dài, kết quả nhân tiến nhưng cũng cần ngoai lại để thử chiêm nghiệm một vài động thái liệu đã phù hợp chưa?! Ví như, ngay trong năm 1960, khi mới từ rừng ra, còn học ăn cơm, mặc áo, chúng ta đã theo phong trào mà đưa họ vào hợp tác xã nông nghiệp. Ví như trong suốt mấy mươi năm, chúng ta đưa họ đi định cư nhiều nơi, để cuối cùng lại trở về với vùng đất mà họ lựa chọn thì mới yên vị. Chúng ta bao cấp mọi mặt mà không dạy họ làm mọi việc, nên nói chung, người Rục vẫn giữ thói quen uống rượu say, hút thuốc nặng, chờ đợi nguồn tài trợ từ trên với câu châm ngôn mang từ rừng về: “đói không lo – no không mừng”. Giáo sư tiến sỹ Trần Trí Dõi khẳng định: sự nóng vội để tạo ra những bước tiến cho một tộc người lạc hậu xét trên góc độ khoa học là không nên và không được. Dù sao, vì sự nóng vội đó mà trong 50 năm qua, với bao biến động khó khăn nhiều bề, nhà nước ta đã không để mất đi một tộc người nào, một thứ tiếng nào. Trong khi đó, người phương Tây quản lý nước Úc vốn có 2.800 ngôn ngữ, sau 200 năm đã mất đi rất nhiều chỉ còn lại 300 ngôn ngữ. Tiến sỹ Cao Văn Định – Bí thư huyện uỷ Tuyên Hoá cũng nhận xét rằng, trong quá trình tác động vào đời sống người Rục, chúng ta đã có những động thái tương đối khiên cưỡng. Nhưng nếu không có điện – đường – trường – trạm sớm vào với người Rục thì làm sao có thể cải thiện được cuộc sống mọi mặt của họ. Dù sao, đã thấy khiên cưỡng thì phải điều chỉnh sao cho có thể cải thiện được cuộc sống mọi mặt mà không làm mất đi bản sắc văn hoá của tộc người này.

Trong những lần vào công tác ở các bản người Rục chúng tôi tiếp xúc với nhiều nhân chứng. Có người kíp ghi danh tính có người không. Ông Cao Văn Thuynh – nguyên là trung uỷ biên phòng về nghỉ chế độ nay đang đảm trách bí thư cho bộ của 6 đảng viên, sức khoẻ không tốt lắm nhưng xem ra tinh thần còn minh mẫn. Có một người đàn bà Rục ngồi bên bếp lửa say sưa kể chuyện đời, chuyện những tháng ngày cả tộc người bị dịch sốt hành hạ mà dường như trong đôi mắt vẫn chưa hết kinh hoàng. Tinh cờ chúng tôi gặp một cô gái giữa đường khá hiện đại trong bộ y phục màu hoa cà đang nghe điện thoại di động có thể là kết quả của mối lương duyên giữa Rục và Sách hay Rục và Nguồn. Ở đất Rục hôm nay sống đi động còn mạnh hơn nhiều nơi khác. Có một người đàn ông khác tên là Trần Văn Trục, 52 tuổi có tới 12 đứa con, 27 cháu nội ngoại, là người vui tính. Năm 1960 ông mới 2 tuổi, khi rời hang còn được bế trên tay. Bây giờ ông cầm chiếc máy điện thoại di động nghe nhạc vừa đi vừa cười nói ròn rã, năng nặc mời chúng tôi về nhà, gọi con cháu ra nhõ sẵn bắt mang về xuôi. Ông đang có niềm phấn khích lớn: con trai thứ 9 của ông đã gửi thư về từ Malaixia. Thành bé mới mười tám tuổi, đi xuất khẩu lao động cùng với 37 chàng trai cô gái khác. Có một vài cô cậu không quen được thung thổ xứ người và nhịp độ lao động công nghiệp đã bỏ về với bản, nhưng con trai ông đã trụ lại được.. Vậy là trong hành trình về với cộng đồng những người Rục đầu tiên đã vươn ra biển lớn. Dù có những động thái khiên cưỡng hay áp đặt từ cộng đồng, có thăng trầm, thậm chí có cả bước lùi nhưng trong nửa thế kỷ rời hang người Rục đã đi được chặng đường của hàng trăm năm, của ngàn năm vậy. Bởi trước hết, nhớ câu nói của miệng trước đây của họ. “Chẽm rầu, Tôi là người”. Họ, người Rục là một bộ phận làm nên sự đa dạng, phong phú và giàu có của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.■



Người Rục ở bản Mỏ O Ố Ố

BẠN ĐỌC VỚI VĂN NGHỆ

TRƯỚC THÊM XUÂN

LÊ AN KHÁNH

TỜ lịch cuối cùng năm 2010 khép lại, báo hiệu năm mới 2011 đang gõ cửa, cũng là lúc nhiều bạn đọc báo Văn nghệ cảm nhận rõ hơn những chuyển biến tích cực của tờ báo mà mình hằng yêu mến và tin cậy, nhất là từ sau thành công của Đại hội Nhà văn Việt Nam lần thứ VIII vào tháng 8-2010.

Một trong những mục tiêu Đại hội đặt ra là tiếp tục đổi mới, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng toàn diện tờ báo Văn nghệ - ấn phẩm chính của Hội Nhà văn Việt Nam. Sau một thời gian chưa dài, bằng sự cố gắng nỗ lực của tập thể những người làm báo Văn nghệ, một điều dễ nhận thấy là diện mạo của tờ báo đã dần khởi sắc, được độc giả vui mừng đón nhận và sẻ chia.

Nổi bật là các bài viết nhằm làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản về đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng trong tình hình mới tiếp tục thu hút sự quan tâm của bạn đọc. Đó là các bài Ký ức về một nền văn hóa mới của Nguyễn Đình Thi, Minh triết của Mác - Nguyễn Trãi - Hồ Chí Minh của Hoàng Ngọc Hiến và bài Giao lưu và giữ gìn sự đa dạng của văn hóa của Phan Hồng Giang đều được đăng trên Văn nghệ số 35+36. Trong đó, đáng chú ý là bài Văn hóa lãnh đạo và lãnh đạo có văn hóa của GS.VS. Hồ Sĩ Vịnh (Văn nghệ số 47), được viết công phu, tâm huyết và mang tính thời sự cấp bách, nên có tác dụng thuyết phục người đọc bằng cả lý lẽ và xúc cảm.

Bên cạnh đó mục Tiếng nói nhà văn với các bài viết ngắn gọn nhưng sâu sắc cũng như chuyên mục Vấn đề hôm nay nhằm góp phần kiến nghị, đề xuất những giải pháp để giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra, luôn thu hút, lôi cuốn và hấp dẫn với nhiều đối tượng

bạn đọc.

Năm 2010 là năm Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội lần thứ XI của Đảng. Báo đã dành phần trang trọng đăng nhiều ý kiến đóng góp thiết thực, tâm huyết của các nhà văn, nhà nghiên cứu văn học vào các Dự thảo Văn kiện, thể hiện tâm nguyện của các văn nghệ sĩ đối với Đảng, cũng là tôn chỉ, mục đích của báo Văn nghệ, vì chủ nghĩa xã hội.

Chào mừng Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội là chủ đề số báo Văn nghệ 42+43 với các bài đặc sắc: Đất Rồng bay (Nguyễn Hữu Quý); Các cây bút nữ với Hà Nội (Phan Thị Thanh Nhân); Kinh Bắc - Thăng Long dấu nổi văn hóa (Trịnh Đình Khôi)... và các bài khác.

Một điều đáng ghi nhận trong thời gian qua là không khí trao đổi thẳng thắn, cởi mở, thể hiện tính dân chủ và văn hóa báo chí luôn được tôn trọng và phát huy thể hiện qua các bài viết trao đi, đổi lại. Cá biệt có trường hợp như trong bài Văn nào, đạo nấy (Văn nghệ số 38), tác giả đã thẳng thắn phê phán về một bài viết mà trong đó có sự đánh giá chưa thật sự khách quan khi nói về giới văn học Việt Nam...

Nhưng có lẽ ấn tượng hơn cả đối với bạn đọc là bài Bất ngờ từ một cuốn sách của Nguyễn Bảo (Văn nghệ số 45) giới thiệu về cuốn Một số vấn đề kinh tế và chính trị hiện nay của nhà văn Nguyễn Chí Trung do Nxb CT-QG ấn hành. Điều này càng khẳng định, kinh tế - chính trị và văn hóa là ba chân kiềng của một sự nghiệp lớn và gọi mở cho bạn đọc điều thú vị về thiên chức nhà văn. Nhà văn hoàn toàn có khả năng đảm nhiệm vị trí của một chính trị gia chuyên nghiệp, một nhà kinh tế hàng đầu nếu như ở nhà văn đó hội tụ đủ vốn sống



phong phú và trí tuệ uyên bác.

Chúng tôi chưa thể điểm hết những thay đổi đáng khích lệ trên báo Văn nghệ trong thời gian gần đây. Song qua đó cũng thấy được tờ báo đã toát lên sức sống mới, chắc chắn hơn. Các bài chính chủ đề rõ ràng, bố cục chặt chẽ, các bài phụ cũng được chọn lọc kỹ càng, biên tập cẩn trọng. Đó là cơ sở để bạn đọc chúng tôi tin chắc rằng, năm 2011 tới đây, báo Văn nghệ đã hay ngay một hay hơn. Đó cũng là cảm nhận của nhiều độc giả yêu báo Văn nghệ trước thêm xuân 2011.

NGĂN CHẶN TÁI PHÁT TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO

Câu chuyện được ghi lại qua lời kể của anh Đỗ Xuân Sơn, sinh năm 1961, nhà số 9, đường Chu Văn Thịnh, Tổ 1, phường Tô Hiệu, TP Sơn La, tỉnh Sơn La về căn bệnh tai biến mạch máu não từng xảy ra với anh và cách điều trị hiệu quả mà anh đã áp dụng.

A NH Sơn cho biết: "Khoảng tháng 4 năm 2000, khi tôi đang treo cờ để chuẩn bị cho đợt bầu cử Hội đồng Nhân dân nhiệm kỳ mới thì thấy tay run run, không thể giơ lên được, người bủn rủn, choáng váng, tôi tưởng mình bị cảm. Vợ tôi gọi bác sĩ đến và đo huyết áp cho tôi, huyết áp tăng cao 180/100. Sau đó, tôi bị tê nửa người bên phải, gia đình đưa tôi lên bệnh viện địa phương cấp cứu. Bác sĩ cho biết tôi bị tai biến mạch máu não nhẹ. Điều trị ở đây 10 ngày, huyết áp đã ổn định hơn nhưng tình trạng tê nửa người của tôi vẫn chưa dứt, trí nhớ suy giảm rõ rệt, tôi chỉ nhớ được những việc xảy ra một đến hai ngày là cùng, xa hơn thì chịu không nhớ nổi, tay tôi vẫn chưa viết chữ được.

Sau đó, gia đình đưa tôi xuống bệnh viện dưới Hà Nội điều trị tiếp. 10 ngày sau, tôi ra viện trong tình trạng sức khỏe tốt hơn. Tôi uống thuốc điều trị tại nhà khoảng 2 tháng thì tình trạng tê nửa người bên phải đã hết, tay viết được một chút, trí nhớ cũng khá hơn.

Do trong gia đình cũng có người đã từng bị tai biến mạch máu não nặng, tôi hiểu hậu quả của căn bệnh này rất nghiêm trọng, nếu bệnh tái phát thì nguy hiểm lắm, không biết đang nào mà lần. Vì thế, tôi đã tìm hiểu nhiều loại thuốc Tây y, Đông y để ngăn chặn tái phát bệnh. Đến khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2008, tôi đọc báo và được biết sản phẩm Nattospes có thể hỗ trợ điều

trị, phòng ngừa rất tốt tai biến mạch máu não. Là một người trong ngành y, tôi hiểu đây là sản phẩm nguồn gốc tự nhiên, không gây tác dụng phụ - cái hay ở sản phẩm này so với thuốc Tây y là thế! Tôi mua Nattospes về dùng. Thời gian đầu tôi dùng 2 viên/ngày, sau giảm xuống 01 viên/ngày, liên tục trong 4-5 tháng. Kết quả là tôi thấy người khỏe khoắn, ăn uống ngon miệng, ngủ tốt hơn, mọi sinh hoạt đều dễ chịu, tay viết lưu loát, trí nhớ minh mẫn như bình thường và không phải dùng sổ ghi nhớ nữa. Đặc biệt, trước kia tôi rất hay đau đầu - một di chứng của tai biến, nhưng bây giờ gần như hết hẳn. Mục đích chính mà tôi sử dụng Nattospes là để phòng ngừa cơn tai biến. Và điều này đã được khẳng định, đó là từ khi dùng Nattospes đến nay, tôi chưa hề bị cơn tai biến nào".

Anh Sơn chia sẻ thêm: "Đến nay, tôi vẫn duy trì dùng Nattospes, mỗi năm tôi uống 2 đến 3 đợt, mỗi đợt 2 tháng, kết hợp với ăn uống điều độ, tập thể dục nhẹ nhàng. Sức khỏe và cuộc sống của tôi đã tốt hơn nhiều".

HỮU ÍCH

(Theo tạp chí Sống khỏe - Số ra ngày 5/10/2010)



Ảnh minh họa

BỆNH DI ỨNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỨC NĂNG GAN KHÔNG?

Việt Nam là một đất nước mang khí hậu nhiệt đới gió mùa nên không khí nóng và ẩm là nguyên nhân gây ra các loại bệnh ngứa dị ứng thời tiết (mụn nhọt, lở ngứa) thường xảy ra vào mùa hè và mùa đông. Các triệu chứng như ngứa phát ban có dấu hiệu đỏ trên da, bệnh mề đay cũng thường xảy ra khi nhiệt độ vào mùa hè lên cao quá 30 độ C, mùa đông xuống thấp dưới 15 độ C hoặc khi tiếp xúc với môi trường không khí bị ô nhiễm bởi bụi bẩn và rác thải. Các triệu chứng thường bắt đầu với một vài chấm đỏ xuất hiện trên da, khi đó người bệnh thấy ngứa ngáy khó chịu và gãi theo phản xạ tự nhiên. Càng gãi, các chấm đỏ càng lan rộng thành đám nhỏ, điểm lớn nổi khắp trên da mà không thỏa mãn cơn ngứa. Khi người bệnh bị ngứa đến mức khó chịu nổi, việc gãi liên tục sẽ gây việc trầy xước da, có trường hợp ban ngứa, mề đay làm tổn thương niêm mạc ruột gây đau bụng dữ dội và thậm chí gây phù nề Thanh Phế Quản làm suy thõa cấp có thể dẫn đến tử vong.

Cách dùng loại thuốc bôi ngoài da cũng như uống thuốc tân được chống dị ứng chỉ khởi tạm thời, sau một thời gian lại tái phát vì bệnh ngứa dị ứng, mề đay (mụn nhọt, trứng cá, u bã đậu, lở ngứa...) có chung theo Đông y nguyên nhân là do TAM BỊ NHIỆT (nóng), nguyên nhân sâu xa là chức năng tiêu độc của gan kém và chức năng bài tiết của thận suy giảm, người nóng trong, tiểu vàng, có khi tiểu đỏ. Nguyên nhân do thói quen ăn ít rau và hay ăn những đồ cay nóng. Chức năng tiêu độc của Gan là một trong những chức năng quan trọng để chuyển hóa thức ăn. Khi ta ăn các chất đạm, béo, đường (có nguồn gốc động vật, thực vật)... bộ máy tiêu hóa phân hủy các chất đó thành các axit amin cơ bản rồi tổng hợp chúng lại thành các chất của cơ thể người để duy trì hoạt động của cơ thể. Trong quá trình đó sinh ra các chất độc (chất không mong muốn) nên Gan phải chuyển hóa các chất độc đó thành dạng vô hại và đẩy ra khỏi cơ thể theo 3 cách: đại tiện, tiểu tiện và mồ hôi. Nếu chức năng gan kém sẽ kéo theo thận phải làm việc nhiều hơn bình thường để bài tiết ra khỏi cơ thể. Khi cả chức năng tiêu độc và bài tiết của hai bộ phận này suy yếu cộng với sức khỏe giảm sút, cơ thể dễ dàng bị PHONG (gió), NHIỆT (nóng), THẤP (ứ nước) sẽ gây ra bệnh ngứa dị ứng, mề đay (mụn nhọt, trứng cá, u bã đậu, lở ngứa...)

Dựa trên những nguyên lý chữa trị của đông y, kết hợp với những nghiên cứu khoa học hiện đại trong và ngoài nước, sản phẩm Thiết Mộc Can phối hợp với các dược liệu hàng đầu có ích đối với gan như Ngũ Vị Tử, Diệp Hạ Châu, Curcumin giúp hỗ trợ điều trị tận gốc căn nguyên của bệnh ngứa dị ứng, mề đay (mụn nhọt, trứng cá, u bã đậu, lở ngứa...). Sản phẩm Thiết Mộc Can giúp tăng cường chức năng giải độc cho gan, giúp cơ thể chống đỡ lại các tác nhân độc hại từ môi trường sống.

Rất nhiều bệnh nhân sau một thời gian dài đã thử mọi cách để chữa trị nhưng không hiệu quả, nhưng khi dùng Thiết Mộc Can thì thấy hiệu quả bất ngờ, các triệu chứng của bệnh ngứa dị ứng, mề đay (mụn nhọt, trứng cá, u bã đậu, lở ngứa...) dường như biến mất hoàn toàn, không để lại bất kỳ sự khó chịu và lo lắng về triệu chứng này nữa. Bên cạnh đó, nhiều tác dụng thanh lọc, giải độc cho gan của các dược liệu trên nên bất kỳ ai dùng sản phẩm Thiết Mộc Can cũng nhận thấy da dẻ trắng mịn, hồng hào và có một cơ thể khỏe mạnh hơn khi lá Gan khỏe mạnh!

Mọi thông tin về sản phẩm xin liên hệ:

*Miền Bắc: CÔNG TY TNHH KHANG NHÂN - Địa chỉ: Số 81 Phố Đại Từ - Đại Kim - Hoàng Mai - HN - Điện thoại: (04) 35400140

*Hải Phòng: Dược phẩm Đồng Tâm - Ngã 30 Nguyễn Bình - Điện Thoại: 0313.736859 - Chi Thảo: 0904.191.838

*Nghệ An: Nhà thuốc Châu Bửu - Điện thoại: 0383.845.863

*Đà Nẵng: Ms Phúc - ĐT: 0902.07.705

*Miền Nam: CN Cty CP Dược phẩm Nam Hà - Nhà B4 số 198 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận - TPHCM - Điện Thoại: 083.9971149 - 083.9973714

Tư vấn SP: Anh Quang - 0913.534167



Sản phẩm có bán tại các nhà thuốc trên toàn quốc

PHÒNG TẾ THẤP Hyđan

thần kinh yếu và phân phối
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HOÁ
04 Đường Trung - TP. Thanh Hóa - Tel: (037) 3852661

DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP:
* Đau dây thần kinh tọa, thần kinh liên sườn, đau vai gáy.
* Đau nhức xương, mỏi, tê buồn chân tay, sưng các khớp

CÔNG THỨC: Cho 1 viên hoàn cứng

Bột Mã tiền chế	20mg	Cao đặc Hy thiêm	12mg
Độc hoạt	12mg	Đỗ trọng	16mg
Xuyên khung	8mg	Đương quy	16mg
Tế tân	6mg	Tân giao	12mg
Phòng phong	12mg	Ngưu tất	12mg
Quế chi	6mg	Tà dược vừa đủ	1 hoàn

TRÌNH BÀY: Hộp 1 lọ x 250 viên hoàn cứng.

CHỈ ĐỊNH: Dùng trong các trường hợp đau dây thần kinh tọa, thần kinh liên sườn, đau vai gáy, đau nhức xương, mỏi, tê buồn chân tay, sưng các khớp.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH: Phụ nữ có thai, trẻ em dưới 4 tuổi.

LƯU Ý: - Thuốc dùng được cho người bệnh bị tiểu đường.
- Bệnh nhân cao huyết áp, người có tiền sử dạ dày khi dùng thuốc phải theo dõi vì thuốc có nhiều vị nóng, nếu không hợp thì phải dừng.
- Nếu uống quá nhiều sẽ có các triệu chứng: Nôn nao, khó chịu, mạch nhanh, chân tay cứng.
Các triệu chứng trên sẽ hết sau 3 giờ.
TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN: - Đau nhức có thể tăng đôi lần trong 3 - 5 ngày đầu dùng thuốc. Nhưng cảm giác này sẽ giảm đi và mất hẳn vài ngày sau đó, nên tiếp tục dùng thuốc cho đến khi giảm đau và khỏi hẳn.
- Táo bón, cần dùng thêm thuốc nhuận tràng hoặc ăn thức ăn nhuận.
Thống báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

KIỂM KÝ: Kiểm tra giá, xói nếp, cưa, cá đồng.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG:
- Người lớn: Uống 10 hoàn/lần x3 lần/ngày, tối đa: 20 hoàn/lần, 50 hoàn/ngày.
- Trẻ em trên 4 tuổi: Ngày uống 1 hoàn cho mỗi tuổi, chia làm 2 lần. Mỗi đợt dùng thuốc 20 - 30 ngày. Có thể uống lâu hơn cho đến khi khỏi hẳn.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG: - **ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM.**

HẠN DÙNG: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng quá thời hạn ghi trên bao bì.

BẢO QUẢN: Nơi khô mát

TIÊU CHUẨN: TCCS

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Phòng Kế hoạch Kinh tế/Marketing 04 Đường Trung - TP. Thanh Hóa ĐT: (037) 3852661 * Fax: (037) 3852660	Chi nhánh công ty tại TP. Hà Nội Cm Công nghiệp/Hệ Bim Phương Hàng - Thương mại - Hà Nội ĐT: 04.38840542 * Fax: 04.38840570	Chi nhánh công ty tại TP. Hải Phòng Số 28/16 Liệt - Hàng - Hải Phòng ĐT: (031) 3886524 * Fax: (031) 3842984	Chi nhánh công ty tại TP. HCM Số 6/45 Đường 32, p.4, Q.10, TP. HCM ĐT: (08) 38846540 * Fax: (08) 38846539
--	--	---	---

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
PHUTHO CEMENT JOINT STOCK COMPANY

Chúc mừng năm mới!

ĐỊA CHỈ: KHU 12 THỊ TRẤN THANH BA - HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ
ĐT: (0210)3885310 - Email: xmpt@ximangphutho.com.vn
Fax: (0210)3884023 http://www.ximangphutho.com.vn

Chủ tịch: NGUYỄN VĂN NHƯỜNG
Tổng giám đốc: TRIỆU QUANG THUẬN

Thương hiệu là "Xi măng Vĩnh Phú", Xi măng Phú Thọ được sản xuất trên dây chuyền hiện đại của nước ngoài. Với nhãn hiệu "Con ngựa bay". Các loại xi măng Poóc lăng hỗn hợp PCB 30 - PCB 40 đã trở thành những sản phẩm quen thuộc, ưa chuộng của các công trình. Với sản phẩm đạt chất lượng tiêu chuẩn ISO - 9001 - 2008, Cúp Sen Vàng (2002; 2005) Quả Cầu Vàng (2005); Nhãn hiệu cạnh tranh quốc gia (2006), Cúp vàng sản phẩm Việt uy tín chất lượng (2006), Sản phẩm Việt hợp chuẩn WTO về sở hữu trí tuệ (2007), Giải thưởng Chất lượng Việt Nam 2006-2007 và Cúp Vàng hội nhập Quốc tế năm 2008.... Quý khách yên tâm ở Công ty về chất lượng sản phẩm lẫn thái độ phục vụ!

Xi măng Phú Thọ - Niềm tin vững chắc của mọi công trình!

IG Vicem
Thách Thức Thời Gian

XI MĂNG BİM SƠN
DIỆN MẠO MỚI - SỨC MẠNH MỚI

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn tự hào là đơn vị thành viên của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam - VICEM. Với vị thế và diện mạo mới, Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn và các thành viên cam kết kế vai cùng thách thức thời gian, đưa đất nước lên những tầm cao mới

TRỤ SỞ CHÍNH: Phường Ba Đình - Thị xã Bim Sơn - Thanh Hóa
Điện thoại: 0373 824 242 - Fax: 0373 824 046
Website: www.ximangbimson.com.vn
Email: bccjsc.bcc@gmail.com

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT • Tổng biên tập: NGUYỄN TRÍ HUÂN

• Phó tổng biên tập: THÀNH ĐỨC TRINH BẢO • Tòa soạn, Trị sự: 17 Trần Quốc Toản - Hoàn Kiếm - Hà Nội.
• Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trị sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702640
• Email: thukybvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; bannghehthuathvn@gmail.com.
• Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38298802 • Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại: (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax: (058) 3825867. • In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội
• ISSN 0866 - 0815 • MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội

• Trình bày: PHẠM MINH HẢI • Giá: 5.900 đồng.